

Số 13 -
7/1918

L'INFORMATION FRANÇAISE

LA FRANCE DEVANT LE MONDE. - SON ROLE DANS LA GUERRE DES NATIONS

(Publication autorisée par arrêté du 30 décembre 1916 de M. le Gouverneur Général de l'Indochine)

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

LUẬN-THUYẾT

1014-9

NHẬT-BÁO HAY TẠP-CHÍ ?

Bản-chi đến nay vừa đầy một năm và bắt đầu từ số này là bước sang năm thứ nhì. Lệ thường trong báo-giới vẫn lấy ngày « đầy tuổi tôi » làm một dịp kỷ-niệm : kỷ-niệm cái công sáng-lập gian-nan, kỷ-niệm cái sự-nghiệp đã thành trong năm mới qua, kỷ-niệm những lời khen chê của dư-luận đối với công việc nhà báo ; nói tóm lại là trông con đường tương-lai còn dài, quay lại nhìn cái khúc ký-vãng, thấm thoắt chưa mấy mà đã bằng một vòng trái đất quanh mặt giới, trong lòng hốt sinh ra cái cảm-giác như nửa vui mừng mà nửa lo sợ, mừng rằng ta đã đi trôi-lọt được đến đây, lo vì những sự trở-ngại sau này.

Đồng-nhân chúng tôi khi bắt đầu biên-tập số báo thứ nhất năm thứ nhì này, trong lòng cũng thấy phát-khởi ra một cái cảm-giác như thế. Nhưng bản-ý chúng tôi không phải là muốn theo lệ thường của báo-giới mà lấy dịp này làm một dịp kỷ-niệm những công việc đã làm nên trong ba trăm sáu mươi ngày Giời mười hai tháng Phật đã qua. Chúng tôi thiết-nghĩ rằng dù có công đã có người biết, dù có lỗi đã có kẻ hay, sự khen chê là việc người ngoài, tự mình tán-tụng cho mình, tự mình chỉ-trích lấy mình đều là khó nghe cả. Huống sự khen chê đã là cái quyền

người ngoài, mà người nước Nam mình lại thường thi-hành cái quyền ấy đến cực-diêm, khen cũng đến cực-diêm mà chê cũng đến cực-diêm, thời dẫu mình có tự binh-phẩm mình cũng chẳng thắm vào đâu !..

Cho nên trong mấy nhời « kỷ-niệm » này, chúng tôi không « kỷ-niệm » gì cả, không nói gì đến công việc chúng tôi trong năm mới rồi, xin đề cho dư-luận tự-do phê-phán. Song thường nhận trong dư-luận đối với tạp *Nam-Phong* chúng tôi có một cái ngộ-diêm, cái ngộ-diêm ấy đã tiêu trên đề-mục bài này. Nay chỉ xin phân-giải cái ngộ-diêm ấy như sau này.

Quốc-dân thường lẫn thê « tạp-chí » với thê « nhật-báo ». Thế nào gọi là « nhật-báo » ? Thế nào gọi là « tạp-chí » ?

* * *

Tính ham biết là cái tính thông-thường của người đời nay. Người đời xưa cái nhỡn-giới không ra khỏi giới-hạn nơi mình sinh-trưởng, không ra khỏi cái phạm-vi nghề-nghiệp mình. Người đời nay đứng núi này muốn trông sang núi kia, cái lòng dục-vọng đã vô-cùng thì cái tính ham biết cũng vô-hạn. Muốn thỏa-mãn cái lòng dục-vọng kia mà thế-giới đã thành một chốn cạnh-

trường to, người đời xô-đẩy nhau mà tranh đua những sự phú-quí phong-lưu; muốn thỏa-mãn cái tình ham biết này mà xã-hội đã thành một nơi diễn-đàn lớn, kẻ lập-ngôn người trước-thuật, đem sách-vở báo-trương mà ban-bổ trong nhân-quần. Sự làm sách làm báo sở dĩ thành nghề thịnh-hành trong đời bây giờ là vì lẽ đó. Nay ta hãy không bàn về nghề làm sách mà chỉ nói riêng về báo-giới. Cái tình ham biết của người ta đã vô-cùng thì các hạng báo cũng phải vô-số: có báo hàng ngày, có báo một ngày hai ba lần, có báo hai ba ngày một lần, có báo hàng tuần, có báo hàng tháng, có báo hàng hai ba tháng; có báo văn-chương, có báo triết-lý, có báo chính-trị, có báo kinh-tế, có nông-báo, thương-báo, học-báo, có báo về nghề tàu bay, nghề tàu ngầm, nghề đi biển, v. v. -- Nhưng cứ cái thể-thức báo mà nói thì đại-đề có hai hạng: một là hạng « nhật-báo », hai là hạng « tạp-chí ».

Ng nhật-báo (*journal*) hoặc ra mỗi ngày một lần, hoặc hai ba ngày một lần, chậm lắm là mỗi tuần lễ một lần, chủ báo cho người đọc biết những tin-tức hằng ngày, việc nhỏ việc nhỏ, việc xa việc gần, bất cứ việc gì, phạm những sự-thực xảy ra trong xã-hội mà hoặc có ích-lợi, có vui thú, có quan-hệ chút nào đến các hạng người đọc báo, đều thuộc về nhật-báo biên chép và trình-bày báo-cáo cho thiên-hạ biết. Như thế thì nhật-báo cốt ghi lấy những việc hằng ngày, việc xảy ra thế nào chép lại như thế, càng tường càng đúng bao nhiêu càng hay bấy nhiêu. Cũng có khi nhật-báo vừa chép việc vừa nghị-luận về những việc ấy, nhưng phạm nghị-luận đều lấy cái biểu-diện hiện-thời mà xét, không cửu đến căn-nguyên, không suy đến kết-quả mọi việc. Nhật-báo là cái máy chụp ảnh thu lấy những ảnh-trợng xuất-hiện ra hằng ngày hằng giờ ở khắp mọi nơi, rồi phản-chiếu cho mọi người cùng xem, chụp vào càng hết bao nhiêu,

chiếu ra càng nhảy bao nhiêu thì càng có giá-trị bấy nhiêu.

Tạp-chí (*revue*) thì không thế. Tạp-chí hoặc ra mau nhất là mỗi tuần lễ một lần, hoặc một tháng một hai lần, hoặc hai ba tháng một lần, vừa là tạp báo, vừa là quyển sách. Tạp-chí thuộc thể *báo* là cũng xuất-bản có định-kỳ như nhật-báo, và thường cũng nghị-luận đến những vấn-đề hiện-thời. Tạp-chí thuộc thể *sách* là các bài thường dài, có ý muốn cai-quát cả một vấn-đề, nghị-luận lấy cao lấy sâu, khảo-cứu lấy tường lấy tận, không có cái tinh-cách nhất-thời như các bài nhật-báo. Tạp-chí vừa thuộc thể báo vừa thuộc thể sách mà lại điều-hòa châm-chước hai thể ấy, biệt thành ra một thể riêng. Giống báo mà cao hơn báo, giống sách mà thấp kém sách, đứng giữa độ đường từ tờ báo bốn trương cho đến quyển sách hai trăm tờ. Cái mục-dịch của tạp-chí là muốn đem những vấn-đề cao-cao về chính-trị, học-thuật, văn-chương, v. v., bàn-bạc giảng-cầu cho những người đã có học-thức xem, không phải là báo những tin-tức cho công-chúng. Cho nên tạp-chí vẫn ít người xem hơn nhật-báo. Tạp-chí kém nhật-báo về đường phổ-thông mà hơn nhật-báo về đường chắc-thực. Bài luận-thuyết hoặc bài nghiên-cứu của tạp-chí tuy chưa tường bằng một quyển sách mà dễ đọc hơn sách, dễ phổ-cập hơn sách, nên tạp-chí sánh với sách cũng tức như nhật-báo sánh với tạp-chí vậy. Song cái lối « thuyết-luận » (tiếng Pháp là *essai*, nhà làm thuyết-luận là *essayiste*) của tạp-chí mà đến bậc hoàn-toàn thì cái giá-trị cũng chẳng kém gì một pho sách, mà cái thú-vị lại có phần rời-rào hơn. Nhiều nhà danh-sĩ bên Pháp nổi tiếng trong hoàn-cầu chỉ vì làm bài trong các tạp-chí. Có khi chỉ làm một bài thuyết-luận hay mà đủ liệt vào bậc danh-sĩ: như quan đại-trưởng LYAUTEY hiện làm thống-đốc đất Ma-lặc-kha (Maroc), khi xưa chỉ có đăng một bài luận trong tạp-chí *Revue*

des Deux mondes (Tập-chi hai thế-giới) về « Cái nghĩa-vụ nhà quân-quan » (*Le rôle social de l'officier*), mà gần đây được bầu vào hội Hàn-lâm nước Pháp.

Như thế thì cái thể tạp-chí thật là một thể rất uyên-chuyên, rất mềm-mại, không nghiêm-khắc như pho sách mà không sốc-nổi như tờ báo, nếu biết khéo dùng có thể thành một cái cơ-quan để truyền-bá tri-thức không gì bằng. Nhất là những nước mới tiến-hóa, mới bước vào đường văn-minh học-thuật ngày nay, không có lối trước-thuật gì để ban-bổ những tư-tưởng mới mạnh bằng lối tạp-chí. Nhật-báo cũng cần, mà cái tinh-cách của nhật-báo chỉ dễ *báo*, không dễ *dạy* được, vì trong những tin-tức của nhật-báo truyền đi, có tin hay có tin dở, có tin thực có tin hư, nhà làm nhật-báo bị thời-giờ bách-xúc không thể sát-hạch kiểm-điểm cho thật đích thật sắc được. Đến như sách thì tuy cái mục-dịch là để dạy, mà bề học mênh mông, thiên kinh vạn quyển, trừ những nhà chuyên-trị về một môn học nào, còn người thường chỉ muốn xem cho biết, cho mở-mang tri-thức mà thôi, những trông thấy mà đã khiếp, còn có đâu cái kiên-nhẫn mà đọc cho hết được. Đối với những người hiểu-học hiểu-biết ấy thì thể tạp-chí thực là thích-hợp, thực là một cái cơ-quan rất tiện-lợi để giãng-câu những điều bổ-ích về đường tri-thức.

Các nước Âu-Mĩ, nhật-báo tạp-chí như rừng, ta không nói làm gì. Cứ như nước Nhật-bản là một nước mới tiến-hóa theo lối văn-minh thời nay, các

thứ tạp-chí xuất-bản trong nước kể đến hơn một nghìn, cái ảnh-hưởng trong tinh-thần quốc-dân thực là sâu và thực là mạnh. Xem đó thì biết người Nhật-bản trọng đường học-vấn tri-thức là như thế nào. Trong khoảng một nửa thế-kỷ nay nước ấy tiến-hóa nhanh như thế, phần nhiều cũng là bởi cái tinh hiểu-học hiểu-biết ấy. Cứ báo « Cực-đông thời-báo » (*Information d'Extrême-Orient*) đã đếm chỉ trong một cửa hàng bán sách lớn ở Đông-kinh (Tokyo) mà có đến 525 thứ tạp-chí, chia ra các hạng như sau này : 56 thứ về chính-trị và các vấn-đề chung, 12 thứ về luật-học, 30 thứ về kinh-tế-học và các việc buôn bán, 36 thứ về công-nghệ thực-nghiệp, 35 thứ về nông-học, 29 thứ về các mĩ-thuật, 32 thứ về tôn-giáo và triết-học, 31 thứ về giáo-dục và học-chính. 31 thứ về các khoa-học (thiên-văn-học, địa-dư-học, bác-vật-học, lịch-sử-học, v. v.), 30 thứ về nữ-giới và gia-chính, 39 thứ riêng cho trẻ con, 26 thứ để học các tiếng ngoại-quốc, 22 thứ về y-học và vệ-sinh-học, 46 thứ về các thuật thể-thao, về nghề diễn-kịch và các thuật chơi đùa, 9 thứ về binh-học...

Ấy thể tạp-chí ở các nước thịnh-hành như thế.

Tạp *Nam-Phong* chúng tôi là thuộc thể tạp-chí, không phải thể nhật-báo.

Mới bước sang năm thứ nhì, gọi là có mấy nhời cung-khai chủng-loại tinh-cách như thế, để các bạn đọc khỏi nhận-nhầm, cũng là một cách kỷ-niệm đây năm vậy.

PH. Q.

KHÔNG - PHU - TỬ LUẬN (1)

Không-phu-tử sinh năm 551, mất năm 479 trước Gia-tô-Co-đốc (Jésus-Christ). Cùng một thời bấy giờ, ông PYTHAGORE⁽²⁾ xuất-hiện ở đất Hi-lạp, và để cũng trong một khoảng ấy Phật-tổ đương truyền-giáo ở đất Ấn-độ. Như thế thì ra vào khoảng năm 500 trước kỷ-nguyên, ở đất Tàu, ở trên bờ sông Hằng-hà (Gange), và ở trong quần-đảo bên Ai-nhật (mer Egée), nhân-loại đồng-thời tới cái trình-độ tri-thức rất cao, cái triết-lý-tư-tưởng đương sinh hoa nảy quả trong suốt cõi thế-giới văn-minh thời bấy giờ. Như người Âu-châu ta là kế-thừa cái tư-tưởng của Hi-lạp, mà đạo Phật thì hiện đương trùng-hưng ở nước Xiêm-la nước Nhật-bản; đạo Nho cũng vậy, chưa phải đã đến ngày già-cỗi. Phu-tử mất kể đến nay đã ngót 2400 năm, mà cái thế-lực có phần lại sung-trọng hơn xưa. Giữa lúc Tây-Âu vào trực-tiếp với Đông-Á, cái tinh-thần của ông cổ-hiền-triết ấy ngàn cách giống da vàng với ta mạnh hơn là « Van-ly trường-thành » đời xưa vậy. Vậy ngày nay bàn về Không-phu-tử tưởng cũng là một vấn-đề hợp-thời vậy.

I

Ta vẫn tin rằng Không-phu-tử là một nhà triết-học, vậy mà nếu trước nhất ta thử xét sách vở của phu-tử trước-thuật thì thấy phu-tử là một nhà sử-

học, thực đáng lạ thay. Vì chỉ có một bộ sách là chắc hẳn của phu-tử làm, thì bộ sách ấy là một bộ sử-ký của nước Lô là tổ-quốc ngài, chép việc trong hai trăm bốn mươi hai năm, từ năm 722 đến năm 481 trước Gia-tô-Co-đốc⁽³⁾. Ta lại đem bộ sử-ký ấy mà đọc, thấy nhời nhẽ cứng cỏi, từ đầu đến cuối thuần một giọng, lại càng lấy làm lạ thêm nữa. Bộ sách ấy chép việc cố theo cho đúng năm tháng, làm cho vụn-vặt việc ra và nhời chép không có mạch-lạc gì nữa: văn vấn-tắt quá thành ra hời nhĩa, vì phạm thuật quá việc gì mà chỉ nói trội một việc ấy, không kể cái tinh-trang khi trước khi sau thế nào, thì việc thành ra không có nghĩa; lại thường dùng những nhời nói giữa, tiếng hàm-hồ, khiến cho lịch-sử mất cả cái đặc-sắc sinh-hoạt; sau nữa những việc chép trong sách cũng không nhiều, thậm-chi có nhà bác-học Tàu đã chia ra đúng hai-mươi-hai hạng, toàn thuộc về công việc nhà vua cả. Bộ sử ấy cái phạm-vị thật chỉ bằng một quyền nhật-ký trong cung vua, và cái thú-vị không hơn một quyền sổ tay của nhà ngoại-giao vậy.

Tuy khuyết-điểm như thế mà bộ sử ấy có một cái giá-trị rất to, vì trước Không-phu-tử, ở nước Tàu chưa ai khởi ra cái niệm chép lịch-sử. Chắc trong mỗi nước chư-hầu đều có « bút-lục » riêng và có đặt quan riêng để

(1) Bài này là của một nhà bác-sĩ Pháp, EDOUARD CHAVANNES tiên-sinh, soạn từ năm 1902, đăng trong báo « Ba-lô tạp-chi » (*Revue de Paris*). Tiên-sinh chuyên-trị Hán-học, dạy cô-văn-tự Tàu ở trường « Pháp-quốc Đại-học-viện » (*Collège de France*), có soạn nhiều sách về lịch-sử và cổ-tích nước Tàu, khảo-cứu rất tường và thực thâm-hiểu tinh-tinh tư-tưởng người Á-đông. Tiên-sinh đã đi du-lịch bên Tàu nhiều lần. Mới mất đầu năm nay, tuổi chừng ngoài năm mươi, thực là một cái tang to cho học-giới nước Pháp vậy. — Hiện nay nho-học ở nước ta đương vào buổi biến-cách to, Chính-phủ cũng quốc-dân đều một lòng bỏ cái học hư-văn phiến-toái từ trước và chỉ giữ lấy cái tinh-thần đạo Nho mà thôi, vậy nên biết cái tinh-thần ấy thế nào cho khỏi xét nhầm cái chân-tướng của nho-học. Muốn biết cái tinh-thần đạo Nho, phải hiểu cái tư-tưởng của ông Giáo-chủ đạo nho là Không-phu-tử. Nhưng bọn ta sinh-trưởng trong đạo nho, nho-học đã hình như in sâu vào trong uộc-chất, chưa thể bình-tĩnh mà xét-đoán cái công-nghiệp của ông Thánh-nhân cả quốc-dân sung-trọng. Nay hằng độn bại luận này của quan CHAVANNES để xem một nhà tri-thức bên Âu-châu bình-phẩm cái công-nghiệp ấy thế nào. Quan CHAVANNES cũng công-nhận rằng cái công-nghiệp ấy là một công-nghiệp vĩ-dại nhất trong lịch-sử loài người.

(2) Ông PYTHAGORE là một nhà hiền-triết Hi-lạp.

(3) Tức là kinh *Xuân-thu*.

biên-chép công việc hằng ngày ; nhưng những « sử-liệu » ấy chưa ai họp-tập lại, xếp đặt và đem công-bổ ra. Khổng-phu-lữ khởi ra cái công ấy trước nhất, thực là tở sử-học ở nước Tàu vậy. Thực thế, vì bộ sử của phu-lữ tuy vấn-tất giản-dị như thế mà thành cái mô-phạm cho các nhà làm sách về sau, lấy ngày tháng ở đấy làm cái gốc của chính-sử ; bộ sử ấy bắt đầu từ đầu người sau cũng theo từ đấy, không lên xa hơn nữa, và ngay về thế-kỷ sau bộ sử ấy, ngày tháng đã không được đúng rồi.

Song Khổng-phu-lữ biên-tập bộ sách ấy không phải là chỉ thuần vị sự học-vấn mà làm. Phu-tử có một cái hi-vọng khác : phu-tử chủ muốn cảm-hóa người đương-thời. Vì lịch-sử là sự kinh-lịch của các bậc vua chúa, xem đó thì biết việc gì nên theo, việc gì nên tránh ; vậy thời lịch-sử cũng tức như cái gương chính-trị hiển-nhiên. Ông Tư-mã Quang là một nhà làm sử trước-danh của nước Tàu về thế-kỷ thứ 11, cũng hiểu lịch-sử như thế, nên mới đặt tên bộ sử của ông là *Tư-trị thông-giám cương-mục*, nghĩa là cái gương chung để giúp cho việc chính-trị. Như thế thì mục-dịch của Khổng-phu-lữ là muốn dạy cho các vua chúa cái đạo trị dân vậy.

Lịch-sử có ích-lợi cho người đời không những vì các việc thuật lại mà vì cả cái cách thuật việc nữa ; chính cái cách thuật việc ấy trong thường có ngụ ý bao-biếm ở đấy. Nước Tàu về thế-kỷ thứ 7 và thứ 6 trước kỷ-nguyên dương gặp đời loạn, cái phong-kiến-chế-độ đã như cái nhà bốn bề lung-lay cả và chỉ chực đổ vậy. Bấy giờ có lắm lúc kỹ-cương điên-đảo, nhân-tâm không biết đường nào là đường chính mà theo. Khổng-phu-lữ sinh giữa lúc ấy, phạm lời bao-biếm, người đời sau phải chịu là rất mực công bằng. Cứ

cái phép triết-lý của Âu-châu ta ngày nay thì lối bao-biếm ấy chưa thể nhận là công-bằng được : như khi Thiên-tử bị một vua chư-hầu truyền cho lời hội và bị bách phải đến, mà Khổng-phu-lữ muốn ẩn sự đó sợ có phạm đến oai Thiên-tử, nói khác đi rằng nhân Thiên-tử đi tuần-thứ mà ngẫu-nhiên tới hội, thì cái cách chép sử như thế ta cho là trái với sự thực. Tuy vậy đối với người đương-thời, phu-tử nói sai đi như thế là có ý dùng cách gián-tiếp mà biếm vua chư-hầu kia dám ngạo-mạn Thiên-tử : người đương-thời cho phu-tử làm thế là chủ duy-trì thế-đạo vậy. Thậm-chí có nhiều nhà bác-học Tàu lấy mỗi câu mỗi chữ trong kinh *Xuân-thu* là có một cái ngụ-ý ở đấy, như thế thì cũng là quá-đáng lắm. Nhưng mà phản-đối hẳn cái ý-kiến chung của người Tàu mà cãi rằng sách *Xuân-thu* chép việc không có ý răn dạy người đời, thì cũng lại là quá-đáng lắm nữa. Nên lấy triết-trung là phải.

Như thế thì Khổng phu-tử làm sử là chỉ chủ răn dạy những bậc vương-hầu. Không những thế, mãi đến khi giờ về già, đến khi đã biết rằng ngoài sự làm sách không có cách gì cảm-hóa được người đương-thời, bấy giờ phu-tử mới chép bộ *Xuân-thu*. Nhưng trước khi phải dùng đến cái kế cùng ấy, phu-tử còn muốn chính mình ra hành-động ở những chốn cung-đình triều-miếu. Vậy nay ta xét Khổng-phu-lữ làm nhà chính-trị.

Nước Tàu bấy giờ chia ra nhiều nước chư-hầu ; Khổng-phu-lữ suốt đời đi nước nọ sang nước kia để tìm lấy ông vua biết nghe nhời khuyên răn của mình. Phu-tử tự tin cái phương-pháp của mình là cực tốt cực hay, nên chính mình đã nói : « Ai biết dùng ta, trong một năm được được hay vừa, trong ba năm thì được hoàn-hảo. » ⁽¹⁾

(1) Những nhời phu-tử nói dịch trong bài này là dịch theo văn tây, cốt lấy cái ý-nghĩa, không cốt cho đúng nguyên-văn trong kinh truyện. Người nào thuộc kinh truyện thì biết nghĩa cũng dễ nhận được là câu nào trong sách.

Phu-tử hết sức tìm cho được ông vua biết nghe mình mà đến sau vẫn không tìm được: nhiều lần được hoan-ngheñh, đã có khi sung chức trọng và tỏ ra tư-cách nhà đại-chính-trị; nhưng lần nào cũng vậy, được ít lâu lại phải bỏ ra đi, không thành công. Trong mấy ông vua đã từng đón dùng phu-tử, ông thì thấy công việc to lớn quá sợ mà nói rằng đã già lắm không kịp thực-hành những phương-phép của phu-tử bày cho; ông thì phải những quan to trong triều sợ phu-tử tranh-đoạt mất quyền-lợi xui không nên nghe; ông thì đã biết dùng phu-tử sung chức trọng trong triều, nhờ phu-tử mà đương được phú-cường, chẳng rề có địch-quốc láng giềng ghen ghét lập mưu gửi sang cho tám mươi đứa con hát thật đẹp, vua mê thành ra quên cả ông cố-vấn-quan của mình; lại có ông thì mê người vợ vừa nhan-sắc tuyệt-trần vừa dâm-dăng cực-phẩm, ra đường ngồi xe cùng với vợ và một tên nội-giám, bắt phu-tử phải đi theo; phu-tử bèn than mà nói rằng: « Tôi chưa từng thấy ai mê sự đạo-đức bằng người ta mà người đàn-bà đẹp. »

Gặp mấy phen công-phu không thành như thế mà phu-tử không khỏi rầu lòng. Phu-tử than mình rằng: « Có nhẽ đâu ta như một quả dưa đắng, chỉ rử trên cành mà ăn không được, hay sao? » Một ngày, phu-tử xa-cách học-tử, bình dáng tiêu-tụy, có người trông thấy mỉa mà nói rằng trông giống như con chó mất chủ. Sau có người học trò thuật lại

cho phu-tử câu ấy, phu-tử gật mà nói rằng: « Phải, cũng có lẽ ta giống con chó mất chủ thật, phải đấy. » (1)

Giá phải người chí-khí tâm-thường thì những sự phiền-muộn như thế dễ khiến cho ngã-lòng. Nhưng Khổng-phu-tử có cái quan-niệm rất cao về cái thiên-chức của mình, nên không hề thoái-chí bao giờ. Đòi bấy giờ, có lắm nhà hiền-triết chán đời, lấy sự đạ-m-bac vô-vi làm chủ-nghĩa; có người giả điên cuồng, giả ngu ngốc, để không làm được việc gì cho người đời. Những nhà ấy chê Khổng-phu-tử là hiền-sự thích ra tranh-cạnh với đời, bảo phu-tử rằng: « Ông không thể cải-cách được cái thời-thế này, ông càng có tài thời lại càng nguy-hiểm cho ông; ông nên lui về, nên ẩn mình, thời buổi này chỉ có cách ấy mới được vui sướng yên thân mà thôi. »

Song Khổng-phu-tử lấy cái bụng tự-tôn của các bậc ần-dật ấy chỉ biết khu-khu giữ cái giá thanh-cao vô-ích của mình, làm một cái tội đối với xã-hội, như người ta ai cũng có nghĩa-vụ với đời mà những bậc ấy cố-y muốn trốn cái nghĩa-vụ ấy vậy. Phu-tử nói rằng: « Người ta ai có ăn ở với giống chim muông thế nào được. Vì ta không ăn ở với người đời nay thì ta ăn ở với ai? Vì thiên-hạ đã lương-thiện cả rồi thì ta còn cần gì phải cải-lương nữa? » Như thế thì phu-tử càng thấy phong-tục bại-hoại lại càng muốn gắng-gỏi mà duy-trì cho được. Có người chê phu-tử rằng: « Phu-tử chẳng phải là người

(1) Đoạn này xuất ở sách *Khổng-tử Gia-ngữ* 孔子家語, thiên thứ 22: « 孔子適鄭。與弟子相失。獨立東郭門外。或人謂子貢曰。東門外有一人焉。其長九尺不及禹者三寸。鬣然如喪家之狗。子貢以告。孔子欣然而歎曰。形狀未也。如喪家之狗然乎哉。然乎哉。 » (Khổng-tử đi sang nước Trịnh, xa đời đệ-tử, một mình đứng ở ngoài thành cửa đông. Hoặc có người bảo Tử-cống rằng: « Ở ngoài cửa đông có một người, trường 9 thước 6 tấc, vòng mắt bằng mà dài, trán gồ mà cao, đầu như vua Nghiêu, cổ như ông Cao-đạo, vai như thầy Tử-sản; nhưng từ thất lưng giờ xuống kém vua Vũ 3 tấc, hình dáng tiêu-tụy như con chó mất chủ. » Tử-cống thuật lại, Khổng-tử cứ điềm-nhiên mà nói rằng: « Hình-trạng thì chưa đúng, nhưng nói giống như con chó mất chủ thì phải thật, phải thật. »)

biết rằng công không thành được mà vẫn cứ cố công ư? » Nhưng mà nhời chê ấy thật là nhời khen không gì bằng; phải là những bậc thánh-nhân tiên-giác mới biết rằng cái ngọn núi cao kia mình đương cố công cùng sức cho tới được, mắt người phàm trông thì tưởng là không bao giờ tới được, mà trong bụng mình vẫn thâm-tin ở cái đạo giới đã ký-thác vào mình, chắc rằng cái đạo ấy tất có ngày thẳng, nên không quản bụng nghi-ngờ của chúng mà tuyên-cáo cho thiên-hạ biết. Không-phu-tử thực là bậc thánh-nhân tiên-giác vậy; thấy trong người như có một cái nghị-lực phi-thường nó bắt phải đi vào con đường ấy; tưởng mình như cái đồ-dùng ở trong tay một cái thiên-lực vô-hình mà vô-dịch; tự-nhiệm làm người quản tiền-hô của Giới sai xuống để báo tin lành cho thiên-hạ, khác nào như ông quan trong sách cổ kia tay cầm mõ gõ đi khắp chốn kẻ chợ nhà quê để truyền giáo Thiên-tử cho muôn dân. Có hai lần phu-tử gặp sự nguy-hiểm đến sinh-mệnh, không hề sợ hãi chút nào: Giới đã ủy-thác cho cái thiên-chức đi truyền-bá điều lành điều nghĩa, Giới tất đem lòng ủng-hộ vậy.

Không-phu-tử không thể cải-lương được cái chính-giới thời bấy giờ; nhưng cái ảnh-hưởng đối với người đương-thời rất sâu và rất mạnh. Môn-đệ của phu-tử cực đông, không bao giờ dời thầy và một lòng trung-thành với phu-tử. Cái cách ngài đối-đãi với học-trò, tưởng binh-sinh không gì vui-vẻ và êm-ái bằng. Xử với học-trò như cha với con, và thường gọi là các con ta. Không hề lấy sự kiêu-sức để làm cho học-trò phải phục; thường bảo học trò rằng: « Các con tưởng ta giấu các con cái gì chẳng? Không, ta không giấu gì các con cả; ta không hề làm việc gì là không tỏ cho các con biết; ta thế nào thì các con đã biết đấy. » Có khi lấy cái tình thân-mật âu-yếm mà xử với học-trò để

giảm bớt cái lễ tôn-ti trong đạo thầy trò; thường khuyến học-trò nên lấy hết thành-thực mà giải tâm-tinh, không nên lấy là nói với thầy mà phải giữ-gìn. Phu-tử nói: « Tuy ta có hơn tuổi các anh độ một ngày, các anh cũng không nên quản gì cái đó. » Người nào đến nhập-môn phu-tử cũng nhận cả, không hề hỏi đến lai-lịch làm gì, vì phu-tử lấy rằng người đã có chí muốn học, dầu trước có làm sự gì chẳng nên, xin vào học như thế cũng đủ là đã biết cái-quá rồi; ai xin học phu-tử cũng cho, dù theo tục phải đem lễ nhập-môn, cái lễ nhỏ-mọn đến đâu cũng không hề gì; chỉ yêu-cầu một sự là phải có lòng thành-thực muốn học, có chí thông-minh hiểu được những nhời giáo-hối của phu-tử, những nhời ấy lắm khi cũng khó hiểu thật. Phu-tử xét nghiệm cái tâm-tinh của mỗi người, có khi hai người cùng hỏi một câu mà phu-tử đáp lại mỗi người một khác, là vì một nhời dạy không thể hợp cho hai tinh-cách khác nhau. Phu-tử thực là ông « linh-giám » (*directeur de conscience*) của bọn đó, muốn dạy cho biết ngẫm-nghĩ suy-xét, khi nào ngôn-hành trái với nhời giáo-hối thì lấy nhời ôn-hòa mà chê-giễu cho chừa. Phu-tử không một dạy cho khôn-ngoan, lại đem lòng thương yêu nữa: như khi nói đến người học trò yêu bị chết yêu, giọng bi-ai như tự trong thâm-tâm mà ra. Đến như môn-đệ đối với phu-tử thì cái lòng sùng-trọng cũng là vô cùng; coi phu-tử như một đấng siêu-nhân-loại, người đời không ai sánh tầy; lòng Giới vì muốn cho ông « tổ-vương » (*roi non couronné*) ấy ra trị thiên-hạ thì thiên-hạ tất được thái-bình, vì nhân-tâm tất biết trọng cái đạo chí-thiện của ngài truyền dạy ra. Một người học-trò đã khen phu-tử rằng: « Phu-tử ta thật không ai sánh được, cũng vì như không thang nào bắc được tới giới. Vì bằng phu-tử ta được làm vua một nước, thì

có thể nói được rằng : phạm cái gì đã định được định, đã chỉ đường nào người ta phải đi đường ấy, trong nước được yên-ôn thái-bình, đâu đâu đều qui-phục, nhất cử nhất động đều khiến được điều-hòa. Sinh-bình đã vể-vang là thế, tử-hậu không ai là không thương tiếc ; một người như thế, ai kẻ sánh tầy ? »

II

Xét cái lịch-sử của Khổng-phu-tử như thế thì rõ ra một tay biến-hóa nhân-tâm rất mạnh (*puissant ouvrier d'action morale*) ; phu-tử có cái oai vô-dịch, người nào đến gần cũng phải cảm-phục ; chính phu-tử cũng tự tin rằng có cái thiên-chức cải-hóa người đời, bao giờ cũng quyết rằng cái đạo của mình có thể làm cho thiên-hạ được thái-bình sung-sướng. Vậy thì cái đạo của phu-tử thế nào ? Ta xét đến đây mới thấy khó, vì phu-tử không hề diễn giải cái đạo thành « thuyết-hệ » (*système*) như cái nhà triết-học Âu-châu. Chỉ có một bộ *Luận-ngữ* là trong ấy có thuật ít nhiều những ý-kiến của phu-tử trong khi nói truyện với học-trò hay là các bậc vương-hầu. Sách ấy có thể sánh với sách « Tô-phu-tử thuyết-đạo » (*Entretiens mémorables de Socrate*) của ông XENOPHON nước Hi-lạp thuật lại những nhời bàn về đạo-lý của thầy là ông hiền-triết SOCRATE (tàu dịch là Tô-cách-lạp-dịch). Nhưng mà Tô-phu-tử (SOCRATE) được hơn Khổng-phu-tử là có người học trò văn-chương hay nhất đất Hi-lạp lưu-truyền cái danh-giáo cho ; chớ như cái danh-giáo của Khổng-phu-tử thì chỉ lưu-truyền ở một bộ sách vô-danh, là công chung của cả các môn-đệ. Từ đầu đến cuối quyển sách ấy không có một chút kết-cấu gì cả ; những nhời của phu-tử nói cứ chép liền với nhau mà không có mạch-lạc gì cả ; hiện bây giờ có chia ra chương-cú cũng không hiểu lấy nhẽ gì làm bằng. Đọc sách ấy mà không biết

cái chỉ-thú nó thì như chim đắm vào trong những truyện vụn-vặt tạp-nạp, e không biết được chân-trống cái tư-trởng của Khổng-phu-tử. Cho nên lắm người mới đọc qua sách *Luận-ngữ* xướng lên cái ý-kiến rằng ông đại-hiền nước Tàu ấy chẳng qua là một ông lão làm-thường dạy những điều ai cũng biết mà ăn nói hơi lẫn-thần.

Song một người đã có cái ảnh-hưởng trong thời-gian không-gian to như thế, mạnh như thế, có thể liệt bằng-dẳng với ông Thích-ca-mâu-ni (Çakya-muni), ông Gia-tô-Cơ-đốc (Jésus Christ), ông Mạc-hán-mạch (Mahomet), không phải là người tầm-thường, ta không thể khinh-thường mà xét được. Khổng-phu-tử tuy không đặt ra một cái thuần-lý-triết-học (*philosophie spéculative*) nào, mà sự-nghiệp của Khổng-phu-tử còn hơn nhiều : Phu-tử đã đặt ra một cái luật hành-vi (*règle d'action*), xướng ra một cái đạo xử-thế. Xưa nay những người kích-dộng biến-hóa được nhân-loại không phải là những người ngồi không mà hư-tưởng về những sự thuần-lý ; tức là những người đứng giữa đám đông người, chúng-nhân còn đương phân-vấn chưa biết theo đường nào, xướng-suất lên mà bảo rằng : « Các người cứ theo ta, ta chỉ cái đường tốt cho mà đi. » Một nhời nói đó có quyền biết bao nhiêu, vì những người đã nói được thế là những người đã trực-giác mà biết những điều cốt-yếu có bổ-ích cho người đời hơn là những cái tư-tưởng huyền-không của các nhà triết-lý ; cái tư-trởng ở trong óc những người ấy cũng là cái « tư-trởng mẹ » (*idées mères*), tự nó có sức sinh-sản ra được vô-số những triết-lý khác ; nhờ cái tư-trởng đó mà những người ấy trên trán như có một vòng hào-quang, chiếu sáng vào cái vụn-kiếp u-âm của loài người.

Những người dựng nên sự-nghiệp to về đường tôn-giáo, đường đạo-đức đã

không phải là những nhà thuyết-lý huyền-diệu, cũng không cần lấy những sự-tư-tưởng li-kỳ làm tự-cao. Những người ấy tuyên-cáo cho người đời là tuyên-cáo những điều chân-lý thiên-niên, nên nhời nói như xa đưa vang động trong tấm lòng kẻ công-chúng, vì nhời nói ấy tức là tiêu-biểu những cái tinh-y u-âm mà trong lòng người ta ai cũng có. Khổng-phu-tử nói : « Ta có đặt ra cái gì mới đâu, ta chỉ thuật người đời trước mà thôi. » Phu-tử thuật cho hậu-thế như thế là thuật cái tâm-địa của những bậc thánh-hiền nước Tàu đời trước, những bậc ấy đời nọ sang đời kia đã từng ngẫm-nghĩ về cái mục-đích của đời người và tìm cái cách ở đời thế nào cho xứng-đáng.

Vậy nay ta nên xét những nhời giáo-hối của Khổng-phu-tử để phát-minh lấy cái tinh-t túy trong đạo làm người của người Tàu đã truyền-thụ cho nhau từ đời thượng-cổ đến giờ.

Điều thứ nhất trong đạo ấy là ở đời này có một cái luân-lý, nghĩa là một cái kỷ-luật về phong-tục để hạn-chế cái lòng tham-dục của người đời. Khổng-phu-tử nói : « Người ta mà chỉ biết vị lợi mà thôi thì rất đáng khinh lắm. Người quân-tử hiểu nghĩa, kẻ tiểu-nhân hiểu lợi. » Sự phú-qui chính nó không phải là đáng khinh ; nếu cứ làm mà được phú-qui thì dầu làm nghề rất ti-tiện người quân-tử cũng không nề ; nhưng sự phú-qui vốn nó bất-trắc, như thế thì chẳng nên yêu-cầu lấy phú-qui làm gì. Làm sự phi-nghĩa mà được phú-qui thì thà bần-tiện còn hơn. Phu-tử nói : « Ăn gạo xấu, uống nước lã, gấp cái cánh tay làm gối nằm, như thế cũng còn sung-sướng ; chớ cái phú-qui bởi sự phi-nghĩa mà được thì ta coi như đám phù-vân vậy. » « Người ta ai cũng cầu cho được phú-qui, nhưng nếu theo đường chính mà không được thì không nên cầu làm gì ; người ta ai cũng sợ phải bần-tiện, nhưng nếu theo

đường chính mà phải bần-tiện thì cũng không nên sợ làm gì. » Vậy thì trong đạo xử-thế không nên bằng ở sự tốt đẹp bề ngoài ; phải có cái bụng làm tốt mới được. Như trong câu Phu-tử nói : « Trước nhất nghĩ đến cái việc nên làm, rồi sau nghĩ đến sự lợi hại, chẳng phải là trọng đạo ru? », cái ý cũng phẳng-phất như câu ngạn-ngữ nước Pháp ta rằng : « Việc nên làm người cứ làm, rồi sau xảy ra thế nào mặc dầu. » Lắm khi cái nghĩa-vụ xem ra trắc-trở nặng-nề, nhưng dù thế nào người quân-tử cũng phải có cái nghị-lực làm cho được mới nghe. Phu-tử nói : « Trông thấy việc nghĩa mà không làm, thì là người hèn. » Lại nói : « Người thiện-nhân quân-tử không có vị tham sống mà đến hại đạo ; dù xả-thân đi mà trọn đạo cũng nên », câu ấy thực là cách xa với cái duy-lợi-chủ-nghĩa vậy.

Đã biết rằng ở đời có sự nghĩa-vụ, vậy thì sự nghĩa-vụ ấy lấy gì làm bằng-cứ? Người đời đã không nên chủ cầu-lợi, vậy thì có nên mong sự thưởng phạt về lai-sinh không? Có nên tin rằng có một đấng chúa-tể để phán-đoán những công tội của người đời không? Khổng-phu-tử không phải cần đến những cái giả-thuyết ấy để mà dựng đạo luân-lý, phu-tử không quan-tâm đến những sự xảy ra sau khi đã chết rồi ; phu-tử bất-tiết bàn đến việc quỷ-thần ; cái triết-học của phu-tử là đối với người sống và lấy cái nguyên-lý ngay ở đời người này. « Thế nào gọi là đạo quân-tử? Là đối với người đời nên làm cho hết điều nghĩa, đối với quỷ-thần nên kính mà đứng xa ; thế gọi là đạo quân-tử. » Một người học trò hỏi phu-tử phải nên thờ quỷ-thần thế nào, phu-tử đáp rằng : « Anh chưa biết thờ người thế nào, anh đã thờ quỷ-thần sao được? » Người học-trò ấy lại hỏi về sự chết, phu-tử cũng lại đáp : « Anh chưa biết sự sống là cái gì, anh đã biết sự chết sao được? »

Người biên-tập sách *Luận-ngữ* chưa thêm rằng : « Những điều phu-tử không nói đến là những sự dị-thường, những việc bạo-hành, những sự phản-bội và những việc qui-thần. »

Như thế thì cái nguồn gốc đạo luân-lý của Khổng-phu-tử không phải là ở sự lợi hại trong việc giao-tiếp của người ta với cái ngoại-giới, cũng không phải ở một cái tôn-giáo nó liên-lạc người ta với một cái thế-giới siêu-hình. Cái nguồn gốc ấy tức là ở trong tâm-tính người ta vậy. Cái tâm-tính ấy vốn lành ; từ khi mới sinh ra, người ta ở trong lòng đã có cái tinh tốt tinh hay rồi ; chỉ về sau mới sinh ra những tinh xấu. Vì người ta học mà biết cái chân-tinh của mình, thì sẽ nhận biết được những cái mầm tốt ở trong lòng, không khó gì, những cái mầm tốt ấy hề không bị cái dục-tinh nó đè nén mất thì còn có mãi. Đến khi đã biết cái chân-tinh mình như thế rồi, thì hình như hốt-nhiên tỉnh-ngộ mà hiểu ngay cái nghĩa đời người thế nào ; đã tỉnh-ngộ thì người như mạnh-mẽ, như mới-mẻ ra, mà tự-khắc lên đến bậc chí-thiện chí-đạo. Nhưng phải giải nghĩa cái chí-thiện chí-đạo ấy là thế nào. Người ta là một giống ở trong xã-hội, cái chí-thiện tức là điều thiện-lợi cho xã-hội. Trong người ta cái phần ác, phần phụ vào, ấy là những cái dục-tinh duy-kỷ ; cái phần lành, phần vốn có, ấy là những cái khuynh-hướng vị-tha. Mỗi người ta là một phân-tử trong nhân-loại ; nó liên-lạc với những người đồng-loại, không có cái quyền hành-động như chỉ có một mình mình ở đời được. Vậy thì cái nền-gốc của đạo luân-lý là lấy cái tri-thức của mình mà công-nhận rằng mình là từng bộ-phận trong một cái toàn-thê lớn, và mình có giúp một phần vào cho cái toàn-thê được thịnh-vượng thì cái bản-thể của mình mới có thể phát-đạt được. Và luân-lý và chính-trị không phải là hai mối khác nhau, vì cái cuộc đời riêng

của mỗi người với cái cuộc đời chung của công-chúng rút lại cũng là đều do một nguồn mà ra, tức là cái nghĩa-vụ của xã-hội ; cho nên cái cá-nhân-chủ-nghĩa (*individualisme*) là nhầm, cái xã-hội-chủ-nghĩa (*socialisme*) mới là phải.

Nhưng mà nói xã-hội-chủ-nghĩa cũng có năm bảy đường, và cái xã-hội-chủ-nghĩa của Khổng-phu-tử không giống một chút nào với những cái chủ-nghĩa ngày nay người ta cũng gọi một tên như thế. Khổng-phu-tử không phải là một nhà cách-mệnh : phu-tử muốn cải-lương, chứ không phải muốn phá-hoại xã-hội, mà cái xã-hội phu-tử muốn cải-lương ấy là cái xã-hội nhơn-tiền, đã nhờ công phu-tử duy-trì mà vĩnh-tồn được đến tận ngày nay. Xã-hội nước Tàu là dựng theo cái tộc-trưởng-chế-độ (*forme patriarcale*). Gia-tộc là một cái đoàn-thể bất-li bất-diệt, nối đời đời, người trong một nhà đều có một cái tinh-thần chung. Như trong một cơ-thể có sinh-hoạt thì có một cái trật-tự thiên-nhiên, hết thấy các phần đều qui về mấy nơi trung-tâm là những nơi đầu thần-kinh ; trong một gia-tộc cũng vậy, hết thấy mọi người đều thuộc quyền người cha và người con trưởng, cha có quyền sai-khiến các con, anh có quyền sai-khiến các em. Trên gia-tộc thời càng lên càng có những đoàn-thể to hơn, nhưng cũng theo một khuôn như thế, cái đoàn-thể to nhất cao nhất là Quốc-gia (*Etat*). Quốc-gia tức là một cái gia-tộc cực lớn. Ông vua trong một nước với người cha trong một nhà, cao-thấp có khác nhau mà tính-cách cũng là một. Cha phải nuôi-nấng dạy-dỗ cho con, vua phải nuôi-nấng dạy-dỗ cho dân. Làm con phải vâng lời cha, không được cưỡng mệnh ; làm dân phải tuân-lệnh vua, không được sai phép. Trên thì chuyên-chế, dưới thì nô-lệ, ấy lối chính-trị theo cái tộc-trưởng chế-độ như thế.

Trên ta đã nói cái nguồn-gốc của đạo luân-lý là ở tâm-tính người ta, biết tâm-tính người tức là hiểu đạo. Nay đem cái nguyên-lý ấy ứng-dụng ra cái tộc-trưởng-chế-độ thì thành cái đạo của Khổng-phu-tử.

Vậy ta thử xét cái xã-hội theo lối tộc-trưởng từ thể bé nhất là gia-tộc cho đến thể lớn nhất là Quốc-gia, thì ta thấy cái xã-hội ấy là gồm từng phần nhỏ, mỗi phần giá-trị khác nhau mà bấy nhiêu phần đều là liên-thuộc lẫn nhau. Cũng tức như một cái máy lớn, muốn cho cái máy chạy tốt thì một là những phần nhỏ phải tùy-thuộc vào những phần lớn, hai là những phần lớn phải sai khiến được những phần nhỏ. Trong một nước cũng vậy : vua ra vua, dân ra dân, cha ra cha, con ra con, thì nước được thái-bình. Muốn được thái-bình như thế, có thể đặt hình-luật rất nghiêm-khắc, bắt ai nấy đều phải theo ; nhưng làm thế mới được cái bề ngoài thái-bình mà thôi, vì lấy hình-pháp bắt ép người ta thì người ta sợ mà phải theo, trong bụng không thật được đạo-đức. Bởi thế Khổng-phu-tử không muốn lấy cái uy-lực ở ngoài, muốn lấy cái nghị-lực trong lòng người làm chủ. Cái chi-thiện đã là sự thiện-lợi cho xã-hội, thì người nào biết cái chi-thiện ấy ở đâu và biết tâm-tính con người ta làm thế nào mà tới được đấy, là người có tư-cách quản-trị được người khác : như người cha là chủ trong nhà vì biết sự thiện-lợi cho nhà mình là thế nào, và biết nên sai-khiến con cái thế nào cho trong nhà được toàn-thiện ; ông vua là chủ trong nước vì biết sự thiện-lợi cho nước mình là thế nào và biết nên ban mệnh-lệnh xuống dân thế nào cho trong nước được toàn-thiện. Vì biết thế mà có cái nhân-phẩm cao hơn người khác, người khác phải cung-kính nên phải phục-tòng. Như thế thì cái kỷ-luật trong xã-hội không phải là bởi sự

cưỡng-bách mà thực là bởi lòng người công-nhận. Sự phục-tòng là do ở sự cung-kính mà ra ; quyền sai khiến là do ở cái tri biết mà ra. Ấy nguồn gốc cái quyền-uy là ở đó, nguồn gốc sự phục-tòng cũng là ở đó.

III

Sự cung-kính đã là cái cốt-trụ của xã-hội, vậy nay ta hãy xét cái quan-niệm về sự cung-kính ấy thế nào, và suy-diễn cái kết-quả nó ra làm sao.

Sự cung-kính phải tùy cái ngôi cao của người mình cung-kính mà khác nhau, vậy phải qui-định trước các hình-thức thế nào. Như một anh nhà quê mới ở trong làng ra để nhập-ngũ, phải biết rằng mình có quan trên và phải lập cho quen mỗi khi đối với mỗi người cao chức hơn mình phải giữ cái thái-độ như thế nào ; không những thế, cái thứ-bậc của các quan trên lại có dấu-hiệu riêng để biểu rõ cái quyền được người dưới phải cung-kính thế nào. Ở các chốn cung-đình triều-miếu cũng vậy, có nghi-lễ riêng, nghĩa là có đặt những phép-tắc phải theo để tỏ sự cung-kính ông vua. Lại các bộ ngoại-giao ngày nay cũng có đặt một ti gọi là « *diễn-lễ-ti* » (*service du protocole*) cũng là để định những hình-thức thuộc về sự cung-kính. Ta xem đó thì biết phạm ở đâu sự giao-tế của người ta đã lấy lòng cung-kính làm chủ, đều có qui-định sẵn cái cách phải tỏ sự cung-kính ấy thế nào.

- Trong triết-học của Khổng-phu-tử, sự cung-kính đã làm gốc việc giao-tế của người ta với nhau, thời phải đặt một cái nghi-thức chung để định cái cách mỗi người trong một đời mỗi lúc phải cư-xử thế nào. Ấy cái lễ của Tàu là căn-nguyên từ đó. Lễ là những phép-tắc đặt ra để phân tôn-ti, định cái địa-vị của mọi người đối với nhau, cho

biết người nào được cung-kính, người nào phải cung-kính. Có lễ thì người ta mới hơn con vật, vì con vật ngoài cái sức mạnh không còn biết có gì là hơn mình nữa, cho nên không biết sự cung-kính, sự lễ-nhượng là cái gì. Cũng bởi có lễ, nghĩa là có cái hình-thức của sự cung-kính mà cái lòng hiếu-thảo với cha mẹ mới khác sự chăm nuôi con súc-vật.

Đã có lễ, Khổng-phu-tử lại thêm nhạc nữa. Cái trật-tự trong xã-hội có chia ra đẳng-cấp, ấy là thuộc về lễ; nhưng trong những đẳng-cấp ấy phải có một cái dây liên-lạc mọi người với nhau, ấy là phần nhạc. Lễ thì phân, nhạc thì hòa, bởi sự phân-hòa ấy mà trong cái phiền-phức có cái giản-thuần ở đấy. Như khi một đội quân chầy, kèn trống đi đầu, nào là quân-quan, nào là cai-đội, nào là binh-lính, hạng nào ra hạng nấy, áo mặc, hàng ngũ, dáng đi có phân-biệt, mà bấy nhiêu người cùng nghe tiếng kèn giống-giả thổi bài triêu-tập hay xướng giọng khải-ca, tựa-hồ như có một cái hồn chung nó phảng-phất đâu trong cả đám quân-đội ấy. Song cái thí-dụ ấy còn chưa đủ mà giải được hết cái tư-tưởng của Khổng-phu-tử. Phu-tử nói nhạc là vừa múa, vừa hát, vừa đánh nhạc : ở nước Tàu đời xưa những khi có hội hè to lớn thường có múa, có hát, có nhạc như thế, để kỷ-niệm những công-việc đời trước; để nghề diễn-kịch Tàu cũng duyên-do từ đó mà ra. Những hội kỷ-niệm đó đại-khải cũng giống như những « hội quốc-dân » (*fêtes nationales*) ở nước Pháp về đời Đại-Cách-mệnh, đặt ra để làm một cách giáo-dục cho công-dân. Có múa, có hát, có nhạc, để mà cảm-động kích-thích tấm lòng những người đến xem, cho biết cái dây thân-ái nó buộc người nọ với người kia và cái mối huyền-diệu nó liên-lạc người đời nay với tổ-tiên đời trước vậy.

Lễ-nhạc thực là màu-nhiệm vô-cùng. Người nào giải được cái ý-nghĩa của lễ-nhạc là người ấy trong trí đã hiểu cái thể-chế về xã-hội của cả loài người ta vậy. Có một cái lễ cao hơn cả mọi lễ, gọi là lễ đế 禘, là cái lễ ông vua biểu lòng tôn-kính với Trời. Khổng-phu-tử nói : « Người nào biết cái ý-nghĩa của lễ ấy thì người ấy trông cả thiên-hạ như trên bàn tay vậy. » Thực thế, lễ ấy là lễ tối-cao, lễ đầu cả, rồi các lễ khác tự đó mà suy-diễn ra; hiểu được ý-nghĩa cái lễ ấy thì hình như hốt-nhiên thấu được cả muôn lẽ về luân-lý, về chính-trị. Các lễ dù cao, thấp mặc lòng, muốn làm cho trọn, phải hiểu cho thấu các mối quan-hệ của người ta với nhau : như lễ hiếu, muốn giải được cho phân minh, trước hết phải hiểu cho thấu cái mối quan-hệ của cha với con, con với cha thế nào đã. Nhưng mà chắc rằng những người hiểu được như thế chỉ có một số ít mà thôi. Như thế thì kẻ chúng-nhân không thể hiểu được cái ý-nghĩa sâu-xa của lễ, phải lấy cái tình-cảm gì mà khiến được cho theo lễ ?

Cái tình-cảm ấy không ra ngoài sự cung-kính vậy. Cung-kính là nguồn gốc sự bất-chước. Ngạn-ngữ tây có câu : « Chúa nhà nào đây tớ ấy. » Đó cũng là một sự-thực thuộc về tâm-lý-học vậy. Khổng-phu-tử thực đã hiểu rõ cái sự-thực ấy quan-trọng là chừng nào. Cứ như ý phu-tử thì người dân không cần phải hiểu làm gì ; chỉ cần nên bất-chước mà thôi. *Thượng hành hạ hiệu* ; người trên, thứ nhất là ông vua, phải truyền ra cái gương tốt. Cái gương ấy rồi người dưới thế nào cũng theo. Khổng-phu-tử nói : « Ví ông vua lấy pháp-luật mà trị dân, lấy hình-phạt mà bắt dân phải hòa-mục, thì dân sợ không dám làm xằng, nhưng không biết đê-thện là cái gì. Ví vua lấy đức mà trị dân, lấy lễ mà giữ cho dân hòa-mục, thì dân làm xằng biết xấu-hổ và tự-khắc làm

lành. » Phu-tử lại nói : « Vua lấy đức tốt mà trị dân vì như ngôi sao Bắc-đẩu cứ đứng im trong khi các sao khác quay quanh mình. » Lại nói : « Đức vua như gió, đức người thường như cỏ, gió thổi cỏ tất phải nghiêng xuống. »

Nói rút lại, cái vấn-đề Khổng-phu-tử phải giải-quyết là như thế này : mục-đích của luân-lý và chính-trị là phải khiến người ta làm trọn nghĩa-vụ trong xã-hội ; nhưng muốn hiểu mà làm trọn nghĩa-vụ trong xã-hội thì phải thông-thuộc tâm-tính con người ta, cái đó người thường không thể sao được. Vậy thì làm thế nào giáo-hóa được kẻ chúng-nhân ? Khổng-phu-tử nói rằng cứ lấy lễ-nhạc và cái đức-hóa người trên đủ trị được dân. Lễ là những cách cư-xử bao giờ cũng giống như bao giờ. tức là những thói quen. Cái gương người trên thì để khiến và giục người dưới bắt chước. Đến như nhạc là để kích-thích cái cảm-tính chung. Khổng-phu-tử muốn lấy cái thói quen, lấy cái gương người trên, lấy sự cảm-động chung mà quản-trị giáo-hóa người dân. Cứ bình-tình mà xét, ba mối đó thật là mạnh vô-cùng và có cái giá-trị quan-trọng vô-cùng. Cả cuộc văn-minh trong thế-giới chẳng qua cũng là bởi cái thói quen bởi sự bắt chước, một người xướng-suất lên, trăm nghìn vạn mớ người theo rồi thành quen, mỗi ngày một to mãi ra, mỗi ngày một lưu-truyền đi, khiến cho sự tiến-bộ đã thành không đến nỗi tiêu-diệt đi mất. Ấy là nói rộng đến cả xã-hội, nói riêng trong một đời người thì cái phần thuộc về thói quen và thuộc về sự bắt chước thực là to lắm, trong suốt một đời người tầm-thường thì cũng chỉ thuần có thế mà thôi ; Phu-tử nghĩ thiệt đã sắc-đáng vậy. Đến như sự cảm-động chung bởi âm-nhạc, thì nên nhớ rằng đời nào các tôn-giáo cũng lợi-dụng đến, là đủ biết cái ảnh-hưởng trong xã-hội, trong nhân-tâm sâu và mạnh là chừng nào.

IV

Kẻ dưới đã chịu theo, phải có một bọn người trên xướng-suất, bọn đó dù có ít cũng không hề gì, vì một nhà danh-sĩ đã có câu : « Nhân-loại chỉ sống vì một ít người mà thôi. » Bọn thượng-lưu ấy như cầm cái đuốc sáng để soi đường cho nhân-loại, bọn ấy là những người đã bởi sự học-hành mà thêm am-hiểu cái tâm-tính con người ta, biết cái địa-vị của người ta trong gia-tộc, trong quốc-gia và cái nhiệm-vụ của người ta là thế nào.

Muốn am-hiểu tâm-tính người ta, tự-nghiệm một nhân-thân mình còn chưa đủ : xét cái tâm-tính riêng của mỗi người mới biết được một phần mà thôi, vì người ta mà đứng đàng-độc một mình là cái người trong lý-trưởng, không phải là người thực ; cho nên một tâm-lý-học không đủ, phải có cả xã-hội-học mới được. Một xã-hội phải sinh-thành phát-đạt ở trong thời-gian, muốn xét cái hiện-trạng một xã-hội bây giờ, phải khảo cái lịch-sử sự sinh-hoạt từ đời xưa mới được ; vậy thì xã-hội-học không thể đời với lịch-sử-học được, và để cũng bởi cái lẽ sâu đó mà Khổng-phu-tử đã tự-nhiệm làm một nhà sử-học. Nhưng mà lấy cái phương-diện về xã-hội mà học lịch-sử thì lịch-sử không phải là một môn bác-học chỉ chủ kỹ-thuật việc đời trước cho thật đúng mà thôi ; lịch-sử phải phát-minh ở trong các việc ấy lấy cái mối quan-hệ tất-yếu trong sự giao-lễ của người ta với nhau, và lấy những phép-tắc về luân-lý, chính-trị có thể làm cho cái cơ-thể của xã-hội được vững bền thêm ra. Trong cái tộc-trưởng-chế-độ, những người có quyền trị dân lại vừa kiêm trách « linh-giám » (*charge d'âmes*) cho dân nữa, nên đời nào những người ấy cũng chủ phát-minh và đem ra thực-hành những phép-tắc ấy ; bởi thế nên cứ xét cái cách cư-xử hành-vi cùng những nhời ăn tiếng nói của những

người ấy cũng đủ học được nhiều điều ích-lợi. Cho nên Khổng-phu-tử coi sự học là sự học những công việc làm cùng nhời ăn nói của các bậc đế-vương đời trước.

Cái lòng tôn-cổ, cho đời xưa một cái oai-quyền không gì bằng, cũng là suy ở cái tộc-trưởng-chế-độ mà ra. Người cha đã đáng kính-trọng mà tổ-tiên lại đáng kính-trọng hơn nữa, hình như càng lên người về đời trước phải cần biết hơn nhất là những bậc cổ hơn cả. Khổng-phu-tử tin rằng trong những sách vở cũ của đời thượng-cổ để lại có dạy những điều rất cao-thượng nên phải biết; nên chính phu-tử đã dụng công biên-tập lại hai bộ sách cổ quan-trọng nhất là kinh *Thư* và kinh *Thi*. Kinh *Thư* là một tập những nhời diễn-thuyết, tức là những « chế-cáo » (*conciones*) của các đế-vương đời xưa. Kinh *Thi* phần nhiều là những bài thơ ca về phong-tục các nước, cộp nhặt lại để biết cái dư-luận trong thiên-hạ và để cho những bậc vua chúa coi đó mà sửa lỗi. Hai bộ sách cổ ấy cứ cái phép phê-bình của Âu-châu thì chẳng qua là hai tập « sử-liệu » mà thôi, mà người Tàu cho là sách thánh-kính, đời đời dùng để dạy dân, hình như đọc những sách ấy là tự-khắc biết những điều chân-lý cốt-yếu về xã-hội-học vậy.

Nói rút lại thì những người có tư-cách trị-dân là những người đã thấu cái nghĩa huyền-diệu về luân-lý chính-trị ở trong mấy quyển sách cổ ấy. Bởi đó mới thành ra cái đảng nho, đảng đó muốn chiếm-cứ cả các quyền-chức trong nước, vì chỉ có nhà nho mới biết khéo phô-diễn những câu sách cổ mà làm thành văn ở nơi trường-ốc, để tỏ rằng mình đã thuộc tâm-tinh người ta và xứng-đáng ra cai-trị dân.

Song cứ đem cái đạo của Khổng-phu-tử mà suy cho xát lý, thì suốt trong thiên-hạ chỉ có ông vua là mới có được cái học-thức hoân-toàn. Nếu ông vua là người có tri-tuệ thông-minh thì đứng ở cái ngôi cao như thế có thể cai-quát được cả toàn-thê của xã-hội; và chỉ có vua là cần phải có đức-hóa hơn nhất cả, vì nếu vua có đức thì bao nhiêu thần-dân ở dưới tự-khắc phải theo vào đường đạo-đức cả. Ấy bởi thế nên Khổng-phu-tử suốt đời chỉ cố tìm cho được một ông vua biết nghe lời mình; vì tìm được thì tất mược cái đức-hóa ông vua ấy mà cải-lương được cả một nước vậy.

Các nhà triết-học nho về sau đua nhau mà tả cái hình-ảnh ông vua hoân-toàn, tức là ông thánh-nhân. Có hai quyển sách nhỏ của nho-phái tên là *Đại-học* và *Trung-dụng* chỉ thuần bàn về đạo thánh-nhân. Sách *Đại-học* thì dạy phải phát-minh cái đức sáng ở trong người, phải đổi mới cho dân, phải bước cho tới bậc chi-thiện. Muốn làm cho trọn cái công ấy, trước phải thuộc rõ tâm-tinh người ta, rồi nhân đó cứ suy-diễn mãi ra, trước sửa mình, sau tề-gia, sau đến trị nước.

Ông thánh-nhân không một trị bình trong thiên-hạ, mà lại điều-hòa được cả giới đất nữa. Cả sách *Trung-dụng* chỉ diễn về cái đức mẫu-nhiệm của ông Thánh-nhân. Giời, Đất, Người, gọi là « tam-tài »; Giời che, Đất chở, Người đứng giữa để nối Giời với Đất. Nếu Người ăn ở xứng thì Giời sinh tai, Đất sinh nạn. Nếu người ăn ở lành thì có thể giúp công cho Giời Đất, và nhờ cái công ấy trên giời, dưới đất, trong thiên-hạ đều được bình-tĩnh điều-hòa. Vậy thì một ông vua tốt thực là cái trụ-cốt của xã-hội, không một của xã-hội, của cả vũ-trụ nữa. Trong sách tán ông Thánh-nhân rằng: « Ông Thánh-nhân cái trí to rộng như giời đất, sáu như vực nguồn. Khi ra trong thiên-hạ

ai cũng tôn-trọng, khi nói trong thiên-hạ ai cũng sùng-tin, khi làm trong thiên-hạ ai cũng được sùng-sướng. Thanh-danh trùm khắp cõi Trung-nguyên, tràn đến cả rợ Di rợ Địch. Xe thuyền đi đến đâu, sực người tới đến đâu, đâu là chỗ giới che, đâu là nơi đất chỗ, đâu có mặt giới mà mặt giăng soi sáng, mưa móc tưới nhuần, ai là kẻ có huyết-mạch cũng phải sùng-trọng, cũng phải yêu-mến đứng Thánh-nhân. Bởi thế nên người ta nói: — Thánh-nhân là ngang với Giới vậy. »

V

Như thế thì đạo Khổng lấy nơi tuyền-định là ở cái quan-niệm về ông Thánh-nhân, nghĩa là một ông vua hoàn-toàn, có cái đức-hóa cảm được khắp mọi người trong thiên-hạ, và cảm được cả giới-đất vũ-trụ nữa. Cái lý-tưởng ấy chẳng cũng giống với cái lý-trưởng của đạo Thiên-chúa về cõi « Thiên-quốc ở chốn nhân-gian » rư? Tuy một đảng là ông Thánh-nhân, một đảng là cõi Thiên-quốc, cái hình-thức có khác mà tinh-thần cũng là một vậy. Cái mộng-tưởng ấy từ xưa đến nay vẫn là cái mộng-tưởng của những người có lòng tin ở đạo công-nghĩa, những người trong bụng hi-vọng rằng có ngày cái đạo chí-thiện thắng-đoạt được cả mọi sự mọi vật, phép vũ-trụ cũng phải thua mà cái đức-tinh trong lòng người cũng phải phục vậy.

Trong bài này ta mới gọi là lược-thuật cái tư-tưởng của Khổng-phu-tử, phải xếp-đặt mà nói cho vắn-tắt, có lẽ sai mất cái chân-tưởng đi chẳng; vì cứ suy-ly mà diễn-giải như thế thì đạo Khổng thành ra một cái học-thuyết thuần-ly, khiến cho người ta có thể đem ra mà bình-phẩm cái giá-trị về đường học-vấn được. Nhưng mà đạo

Khổng thực là một đạo « hành-vi », không phải là một đạo « thuyết-ly ». Đạo ấy không thể đem mà chứng-giải ra được, chỉ có thể xướng lên mà theo được thôi, vì đạo ấy là gồm những phép-tắc đã gây-dựng ra xã-hội nước Tàu. Khổng-phu-tử tức là tiêu-biểu của cái tinh-thần cả giống Tàu, nên một mình mà đứng ngất-giới trong cả cuộc lịch-sử cõi Á-đông. Tự Âu-châu ta trông sang thì tưởng-tượng như thấy ở góc bể bên kia có cái tượng đồng cực lớn, thái-độ nghiêm-trang, chân tay lực-lưỡng, là một người trong tay đã gây dựng nên một xã-hội to nhất đông nhất trong thế-giới. Đồi đồi vẫn đứng tro-tro ở đây, đã từng trông biết bao nhiêu phen vãn nước thành rồi bại, thịnh rồi suy, biết bao nhiêu đời vua kế-tiếp nhau mà đời nào cũng phải tôn-sùng; người An-nam, người Nhật-bản, người Cao-ly, người Mãn-châu, bấy nhiêu dân-tộc khác nhau: đều qui-phục mà theo luật phép; lại biết bao nhiêu tôn-giáo đã thay đổi nhau, cái nọ chưa tàn cái kia đã nở, mà ông cồ hiên-triết kia vẫn đứng vững như bao; biết bao những thần-thánh mắt đã trông thấy sinh ra, mắt cũng lại trông thấy diệt đi như không! Cho đến ngày nay bọn ta bước chân sang bờ-cõi nước Tàu bát-ngát mệnh-mông, ta cũng lại trông thấy cái tượng đồng ông cồ-hiên-triết ấy đứng sừng-sững trước mắt ta: như bác nông-phu trong sách thi-nhân Lam-mã kia, cy ruộng đào thấy những bộ srong người võ-sĩ từ đời xưa trông to lớn khác thường mà kinh-ngạc, nay ta trông thấy cái hình-ảnh ông Thánh-nhân nước Tàu ấy to lớn như thế, ta cũng kinh-ngạc và cảm-phục vô-cùng vậy.

PHẠM QUỲNH dịch

VĂN-HỌC

KINH-TẾ-HỌC ⁽¹⁾

(Dịch sách *Kinh-tế-học-tổng-luận* của quan luật-khoa-tiến-sĩ A. TOUZET)

II

g) *Phép thống-kế* (statistique). — Phép thống-kế là một phép quan-sát của kinh-tế-học cực tốt. Phép ấy đã thành hẳn một môn học riêng, gọi là « thống-kế-học ». Người ta thường thích nghĩa thống-kế-học là sự học những việc trong xã-hội bằng số (*étude numérique des faits sociaux*) ⁽²⁾, lại thích-nghĩa là sự quan-sát có phương-pháp về các hiện-tượng, chủ gồm lấy tất cả hoặc thật nhiều những hiện-tượng ấy, rồi phân ra từng loại từng hạng và dùng phép qui-nạp của số-học (*induction mathématique*) ⁽³⁾ để giải nghĩa.

Kinh-tế-học đã là một khoa-học thời những việc thuộc về kinh-tế-học xảy ra trước sau tất phải giống nhau, và trong các việc ấy với nhau tất có những mối quan-hệ nhất-định. Vậy thời muốn nghiệm xem những mối quan-hệ ấy có hay là không, phải có số mới được. Cho nên phép thống-kế là gốc của kinh-tế-học là thế, không có thống-kế thì không có kinh-tế-học được.

Ta thí dụ như thế này : Làm thế nào mà định được cái luật về tiền công

thợ (*loi des salaires*) ? Thứ nhất phải dựng cái biểu những giá công thợ, thứ nhì phải định số tiền lãi của các nhà sinh-sản (*les producteurs*), tức là các nhà chủ thợ. Cứ làm thế nhiều lần, trong nhiều xứ, thuộc về nhiều nghề khác nhau. Bèn nghiệm thấy rằng hệ khi nào giá công-thợ thấp xuống thì số tiền lãi cũng đồng-thời kém đi. Suy đó mà định ra cái luật rằng tiền công thợ tùy theo tiền lãi mà thăng giáng.

Các xã-hội ngày nay cực là phiền-phức, chỉ nhờ có phép thống-kế mới có thể sinh-hoạt bình-thường được, vì không thống-kế không thể dự biết được những sự cần dùng. Phép thống-kế lại rất yếu-cần cho Nhà-nước : làm sổ dự-toán (*budget*) ⁽⁴⁾ phải liệt liệt trước số tiền chi-xuất thâu-nhập bao nhiêu, nên mới từ khi phép thống-kế tổ-chức theo lối khoa-học mới đặt được sổ dự-toán đúng, và nhân đó định được đúng các ngạch thuế. Một Nhà nước cũng phải dùng phép thống-kế để biết những sự cần-dùng của mình, phòng khi « khủng-hoang » (*crise*) ⁽⁵⁾

(1) Xem *Nam-Phong*, số 12, trang 345-352.

(2) Nghĩa là lấy số mà xét các việc trong xã-hội, xem kiểu ít hơn kém thế nào. Từ là lấy cái « lượng » (*quantité*) mà xét các hiện-tượng trong xã-hội, không phải lấy « phẩm » (*qualité*). — Chính nghĩa hai chữ « thống-kế » 統計 là gồm lại mà đếm, mà tính, xem ít nhiều thế nào. Còn chữ *statistique* thì không rõ chắc là căn-nguyên tự đâu ; có người cho là do tiếng Hi-lạp *statizein*, nghĩa là « nghiệm xét », vì thống-kế-học phải nghiệm xét các hiện-tượng rồi mới có thể đếm được ; có người cho là do tiếng Anh *statist*, nghĩa là nhà Chính-trị, vì nhà Chính-trị phải sành nghề thống-kế mới được ; không biết nghĩa nào là phải.

(3) Phép qui-nạp kỳ trước đã giải-nghĩa. Phép qui-nạp của số-học nghĩa là theo như số-học, theo như phép làm tính, tổng-cộng nhiều số nhỏ, số đời, thuộc về một hạng nào thành một số lớn, số liền.

(4) Sổ dự-toán tức ta thường gọi nhầm là « sổ chi-tiêu », vì sổ ấy có một là dự các khoản chi-tiêu mà thôi đầu, dự-định cả các khoản thâu-nhập nữa. Trong một nước mỗi năm xuất-nhập bao nhiêu, Nhà nước phải biết trước, phải ước-định được trước, để sắp-đặt các công việc, vậy trước mỗi năm phải dự-tính các khoản xuất-nhập ấy, liệt ra rõ-ràng, gọi là làm sổ dự-toán 豫算 (*budget*).

(5) *Khủng-hoang* 恐慌, chính nghĩa là lo-sợ hãi-hoảng. Dùng riêng về Kinh-tế là chỉ cái lúc công việc quân-bách, buôn bán làm ăn không lợi, hoặc gặp sự tai-nạn bất-kỳ mà các việc đọng lại, không được lưu-thông như bình-thường. Như nhân việc chiến-tranh mà gạo ta không xuất-cảng được, nhân sự vô đê ngập lụt mà thóc lúa mất mùa, thế gọi là trong thương-giới nông-giới nước ta đương gặp lúc khủng-hoang. Chữ Pháp là *crise* (*crise commerciale, crise agricole...*)

hoặc khi có sự chiến-tranh phải đặt phương-kế để đủ cung-cấp các hạng cho quân dân (lương-thực, quần-áo, đạn dược, v. v.)

Thống-kế-học chia làm ba ngành nhón: nhân-khẩu-thống-kế-học (*statistique démographique*), kinh-tế-thống-kế-học (*statistique économique*), và tài-chính-thống-kế-học (*statistique financière*).

a — Phép thống-kế qui thật, nhưng cũng không phải là chắc bắng lắm.

Thứ nhất là có thể nhầm được, vì con số là vật vô-hữu, người khéo xếp thời muốn xếp ra thế nào chẳng được; và chính số cũng có khi không thành-thực. Sau nữa, những thống-kế-biểu không phải là xứ nào cũng làm giống như xứ nào. Ví dụ như muốn so-sánh cái số nhập-cảng (*importations*), xuất-cảng (*exportations*) ở một xứ nọ sang xứ kia, thường thấy không đối-chiếu với nhau: như số xuất-cảng của Đông-dương sang Phi-luật-tân (Philippines) đem sánh với số nhập-cảng của Phi-luật-tân thuộc về các đồ hàng Đông-dương thấy hai số không giống nhau. Nhưng hiện nay đã có một tòa gọi là « Vạn-quốc Thống-kế-hiệp-hội » (*Institut international de statistique*) để hội cả những số thống-kế của các nước, thì sau này tất không có khác nhau như thế nữa.

Người ta lại thường trách thống-kế-học là hơi huyền-hoặc; muốn biết nhờ trách ấy có chính-đáng không thì phải xét thống-kế do ai làm và cách làm thống-kế thế nào.

b — *Thống-kế do ai làm?* — Thứ nhất là *Nhà-nước*. — Có nhiều cái

hiện-tượng Nhà-nước phải xét nghiệm mới được, và chỉ có Nhà-nước mới xét-nghiệm được mà thôi: như những hiện-tượng thuộc về số người trong một nước, về hộ-tịch (*état civil*) của người dân (sinh, tử, giá-thú...), về việc hình án (án làm tội, án miễn-nghị⁽¹⁾, án tái-phạm⁽²⁾,...) về tài-chính (các sổ dự-toán, các thuế-ngạch...), về lục-quân hải-quân (việc tuyển-linh...), v. v. Những thống-kế ấy thì có thể tận-tin được, vì làm thành-thực và hợp cách.

Thứ nhì là *Nhà-nước và người riêng*. — Có những hiện-tượng thuộc về phạm-sự Nhà-nước phải điều-tra mà phần nhiều lại thuộc cả cái ý riêng người dân có ưng-thuận hay không nữa. Trong hạng ấy thì như những giấy khai của dân khi Nhà-nước điều-tra việc gì, những sự tai-nạn bất-kỳ của kẻ làm công làm thợ⁽³⁾, những giấy khai người ngoại-quốc ở trong bản-xứ, v. v. Tuy Nhà-nước có hình-phạt phạt những kẻ khai gian mà cũng không thể nào giữ cho hết được, nên những số thống-kế ấy không được chắc bắng những số trên.

Thứ ba là *chỉ người riêng thôi*. — Có những hiện-tượng không thuộc về phạm-sự Nhà-nước phải điều-tra mà Nhà-nước cũng nhận những lời khai của người riêng. Như khi người riêng tự mình thông-báo cho Nhà-nước biết những giá-ngạch số-mục gì, Nhà-nước vốn không có quyền chế-tài⁽⁴⁾: như thời-giá các vật-hóa (thóc gạo, v. v.), thời-giá các giá-phiếu giá-khoán (*valeurs mobilières*), như giá đổi bạc các nhà ngân-hàng; tuy các hạng ấy Nhà-nước cũng có khi có quyền kiểm-nhận

(1) *Miễn-nghị 免議*, nghĩa là tha không nghị tội, nói về cái án người bị-can xét ra không có tội, được tha. Chữ Pháp là *acquittement*.

(2) *Tái-phạm 再犯*, nghĩa là lại phạm lần nữa, nói về cái án người trước đã bị án vì một tội gì, nay lại phạm tội ấy lần nữa, phải xử nặng hơn. Chữ Pháp là *récidive*.

(3) Như thợ làm trong một nhà máy, bất-hạnh phải máy đề phải, chạm phải, mà gây chân gãy tay, v. v., thế gọi là tai-nạn bất-kỳ của kẻ làm công (*accidents de trava*), có khi người chủ nhà máy, chủ thợ, muốn ăn-lậu đi không cho Nhà nước biết, hoặc có khai mà khai sai đi, nhẹ đi, v. v.

(4) *Chế-tài 制裁*, nghĩa là cái quyền bắt phải làm hay ngăn đừng làm, quyền thưởng phạt. = *Sanction*.

(như ở bên Pháp giá các hàng-hóa tại chợ, công-giá của các hội đổi bạc). — Những số thống-kế ấy muốn cho chắc phải kiểm-tra lại.

Thống-kế dù chắc bằng đến đâu, khi dùng cũng phải cẩn-thận. Song tuy thống-kế không khi nào được cực đúng mà cái số càng nhiều bao nhiêu càng chắc hơn bấy nhiêu, vì càng nhiều thì cái phần ngẫu-nhiên, sự bất-kỳ tự nó điều-hòa nhau mà thành ra cân, theo cái luật gọi là « luật số nhiều » (*loi des grands nombres*).

Khi làm thống-kế không nên chỉ bằng ở cái « số tuyệt-đích » ⁽¹⁾ (*chiffres absolus*) mà thôi, phải biết cái « hệ-số » ⁽²⁾, mà cái hệ-số vốn thuộc về « đối-đích » (*relativité des coefficients*). « Hệ-số » là cái mối so-sánh trong hai số với nhau, số nọ làm « hàm-số » ⁽³⁾ của số kia. Như muốn thống-kế cho đúng cái số giá-thứ trong một nước, thời phải biết cái số những giai giai đến tuổi lấy vợ lấy chồng, rồi lấy số ấy làm bằng, chớ không lấy số nhân-khẩu trong nước làm bằng được. Như thế thì cái « hệ-số » về giá-thứ đúng cho riêng một xứ nào tức là cái mối so-sánh số giá-thứ trong xứ ấy với số những người đến tuổi lấy vợ lấy chồng.

Thống-kế-học chỉ chủ lấy cái số trung-bình (*moyennes*).

Thế nào gọi là số trung-bình? Số trung-bình là một cái số làm tiêu-

chuẩn ⁽⁴⁾ cho các số khác hoặc nhiều hơn hoặc ít kém. Các số ấy càng có nhiều bao nhiêu thì cái tiêu-chuẩn càng chắc bấy nhiêu. Nghĩa là muốn lấy số trung-bình, chỉ lấy hai số cực to cực nhỏ làm bằng chưa đủ. Thí dụ như : một người phu ở Nam-kỳ làm công một ngày được 1 đồng-bạc, một người phu ở Thượng-Lào làm một ngày được 0 \$ 10, không nên do hai số ấy mà tính cái số trung-bình tiền công phu ở Đông-dương là 0 \$ 55 ; số trung-bình ấy tất thấp kém 0 \$ 55, vì chắc cái số phu tiền công từ 0 \$ 10 đến 0 \$ 55 nhiều hơn là số phu tiền công trên 0 \$ 55. Vậy thì tính như thế này : $\frac{1\$ + 0\$10}{2} = 0\$55$, chưa

đúng, phải đặt như thế này mới được :

$$\frac{0\$10 + 0\$20 + 0\$25 + 0\$30 + 0\$35 + 0\$40 + 0\$45 + 0\$50 + 0\$70 + 1\$}{10} = 0\$42$$

c — Cách làm thống-kế thế nào? — Làm thống-kế có ba phép như sau này :

Thứ nhất là sưu-tầm các việc (*recherche des faits*) trong những công-văn, những biên-bản điều-tra, v.v.

Thứ nhì là biên những việc ấy ra từng mảnh giấy gọi là phiếu (*fiches*), rồi phân ra loại-mục (*classification des faits*), hoặc ở ngay chỗ điều-tra, hoặc ở một nơi nào đã định để họp các phiếu lại ở đấy.

Thứ ba là hình-tượng các việc ra « tuyến-đồ » ⁽⁵⁾ hay là địa-đồ (*représen-*

(1) *Tuyệt-đích* 绝对, nghĩa là cái gì tự nó trọn vẹn, không phải tùy theo với cái khác. Tiếng Pháp là *absolu*, đối với *relatif* là đối-đích 相对, nghĩa là phải tùy theo với cái khác, đối với cái khác mới có nghĩa. Như ta nói : « người », thì chữ « người » ấy là tuyệt-đích, và nói « người cha » thì chữ « người cha » ấy là đối-đích, vì cha phải đối với « con » mới có nghĩa, chữ « người » thì tự nó đã trọn vẹn rồi. — « Số tuyệt-đích » là con số tự nó có giá-trị, không phải so sánh với số khác.

(2) *Hệ số* 系数 (tên nữa là *hệ suất* 系数) hay là *doan-số* 段数). là cái số đặt trước một số khác để biết phải nhân bội số ấy lên mấy lần. — Chữ Pháp là *coefficient*. Như những bài thi thường có đặt « hệ-số » để nhân bội cái số điểm lên, hoặc ít hoặc nhiều, để phân-biệt trong các bài bài nào quan-trọng hơn bài nào.

(3) *Hàm-số* 函数. Tiếng về số-học, chữ Pháp là *fonction* (mathématique). Như một số nọ nhân số kia biến mà cũng biến theo thì số nọ làm « hàm-số » của số kia. Nói rộng nghĩa thì phạm cái gì nhân một cái khác tăng mà cũng tăng, giảm mà cũng giảm thì gọi là « hàm-số » của cái khác ấy. Như trên kia nói về tiền công thợ và tiền lãi thì tiền lãi nhiều thì tiền công thợ cao, thì tiền công thợ là « hàm-số » của tiền lãi (*Les salaires sont fonction des bénéfices*).

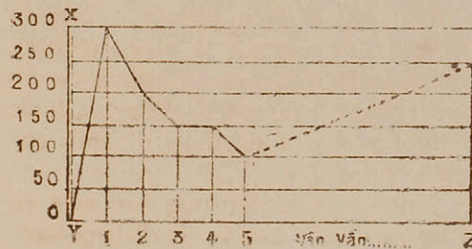
(4) *Tiêu-chuẩn* 標準, nghĩa là mẫu-mực, làm kiểu, làm mẫu, các cái khác phải theo đấy mới là đúng, mới là hợp cách. — Chữ Pháp là *norme*.

(5) *Tuyến-đồ* 線圖, là cái đồ vẽ bằng các thứ nét : nét thẳng, nét cong, nét gãy. = *Diagrammes*.

tation graphique des faits par diagrammes ou par cartogrammes). Tuyến-đồ là vẽ ra các hình để nhận cho dễ; địa-đồ là vẽ ra các xứ hoặc bôì mùi khác nhau, hoặc vạch ngang vạch dọc đậm nhạt khác nhau.

Trong tuyến-đồ (*diagrammes*) thời hình-tượng các việc bằng những nét chấm, nét vạch, mặt phẳng và các sắc.

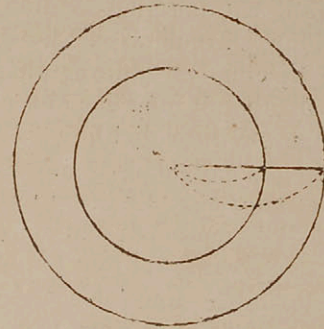
Người ta thường dùng nhất là những đường vạch gọi là « tung-hoành-tuyến » (*coordonnées*). Thí dụ ta phải làm thống-kế những số người chết theo tuổi người. Ta bèn vạch hai đường dọc ngang xy và yz. Trên vạch xy ta bién cái số người chết và trên vạch yz ta bién số tuổi. Mỗi một số tuổi ở vạch yz ta lại kéo lên một vạch thẳng, dài ngắn khác nhau, tùy theo cái số người chết trong năm mình nghiệm, vạch thẳng ấy lên tới đâu gặp những vạch ngang tự đường xy kéo ra thì chỗ ấy là chỗ yếu-diểm. Đem nối những điểm ấy lại với nhau thì thành một đường vạch gãy, tức là chỉ cái điệu của số người chết thẳng giáng thế nào.



Tuyến-đồ thứ I (1)

Cũng có khi dùng những mặt-phẳng (*surfaces*) hoặc tròn, hoặc chữ nhật. Dùng mặt tròn thời vẽ những vòng tròn to nhỏ khác nhau mà cùng một trung-tâm: thí dụ như muốn hình-tượng số người chết trong hai xứ khác nhau thì vẽ hai cái vòng tròn, đường bán-kính

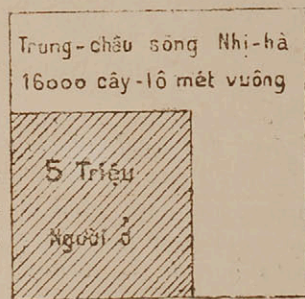
dài ngắn khác nhau, mặt to nhỏ khác nhau, tùy theo cái số người chết trong mỗi xứ.



Tuyến-đồ thứ II (hình tròn)

Những mặt phẳng hình chữ nhật cũng tiện-lợi lắm, để so-sánh hai số với nhau.

Thí dụ: Như ta vẽ một cái hình vuông mỗi bề 8 phân tây để hình-tượng cái diện-tích đất Trung-châu sông Nhị-hà là 16.000 cây-lô-mét vuông; ở trong, ta lại vẽ một cái hình vuông nữa mỗi bề 5 phân tây để bién cái số dân Trung-châu là 5 triệu người; cứ nhìn qua hai cái vẽ ấy thì đủ biét cái « mật-độ » (*densité*) dân-số đối với cái diện-tích đất ở khác nhau là chừng nào.



Tuyến-đồ thứ III (hình vuông)

Người ta lại còn dùng lối vẽ mùi là những khi phải thống-kế nhiều hạng nhiều thứ lần nhau, nên mỗi cái bôì một mùi để phân biệt cho dễ.

(1) Trong cái đồ này, đường XY là bién cái số chết, đường YZ là bién số tuổi. Thí dụ đây là bién cái số người chết theo tuổi trong một tháng, thì số người 1 tuổi chết là 300, 2 tuổi chết là 200, 3 tuổi chết 150, v.v. Cái đường vạch gãy nối bấy nhiêu số với nhau là chỉ cái số người chết tuổi càng cao càng ít đi.

d — *Lịch-sử của thống-kế-học.* — Từ đời trước nước nào cũng đã có từng dùng phép thống-kế, vì ở đâu cũng thường bắt đầu khai số đinh, số điền, số binh, số thuế, v. v. Nhưng sự thống-kế ấy chưa có phương-pháp gì cả, chưa thành một môn học như ngày nay. (Đoạn này lược-dịch).

Mãi đến gần đây thống-kế mới dựng thành một khoa-học. Kể ra thì từ thế-kỷ thứ 16 đã có người bắt đầu chuyên-trì. Ông SANSOVINO thử làm thống-kế một lần thứ nhất năm 1567. Ở nước Pháp thời bấy giờ là thời-dại mấy ông thượng-thư SULLY (1593 1611), COLBERT (1663-1683) và các quan thanh-tra tài-chính đương chăm về việc điều-tra thống-kế khắp trong nước, cho đến đời Đại-Cách-mệnh. Nhưng cái danh-dự đặt cơ-sở cho thống-kế-học là tự ông bác-học nước Hòa-lan tên là ACHENVALLE DE GÖTTINGEN. Năm 1746 người Pháp tên là DEPARSIEUX bắt đầu làm những biểu số người chết. Kịp đến thế-kỷ thứ 19 thì thống-kế-học mới thật phát-đạt, ở nước Pháp thì có ông QUETELET và ông BERTILLON cha, đã giúp cho môn học ấy tiến-bộ được nhiều lắm. Bấy giờ thì thống-kế-học thành một khoa-học chung cả vạn-quốc và cái phạm-vi mỗi ngày một to rộng ra vậy.

e — *Sách-vở đề tra-cứu về thống-kế-học.* — Ở nước Pháp bộ nào cũng có in sách thống-kế. Thứ nhất là sách « Pháp-quốc-thống-kế niên-thư » (*Annuaire statistique de la France*), bắt đầu in từ năm 1878, trước thuộc bộ Thương-nghiệp (*Ministère du Commerce*), sau thuộc bộ Lao-động⁽¹⁾ (*Ministère du Travail*); rồi đến sách « Nhân-khẩu tổng-điều-tra » (*Recensement général de la population*), do bộ Thương-nghiệp làm bốn năm một lần; lại có

tập « Nguyệt-báo về Thống-kế-học và Tỉ-hiệu-pháp-luật-học »⁽²⁾ (*Bulletin mensuel de statistique et de législation comparée*) của bộ Tài-chính (*Ministère des finances*) từ năm 1877, tập « Lao-động-sản nguyệt-báo » (*Bulletin mensuel de l'Office du Travail*) có từ năm 1894, tập « Tổng-biểu về thương-nghiệp và nghề hàng-hải » (*Tableau général du commerce et de la navigation*) của tòa Thương-chính nước Pháp mỗi năm xuất-bản một lần, lại tập « Tạp-chi của hội Thống-kế Paris » (*Journal de la Société de statistique de Paris*), mỗi tháng xuất-bản một kỳ, có từ năm 1859, tập tạp-chi ấy là của hội riêng không phải thuộc Nhà-nước.

Ở nước Đức có đặt một tòa gọi là « Đế-quốc thống-kế-sản » (*Bureau impérial de statistique*), từ năm 1896 mỗi năm xuất-bản một bộ niên-thư đề là *Statistisches Jahrbuch für des Deutsche Reich* (tên Đức) và một bộ kỹ-yếu đề là *Statistik des Deutschen Reich* (tên Đức) hiện nay có đến ngót 300 quyển.

Các chính-phủ Anh, Mĩ, Thụy-sĩ (Suisse), Ý, Áo, v. v. đều có in sách niên-thư về thống-kế cả.

Từ năm 1886 lại có « Vạn-quốc-thống-kế-hiệp-hội » (*Institut international de statistique*) cũng có in sách kỹ-yếu hai năm xuất-bản một kỳ.

f) — *Thống-kế-học ở Đông-dương.* — Ở Đông-dương không có tòa thống-kế của quan đặt; dân-khẩu không có điều-tra, ruộng đất (trừ ở Nam-kỳ) không có đạc ra từng khu. Như thế thời không thể làm thống-kế đích-sắc được. Trừ những công-văn của sở Tài-chính (coi việc làm sổ dự-toán) và sở Thương-chính (kiểm việc buôn bán), còn từ xưa đến nay không có sách vở gì đúng về việc kinh-tế trong xứ này.

(1) Lao-động 勞動 là chỉ sự làm ăn khó nhọc, như làm thợ thuyền, làm ruộng. Bộ Lao-động coi về những bon thợ thuyền, những việc giao-thiệp chủ với thợ, thợ với chủ, bênh vực quyền lợi cho kẻ làm công khó nhọc.

(2) Tỉ-hiệu pháp-luật-học 比較法律學, là học so-sánh pháp-luật các nước.

Năm 1914, ông BRENIER, nguyên làm trưởng tòa Kinh-lễ ở phủ Toàn-quyền có xuất-bản một pho sách đề là « Đông-dương-thống-kế địa-dồ dự-thảo » (*Essai d'Atlas statistique de l'Indochine*), thiết đã công-phu lắm và đủ bỏ được cái khuyết-hám từ trước. Ông nói trong sách rằng ông cố suy-lý mà định các số cho thế nào là vừa-phải thích-trung, không xa-cách sự thực lắm, có thể nhân đó đủ kết-luận được sác-đáng.

Sách của ông là sách thứ nhất và hiện nay là độc-nhất về thống-kế của xứ Đông-dương. Thực là danh-dự cho tác-giả vô-cùng.

2° *Thi-nghiệm*. — Thi-nghiệm là tự mình khởi lại một cái hiện-tượng gì theo cách-thức như thực. — Tức là một phép-tổng-hợp (*synthèse*). Về kinh-tế-học không thể năng dùng được, nhưng nếu dùng được thì có ích-lợi lắm, vì có thể chứng-thực, hoặc chữa lại cho những sự đã quan-sát. Thi-nghiệm về những việc trong xã-hội thì rất khó, vừa không chắc-bằng và vừa nguy-hiểm.

a — *So-sánh pháp-luật*. — So-sánh pháp-luật các nước thời biết một cái pháp-luật đã thi-hành ở nước nào, rồi lợi-hại thế nào, tức cũng như người ta đã thi-nghiệm sẵn cho mình. Song phải biết chám-chước mới được, vì cái tình-thế mỗi xứ có khác nhau.

b — *Tạm thi-hành trong một địa-phương*. — Cách thi-nghiệm này không lấy gì làm chắc-bằng lắm, vì cũng một pháp-luật mà tùy thời tùy xứ đem ra thi-hành cái kết-quả không giống nhau. Muốn cho được thật chắc-bằng thì mỗi việc phải chỉ có một nguyên-nhân mới được. Kỳ-thực không phải thế. Như thấy trong một xứ này cái lối « bảo-hộ-mậu-dịch » (*système protectionniste*)

dùng lợi hơn là lối « tự-do-mậu-dịch » (*libre échange*),⁽¹⁾ không nên nói rằng thế là lối nọ tốt hơn lối kia và phải đem dùng rộng ra nhiều nước, vì rằng tự-trung còn nhiều cái nguyên-nhân khác nữa, có phải là một sự lợi hay là bất-lợi, tốt hay là xấu mà thôi đâu. Những nguyên-nhân khác ấy như tinh-cách dân, thủy-thổ, địa-thế, địa-lợi khác nhau, v.v.

Tuy trong một xứ lớn không thể nhất-dán đổi pháp-luật đề mà thi-nghiệm được, vì làm thế có khi tai hại to, song có thể thi-nghiệm trong từng địa-phương nhỏ. Như pháp-luật về sự cầm-đợ (*législation des hypothèques*) cũng đã từng làm như thế. Hiện cái phép cầm-đợ theo trong dân-luật nước Pháp, không hợp với xã-hội nước Pháp ngày nay, cần phải thay đổi. Bèn đặt pháp-luật mới, đem thi-hành thử ở đất Tunisie; thấy tiện-lợi, lại đem thi-hành rộng sang đất Algérie, có thể đem thi-hành sang đất Đông-dương này cũng được. Nay đã nghiệm quả là tiện-lợi, một mai tất có lệnh thi-hành ở nước Pháp. Ấy cái lối thi-nghiệm về sự « thi-hành trong một địa-phương » (*application locale d'une loi*) như thế.

Lại như thuế thương-chính có ảnh-hưởng đến sự sinh-sản. Cứ so-sánh cái giá-ngạch các sản-vật ở những xứ có thuế ấy với những xứ không có thuế ấy, cùng cái thời-giá trước khi trong khi và sau khi thầu thuế tăng giáng thế nào, cũng đủ tài-liệu cho nhà làm luật theo đấy mà định pháp-luật. Ấy cái lối thi-nghiệm về sự thi-hành tạm (*application temporaire d'une loi*) như thế.

PH. Q. DỊCH

(Kỳ sau bàn về kinh-tế-học quan-hệ với luân-lý-học pháp-luật-học thế nào.)

(1) *Bảo-hộ mậu-dịch* 保護貿易 (*protectionnisme*) là cái chủ-nghĩa của những người muốn đánh thuế thật nặng các hàng-hóa ở ngoài nhập-cảng vào trong nước để giữ gìn (bảo-hộ) quyền-lợi cho đồ hàng trong nước. Trái với lối ấy là lối *tự-do-mậu-dịch* 自由貿易 (*libre échange, libre-échangiste*), muốn cho đồ hàng ngoài đồ hàng trong tự-do mà tranh-cạnh nhau.

Một phen khẩu-biện nên công ⁽¹⁾

Kỳ thứ tám tháng hai (Février 1918) của bản-chí, trong bài văn-học Hi-lạp, tôi có bàn đến sự khẩu-biện phải cần ở buổi đời này, có ý chúc mong trong đồng-chí ta nên chuyên-tâm thao-luyện. Nay lại nhân dịp giới-thiệu cho bà con cái nghề biện-thuyết ở Đông-phương ta, chọn một đời truyện các nhà biện-sĩ mà bàn luận, hồng giúp vào sự kê-cứu cho các bậc nhiệt-thành với nghề ấy. Một mai trong sử văn-học nước nhà thêm vẻ gấm-hoa, đó cũng là trách-nhiệm con nhà niên-thiếu ta vậy.

Nghề khẩu-biện xứ Đông-Á ta, thịnh-hành nhất là ở đời Chiến-quốc, vì bấy giờ Thiên-tử nhà Chu thất-thế, các hầu-quốc hay lấy võ-lực đối-đãi nhau, đều phải có từ-lệnh giỏi, một là để tiêu hờn ngăn oán trước khi chữa động-binh, hai là để kết-hòa giao-hiếu sau khi đã quyết-liệt; thế thời khẩu-biện cũng quan-hệ với thời-cực lắm, cho nên các bậc tài-tri trong đời đua nhau nghề ấy. Như Tô TÂN 蘇秦, TRƯƠNG NGHI 張儀, CÔNG-TÔN DIỄN 公孫衍 đều là những nhà biện-thuyết trước-danh. Song ba người ấy xem ra chỉ hay lợi-dụng cái tài mình đi cõ-động các nước gây việc chiến-tranh, làm cho khiên-động cả toàn-cục, để cầu phú-quí cho mình, kẻ hợp-tung, kẻ lại liên-hoàn, khiến dân-gian bối rối, vua chúa lo sầu; một anh học-trò mà oai quyền như thần thiêng thánh hiền, nghĩ cũng đã vẻ vang thay!

Chi bằng ông XỨC-NHIẾP lấy tài biện-thuyết uốn được lòng kiên-chấp của người trên, gỡ được con bối-rối cho việc nước, xem bài dịch dưới này mới biết cái khổ-tâm người lão-thần, vì nước chớ không phải vì con mình. Mà đáng khen thay! Trong lúc khuyên can dùng một cách rất khôn ngoan, khi người trên đương giận thì hăng lấy

những lời hàn-huyên đàm-đạo cho người trên, thực là thuộc cái tâm-lý con người ta lắm. Chủ-ý muốn nói việc con út người trên, nhưng hăng lấy việc con út mình khơi ra; muốn nắn cái bụng người trên thiên-ái con út, nhưng hăng trước tỏ cái bụng mình cũng thiên-ái con út mình ra, thế thời người trên không nghịch-ý mà lời nói mới lọt tai. Mơn man lại diễn ra một đoạn thương con gái hơn con trai, để khích lòng người trên, sau mới sấn vào chủ-ý, nhờ nhẽ uyển-chuyển, khiến cho người nghe đến phải xiêu lòng, thật là tuyệt-sảo trong nghề biện-thuyết vậy.

Ồi! dẫu cũ chưa xa, gương soi còn đó, xin ai có tài biện-bác chớ có sai đường. Xem truyện sau cũng nên chú-ý.

*
* *

Bà Thái-hậu nước Triệu vừa cầm quyền chính, thì Tần sang đánh Triệu kịp lắm. Triệu phải cầu-cứu Tề, Tề bắt phải cho Trường-An quân 長安君 ⁽²⁾ sang làm con tin thì Tề mới đem quân cứu cho. Nhưng Thái-hậu không nghe, các ông đại-thần cố xin thì Thái-hậu nói rõ cho những cận-thần biết rằng: « Ai còn nói đến việc đem Trường-An quân sang Tề làm con tin nữa thì mẹ già này tắt nhỏ vào mặt. »

Quan Tả-sư là XỨC-NHIẾP 觸讞 xin vào hầu. Thái-hậu đương lúc thịnh-nộ, cho phép vào. Tả-sư đi rón rén, đến gần Thái-hậu thì xin lỗi rằng: « Lão-thần này đau chân không đi mạnh được, cho nên lâu nay không được hầu, nhưng lão-thần sợ rằng ngọc-thể Thái-hậu hoặc có vi-hòa chẳng, cho nên muốn vào để thăm. »

Thái-hậu nói:

— Tôi phải kiệu mới đi được.

Tả-sư hỏi:

(1) Lời ông XỨC-NHIẾP (觸讞 hoặc gọc là XỨC-LONG) nói với Bà Thái-hậu nước Triệu; dịch ở *Chiến-quốc-sách*. — (2) Người con út Thái-hậu.

— Vậy Thái-hậu ăn uống có khỏi suy không?

Thái-hậu đáp :

— Chỉ ăn cháo được thôi.

Tả-sư thưa :

— Lão-thần cũng yếu ăn, nhưng cứ mỗi ngày đi chân vải dậm đường, dần dần nghe muốn ăn, lại nghe khoan-khoái trong mình.

Thái-hậu nói :

— Lão-phụ này thì không đi chân thể được.

Bấy giờ coi nét mặt Thái-hậu đã nguôi giận.

Tả-sư mới tâu rằng :

— Lão-thần có thẳng con út, bất-tiểu, mà lão-thần suy-nhược rồi, xin Thái-hậu cho nó được bỏ vào một chức áo đen (chức quan hầu), hộ-vệ Vương-cung, dẫn đến chết cũng còn nhớ ơn.

Thái-hậu nói :

— Được, nó bao nhiêu tuổi?

Tả-sư đáp :

— Mới có mười lăm tuổi, dấu còn bé cũng xin kịp lúc thân già này chữa lấp vào khe hang mà ký-thác cho nó.

Thái-hậu hỏi :

— Thế ra trượng-phu cũng thương con út ư?

Tả-sư đáp :

— Bụng trượng-phu chúng tôi thương con út lại hơn đàn bà.

Thái-hậu cười nói rằng :

— Bụng đàn-bà khác hơn lắm chứ.

Tả-sư thưa rằng :

— Lão-thần trộm nghe Thái-hậu thương bà Yên-hậu (con gái Thái-hậu) hơn Trường-an-quân.

Thái-hậu nói : — Ông nhầm, sao có bằng thương Trường-an-quân được.

Tả-sư thưa rằng :

— Cha mẹ thương con thì phải vì con tính sâu lo xa. Khi Thái-hậu tiễn bà Yên-hậu về nước cầm tay mà khóc, thương vì nỗi lấy chồng xa vậy. Đã có

lòng thương khi biệt nhau lại chẳng nhớ hay sao? Nhưng mỗi khi nước Triệu có tế-tự gì thì Thái-hậu tất khẩn rằng : « Xin các đấng tiên-vương, tiên-công phù-hộ cho Yên-hậu đừng giở về Triệu nữa » ⁽¹⁾, thế há chẳng phải là Thái-hậu tính sự lâu dài cho Yên-hậu, muốn cho có con có cháu kế-thế làm vua nước Yên ư?

Thái-hậu đáp rằng : — Phải.

Tả-sư lại hỏi :

— Chẳng những nước Triệu, các nước khác cũng thế. Hạng ấy có còn ai không?

Thái-hậu đáp :

— Nghe như cũng không.

Tả-sư nói rằng :

— Thế là những nhà ấy, gần thì vậy ngay đến thân, xa thì vậy đến con cháu, há có phải là dòng dõi nhà vua thì hay gặp sự không lành đâu? Chỉ bởi con cháu những nhà ấy ngôi cao, phụng-dưỡng hậu mà không có công-báo gì với nước, lại ôm ấp những đồ trọng-khí nhiều cho nên không bảo-toàn được vậy. Nay Thái-hậu tôn cái ngôi ông Trường-an-quân, phong cho một thái-ấp có địa-lợi tốt, ban cho nhiều trọng-khí, thế mà không để cho ông ấy nhân dịp này mà lập công với nước Triệu, một mai mà gò núi lở đi thì ông ấy nương tựa vào đâu? Lão-thần cho là cái kế Thái-hậu lo liệu cho ông Trường-an-quân như thế thời ngắn ngủi lắm. Cho nên lão-thần nói là Thái-hậu thương Trường-an-quân không bằng Yên-hậu vậy.

Thái-hậu mới tỉnh-ngộ ra, truyền rằng :

— Việc đó mặc ý ông.

Bấy giờ nước Triệu mới dọn một cỗ xe hầu đưa ông Trường-an-quân sang Tề. Nước Tề mới xuất quân sang cứu Triệu.

NGUYỄN MẠNH-BÔNG

(1) Các bà Hoàng-hậu đời Chiến-quốc không con thì phải trở về nước bố mẹ.

TRIẾT-HỌC

TRIẾT - HỌC NƯỚC PHÁP (1)

V

Triết-học nước Pháp về thế-kỷ thứ 19 chia ra hai phần. Một phần mới thuật đó là chủ về đường sinh-lý-học, tâm-lý-học, xã-hội-học. Còn một phần nữa thì vẫn kế-thiệu cái học-thống các đời trước mà lấy vạn-vật, lấy linh-tính người ta làm mục-dịch cho sự tư-tưởng.

Từ đầu thế-kỷ thứ 19, nước Pháp đã có một nhà siêu-hình-học hiển-hách nhất tự đời ông DESCARTES, ông MALEBRANCHE đến giờ : nhà ấy tức là ông MAINE DE BIRAN (1766-1824). Cái học-thuyết của ông khi mới xuất-hiện không có mấy người biết, nhưng từ đấy đến nay ảnh-hưởng cứ mỗi ngày một to rộng mãi ra. Có lẽ cái đường-lối ông đã mở ra chính là cái đường-lối của siêu-hình-học tất phải đi đến vậy. Người ta thường gọi ông là « ông KANT của nước Pháp », nhưng cái tư-tưởng của ông thực là trái với cái tư-tưởng của nhà triết-học Đức. Nhà triết-học Đức dạy rằng tri-tuệ người ta không thể tới được cái tuyệt-đích ; ông thì nói rằng tri-tuệ người ta có thể tới được cái tuyệt-đích, nên lấy cái tuyệt-đích làm mục-dịch cho sự tư-tưởng của mình. Như khi ta gắng-sức làm việc gì, ta biết rằng ta gắng-sức, ta biết rằng sự gắng-sức ấy ở ta mà ra, thế thì cái sự biết ấy không phải là sự biết thường, thực là một sự biết đặc-biệt, vì không phải biết cái hiện-tượng ở ngoài là sự gắng-sức, mà biết cái chân-tướng ở

sức ấy ; cái chân-tướng ấy tức ông KANT gọi là cái « bản-thể » (*la réalité en soi*), mà nói rằng người ta không bao giờ tới đến mà biết được. Nói rút lại thì cái siêu-hình-học của ông MAINE DE BIRAN là muốn cho càng ngày cái tri-thức người ta càng xét sâu mãi vào trong « nội-tâm thế-giới », thì tất thấy càng ngày tự mình lại càng cao mãi lên, càng siêu-việt mãi lên, cho đến đạt tới cái mới « tuyệt-đích » của giới đất vậy. Ông xướng ra cái tư-tưởng ấy mà ông suy-diễn mãi cho đến cùng, không phải là chỉ chủ dựng thành « thuyết-hệ », xây thành cái lâu-đài huyền-ảo mà thôi đâu (2).

Muốn nghiệm xem cái học của ông MAINE DE BIRAN có giống cái học của ông PASCAL không, thì cứ xét ngay cái triết-học của ông RAVAISSON (1813-1900) là đủ biết. Ông RAVAISSON vừa kế cái học-thống của ông PASCAL, lại vừa tổ-thuật ông MAINE DE BIRAN, lại vừa ham cái triết-học cổ, mỹ-thuật cổ của Hi-lạp, thực là một mình gồm cả mấy đời tư-tưởng vậy. Xem thế thì biết các nhà triết-học Pháp, tuy mỗi người vẫn có một cái học-thuyết riêng, nhưng không phải là không liên-tiếp với một cái cụ-truyền nào trong nước, không phải là không thuộc vào một cái học-thống cũ nào. Như ông DESCARTES tuy là phản-đối với triết-học đời Cổ-đại, nhưng chính cái học của ông cũng vẫn là giữ được sự điều-độ, sự trật-tự, là hai cái đặc-tính của triết-học cổ Hi-lạp. Ông RAVAISSON cũng là phát-minh cái phần

(1) Xem *Nam-phong* số 12, trang 355-357.

(2) Cái học-thuyết của ông MAINE DE BIRAN là chủ nhất sự nghiên-cứu trong nội-tâm người ta. Càng nghiên-cứu vào sâu bao nhiêu thì cái tâm-tính mình lại càng cao lên bấy nhiêu, nghiên-cứu đến cùng thì tất tới được cái « bản-thể » là cái tuyệt-đích của vũ-trụ.

thuộc về mỹ-thuật, thuộc về cổ-diễn trong tư-tưởng nước Pháp⁽¹⁾. Chính ông đã phác-họa ra một cái triết-học riêng lấy phạm sự-vật có đẹp mới là thực, càng đẹp bao nhiêu là càng thực bấy nhiêu, thật là tổ-thuật được cái mỹ-thuật-tư-tưởng của người Hi-lạp đời xưa vậy.

Đọc đến tên ông RAVAISSON, không thể quên được tên ông LACHELIER; ông cũng là một nhà tư-tưởng trước-danh, có ảnh-hưởng to trong thế-kỷ thứ 19. Giữa lúc ông VICTOR COUSIN (1792-1867) xướng ra cái triết-trung-chủ-nghĩa (*éclectisme*) muốn điều-hòa các phái mà làm cho ngưng-trệ cái nguồn tư-tưởng của nước Pháp trong mấy mươi năm, nhờ có ông xuất-hiện ra mà đánh thức cái hồn triết-học ở các nơi học-đường trong nước. Bài tiến-sĩ-luận-văn⁽²⁾ của ông đề là « Bàn về cái gốc của phép qui-nạp (về triết-học) » (*Sur le fondement de l'induction*), thực là một bộ sách tuyệt-tác. Cái học-thuyết của ông tuy tự xưng là tổ-thuật ông KANT, nhưng thực ra ngoài cái « duy-lâm-luận » (*idéalisme*) của ông KANT, mà mở đường cho một cái « thực-thể-luận »⁽³⁾ (*réalisme*) lối mới, hơi giống như cái « bản-thể-luận » của ông MAINE DE BIRAN. Ông LACHELIER là một nhà dạy học có tài, đã lấy cái tư-tưởng cao mà rèn đúc cho bao nhiêu học-trò, nhờ ông sau này nổi tiếng cũng nhiều.

Ông BOUTROUX thì xướng ra cái thuyết rằng phạm người ta gọi là « phép

của tạo-vật » ấy cũng là thuộc về « đối-dịch »⁽⁴⁾ mà thôi (*la contingence des lois de la nature*), nghĩa là không phải nhất-định, phải tùy sự ngẫu-nhiên mà thay đổi. Một nhà số-học đại-danh là ông Henri POINCARÉ tuy thuyết-minh ra cách khác mà cũng kết-luận như vậy. Ông nói rằng cái tư-tưởng ta cứ muốn đặt phép-lắc cho vũ-trụ, nhưng mà chính ta, chính cái học của ta cũng không theo được những phép-lắc ấy, vì chính ta, chính cái học của ta đều là thuộc về « đối-dịch » cả. Trong phái này còn có ông MILHAUD, ông EDOUARD LE ROY nữa. Cái học-thuyết của ông LE ROY thì khuynh-hướng riêng về đường đạo-đức, đường tôn-giáo.

Đến như ông LIARD thì chủ muốn giữ cái siêu-hình-học với cái thực-nghiệm-học, cho là hai cái cùng cần cho sự tư-tưởng người ta. Ông FOULLÉE cũng một tôn-chỉ như thế. Ông là nhà tâm-lý-học, xã-hội-học, lại vừa là nhà luận-lý có tài, đã từng xướng ra một cái thuyết gọi là « ý-lực-thuyết » (*théorie des idées-forces*), lấy rằng phạm cái ý-tưởng thâm-thiết đều tự nó có cái sức thực-hành ra được⁽⁵⁾. Sự học của ông rộng lắm, không có một vấn-đề nào thuộc về lý-tưởng hay là thuộc về thực-tế mà ông không từng xét đến, phát-minh được nhiều ý-kiến mới lạ. Học-trò ông là ông GUYAU lại là một nhà xướng lên cái lý-thuyết rằng người ta phải phát-đạt cái sức sinh-hoạt trong

(1) Triết-học nước Pháp vốn là phát-nguyên tự triết-học Hi-lạp, mà triết-học Hi-lạp, nhất là cái học của ông PLATON, rất chuộng sự đẹp. Nên đây nói cái phần thuộc về cổ-diễn, thuộc về mỹ-thuật tức là cái phần đã chịu được của triết-học cổ Hi-lạp.

(2) « Tiến-sĩ-luận-văn » là bài văn thi tiến-sĩ (*thèse de doctoral*).

(3) « Thực-thể-luận » (*réalisme*) là cái lý-thuyết lấy cái lý-tưởng cũng là những vật có thực-thể, không phải là những sự hư-không. Thuyết này thịnh-hành nhất về đời Trang-cổ.

(4) « Đối-dịch » (*le relatif*) là đối với « tuyệt-dịch » (*l'absolu*). — Các khoa-học thử nghiệm một việc gì xảy ra nhiều lần cùng một cách thì lấy thế là một cái phép-lắc của tạo-vật, phép-lắc nhất-định, không bao giờ không cái gì làm cho di-địch được nữa. Trong sách *La Contingence des lois de la nature*, ông Boutroux bác cái sự tin nhầm của khoa-học ấy, mà xướng lên rằng phạm phép của tạo-vật đều là thuộc về đối-dịch, không thể nhất-định được.

(5) Cái « ý-lực-thuyết » (*théorie des idées forces*) này cũng giống cái thuyết « tri-hành-hợp-nhất » (biết với làm là một) của ông Vương Dương-minh 王陽明 nước Tàu. Ý tức là tri, lực tức là hành, hiểu biết là làm được, hiểu tưởng đến là có sức làm, miễn là biết cho sâu, tưởng cho sắc là đủ.

người cho cực mạnh, cực hoàn-toàn, thì tự-nhiên là đến được cái tuyệt-phẩm trong đạo-lý.

Mấy ông ấy là những nhà triết-học cận-thời. Ta gọi là kẻ thiệp-liệp mà thôi, không thể nói về mỗi ông cho thực tường được. Trong thế-kỷ thứ 19 còn hai nhà triết-học trước-danh nữa, chưa kịp thuật đến : là ông RENOUVIER và ông COURNOT.

Ông RENOUVIER thì khởi-diềm tự cái « kiểm-điềm-chủ-nghĩa » (*criticisme*)⁽¹⁾ của ông KANT, rồi tiến mãi lên mà kết-luận đến cái nghĩa tự-do, xưng ra một cái luân-lý rất là có ảnh-hưởng đến sự tư-tưởng đương-thời.

Ông COURNOT thì khởi-diềm tự số-học, rồi đặt ra một cái « kiểm-điềm chủ-nghĩa » lối mới, khác cái lối của ông KANT, vì lối này vừa xét cả cái *hình*, vừa xét cả cái *chất* của sự tri-thức, tức là vừa xét cả cái phương-phép, vừa xét cả cái kết-quả của sự học nữa. Nhờ cái « kiểm-điềm-chủ-nghĩa » ấy mà ông đã phát-minh ra được nhiều tư-tưởng mới-lạ sâu-sắc, thực có thể liệt vào bậc các nhà triết-học đại-danh vậy.

Sau hết cũng nên nói mấy nhời về cái triết-học của người làm bài này, (tức là ông BERGSON)⁽²⁾. Bề-nhân có làm sách « Sáng-tạo-đích-tiến-hóa luận » (*L'Evolution créatrice*), muốn đem cái siêu-hình-học vào trường thực-nghiệm, vừa dùng thực-học, vừa dùng ý-thức, vừa dùng cái sức trực-giác (*intuition*) ở trong người để mong dựng ra một cái triết-học mới có thể lý-hội được không những là những lý-tưởng chung mà đến cả những sự-thực riêng nữa. Triết-học mà được như thế thì cũng đích-sắc bằng khoa-học, chẳng kém gì ; cũng mỗi ngày một tiến lên như khoa-học, mỗi ngày thêm những kết-quả mới vào kết-quả cũ đã thành. Nhưng cái triết-học ấy còn có một mục-đích nữa, bởi đó mà phân-biệt với khoa-học, là muốn cho cái trí biết người ta mỗi ngày một rộng mãi ra, phá cả khuôn phép mà khoáng-trương mãi ra, khiến cho cái tư-tưởng của người ta có thể bành-trướng đến vô-cùng vậy⁽³⁾.

(Kỳ sau là kết-luận)

PH. Q. dịch

Thái-dương-quang (太陽光新曲)

Hiệp-khí

Chàng Dục-Nhượng

Cảm-tình,

Người tri-kỷ,

Nhất quyết,

Liều bỏ mình,

Bảo thủ không được vẫn thơm-danh.

Khách nam-nhi.

Có nghĩa-hiệp,

Mới đáng là.

Kìa người xưa đó sử còn ghi,

Vài nhời gấn bó.

Khách nam-nhi !

NGUYỄN ÁI-HOÀ

(1) « Kiểm-điềm-chủ-nghĩa » (*criticisme*) là cái chủ-nghĩa xưng ra từ ông Kant, muốn kiểm-điềm sát-hạch hết thầy để định giới-hạn cho cái trí-thức của người ta.

(2) Đây là tiên-sinh tự-thuật cái triết-học của mình.

(3) Cái tôn-chỉ của triết-học tiên-sinh là muốn cho cái trí tư-tưởng của người ta gồm được hết cả sự-vật. Nền triết-học cũ, vụ cho gây được một cái triết-học mới rất hoàn-toàn, hình-dung được toàn-thể của vũ-trụ. Đến ngày cái triết-học ấy thành thì cái công tư-tưởng của nước Pháp, không những của một nước Pháp, của cả thế-giới nữa, sẽ được cái kết-quả to nhất từ đời có lịch-sử đến nay.

VĂN-UYỄN

THI-VĂN CŨ

Tể tướng-sĩ văn

(Tiền-quân quận-công NGUYỄN VĂN-THÀNH soạn năm 1802)

Tiêu-dẫn

Bài văn-lẽ sao-lục sau này thực là một áng văn-chương tuyệt-bút trong nền quốc-âm ta. Lối văn-tế nôm xưa nay cũng nhiều, mà phần nhiều là những nhời than giùm khóc mướn, không có một chút tinh-tử gì ; chưa từng thấy bài nào hay bằng bài này, cảm-dộng lòng người bằng bài này. Hay vì nhời văn trác-luyện, hay vì cái khí anh-hùng, hay vì ý-tử thâm-trầm, hay vì cái cảm-tình như chan-chứa trong toàn-thiên.

Hay vì nhời văn : nhời nhời đáng ghi vào vàng đá, truyền đến muôn năm ; khi giống-giả như dịp trống trong quân, khi toi-bời như ngọn cỏ dưới nguyệt, khi « mịt-mù như cơn gió-lốc thổi dẫu kẻ tha-hương », khi « lập-lòe như đám lửa chơi soi chừng chốn cỏ-độ », khi hùng-tráng như tiếng gươm tuốt trong trận, khi lâm-li như tiếng vượn khóc trên ngàn...

Hay vì cái khí : khí là cái khí-phách anh-hùng của mấy trăm vạn con em đất Nam-Việt, đã cùng ông Nã-phá-luân nước ta là Đức Thế-tổ Cao-hoàng-đế trong hai mươi năm gian-nan lao-khổ, « trước từng trải Xiêm-la, Cao-man, về Gia-định mà dần ra Khánh-Thuận, rồi lại từ Đồ-bàn, Nam-Nghĩa, lấy Phú-xuân mà thẳng tới Thăng-long » ; thực là một đoạn lịch-sử rất vẻ-vang của Tờ-quốc ta, ai đọc đến mà chẳng thấy hưng-khởi trong lòng ?

Hay vì cái ý-tử : ý-tử thâm-trầm, muốn biểu-dương cái công-nghiệp của bọn quân-nhân đã giúp được Bản-triều gầy dựng nên cơ-đồ vĩ-dại như thế, kẻ sống đã hết phận truy-tùy, « chung nổi ân-ưu mà riêng phần lao-khổ », kẻ chết cũng còn hộ được « Hoàng-triều cho bề lặng sóng trong ». Đời sau há nên phụ công bọn quân-nhân mà tru ông Thành ông Duyệt rư ?

Hay vì cái cảm-tình : cảm-tình một ông võ-tướng thương nhớ kẻ ti-hưu, đã cùng mình khi uống « chén rượu đầu ghềnh », khi vung « tấc cừu trước gió », mà nay gặp hội thanh-bình, xót vì nỗi người còn mà kẻ khuất ! Thương xót ngậm ngùi mà chạnh nghĩ đến « cha già, mẹ yếu, vợ góa, con côi » của những kẻ chẳng may đã khuất đi, muốn an-lập mà bảo-tồn cho khắp đủ. Ấy cái tình một ông đại-trưởng đối với kẻ quân-nhân thiết-thâm mà châu-đáo như thế !

Thiết-tưởng bài này mà đọc ở trước mặt ba quân, trong « đám cờ đào nón đỏ », không còn cái cảnh-tượng gì hùng-tráng mà cảm-dộng bằng : người nghe tất ai cũng nức-nở trong lòng mà chừa-chan giọt lệ vậy.

Đọc bài này đủ biết cái tâm-địa một ông tướng giỏi nước Nam ta lòng ưu-ái ngang với chí anh-hùng, thương quân-sĩ như thương con mới nên được những giọng thiết-tha thắm-thía như thế, có kém gì các bậc danh-tướng của các nước ngày nay ?

Cho nên bài văn-tế này, về đường văn-chương, về đường tư-tưởng, có thể đem sánh cùng những bài văn-tế thực hay của cụ linh-mục BOSSUET nước Pháp hay là nhà văn-hào HÀN DŨ nước Tàu, cũng không sợ thua vậy. Văn-chương nôm ta có kém gì ai? Khinh-miệt là tội người mình.

Những bài như bài này nên làm một khoa giảng-nghĩa quốc-văn ở các trường học ⁽¹⁾.

PH. Q. cần-chi.

Than rằng :

Giời Đông-phổ vùn ra sóc-cảnh ⁽²⁾,
trái bao phen gian-hiềm mới có ngày
nay.

Nước Lô-hà chảy xuống Lương-
giang ⁽³⁾, nghĩ mấy kẻ diên-linh những
từ thừa nọ.

Đã hay sinh là ký mà tử là qui ;
nhưng mệnh ấy yểu mà danh ấy thọ.

Ai ôi ! Tình dưới viên-mao ⁽⁴⁾, phận
trong giới-trụ ⁽⁵⁾.

Ba nghìn hợp con em đất Bái ⁽⁶⁾, cung
tên ngang dọc chỉ nam-nhi.

Trăm hai vầy bờ cõi non Kỳ ⁽⁷⁾, cơn
áo nặng dày ơn cố-chủ.

Rắn thân cho nước, son sắt một lòng ;
nổi nghĩa cùng thầy, tuyết sương mấy
độ.

Kẻ thời theo cơ-dịch ⁽⁸⁾ chạy sang
miền khách-địa, hăm-hở mài nanh rũa
vuốt, chỉ non tây thề chẳng đội giới
chung.

Kẻ thời đôn việt-mao ⁽⁹⁾ giở lại chốn
sơ-cơ, dật-diu vùn cánh nương vầy,
trông cõi bắc quyết thu về đất cũ.

Nằm gai nếm mật ⁽¹⁰⁾, chung nổi ân-
ưu ; mở suối bắc cầu, riêng phải lao-
khổ.

Trước từng trải Xiêm-la, Cao-man,
về Gia-định mới dần ra Khánh-Thuận;
đã mấy buổi sơn-phong hải-lê, giới
Cao-Quang soi khắp tám kiên trình ⁽¹¹⁾.

Rồi lại từ Đò-bàn, Nam-Nghĩa, lấy
Phú-xuân mà thẳng tới Thăng-long;
biết bao phen vũ-pháo vùn-thê, đất
Lũng-Thục lẫn vào nơi hiểm cố ⁽¹²⁾.

Phận truy-tùy găm lại cũng cơ-duyên ;
trường chiến-đấu biết đâu là mệnh số.

Kẻ thời chen chân ngựa quyết giết
cờ trong trận ; xót nhẽ gan vàng mà
mệnh bạc, nắm lòng hồng ⁽¹³⁾ theo đạn
lạc tên bay.

Kẻ thời bắt mũi thuyền toan cướp
giáo giữa dòng ; thương thay phép trọng

(1) Bài văn-tế này và một bài tế quan phò-mã và quan Lễ-bộ sẽ đăng kỳ sau, tôi đã dịch ra pháp-văn trong tạp-chí của trường Viễn-đông Bác-cổ Hanoi (*Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient*, 1914, N^o 5). — P. Q.

(2) Đông-phổ là Gia-định. — Sóc-cảnh là ngoài cõi bắc.

(3) Sông Lô thuộc Tuyên-quang, chảy xuống Việt-tri, hợp với sông Phú-lương, tức là sông Nhị.

(4) Viên là cửa viên-môn, dinh quan đại-tướng. — Mao là cờ tiết-mao.

(5) Là áo giáp, mũ trụ, cửa bọn tướng-sĩ.

(6) Hán Cao-tô khởi nghĩa ở ấp Bái, hợp cả con em trong làng ba nghìn người.

(7) Ở đất Kỳ (Tân-trung) non sông hiểm trở, chỉ hai vạn người mà địch nổi trăm vạn người các nước chư hầu ; là trở các tướng-sĩ đi theo đức Thế-tổ.

(8) Cơ-dịch là giặc cương buộc ngựa, là trở người giữ ngựa theo nhà vua.

(9) Việt là cái phủ-việt, mao là cờ tiết-mao.

(10) Vua Câu-Tiền nước Việt, khi thất quốc, thường nằm trên đồng chông gai, nếm mật đắng, đề nghị kẻ khôi-phục.

(11) Khánh là Khánh-hòa, Thuận là Bình-thuận. — Sơn-phong là gió núi ; Khi đức Thế-tổ đóng ở đảo Côn-lôn, quân Tây-sơn chọt đến vậy ; bỗng dưng giờ nổi bão, thuyền giặc chìm đắm, ngài vượt thoát được khỏi trùng-vi. — Hải-lê là nước ngọt ở bể ; là khi đức Thế-tổ chạy ra bể, bấy ngày đêm, không có nước uống, may gặp chỗ nước ngọt, mức uống mới khỏi khát. — Cao là Hán cao-tô ; Quang là Quang-vũ, là hai vua sáng-nghịệp trung-hưng nhà Hán, cũng ví như đức Thế-tổ.

(12) Đò-bàn là thành Biuh-định. — Vũ-pháo là đạn bắn ra như mưa ; vùn-thê là thang mây, đề bắc treo lên thành. — Lũng là đất Lũng-tây, Thục là Tứ-xuyên, là đất hiểm-cố ở bên Tàu, cũng ví như đất hiểm nước ta.

(13) Tờ thư Tư-mã Thiên rằng : « Người ta ai cũng chết, mà tình mệnh cũng có người nhẹ như nắm lòng hồng ».

để thân khinh, phong da ngựa ⁽¹⁾ mặc
bèo trôi sóng vỗ.

Hồn tráng-sĩ biết đâu miền minh-
mạc; mịt mù gió lốc thổi dẫu tha-
huương.

Mặt chinh-phu khôn vẽ nét gian-nan;
lập lòe lửa chơi soi chùng cô-độ.

Ôi! Cùng làng trung-ngĩa, khác số
đoản tu ⁽²⁾; nửa cuộc công-danh, chia
phần kim-cổ.

Đoái là tiếc xương đồng da sắt,
thanh bảo-kiếm đã trăm rèn mới có,
nợ áo com phải giã đến hình-hải.

Nhưng mà khen dạ đã gan vàng,
bóng bạch-câu xem nửa phút như
không, on dày đội cũng cam trong
phế-phủ.

Phận dàu không gác khói dài mây ⁽³⁾;
danh đã dậy ngàn cây nội cỏ.

Thiết vi thừa theo cờ trước gió, thân
chẳng quản màn sương đêm giá, những
chờ xem cao thấp bức cầu-thượng ⁽⁴⁾.

Tiếc cho khi nhớ bước giữa dòng,
kiếp đã về cõi suối làng mây, nào kịp
thấy ít nhiều hơi vũ-lộ ⁽⁵⁾.

Vàng thượng-đức mới hồi-loan thắng
trước; đoàn ứng-ngĩa dẫu Quảng-
Thuận-Nghệ-Thanh cũng vậy, giới an
quang gieo khắp xuống đèo Ngang.

Mà những người từng thượng-trận
ngày xưa; rắp tâu công tự *ngọ, vi,*
thần, dậu ⁽⁶⁾ tới nay, treo lính tự đề
năm trong lá số.

Ngọn còi rúc nguyệt, nơi lễ nơi vui;
dịp trống rền hoa, chốn tươm chốn ủ.

Đã biết rằng anh-hùng thì chẳng
quần; trăm trận một trường oanh-liệt,
cái sinh không, cái tử cũng là không!

Nhưng tiếc cho tạo-hóa khéo vô-tình;

nghìn năm một hội tao-phùng, phận
thủy có, phận chung sao chẳng có?

Bản-chức nay: Vàng việc biên-phòng,
chạnh niềm viên-thú.

Dưới trường nức mùi chung-đỉnh,
sẽ nhớ khi chén rượu rót đầu ghềnh.

Trong nhà rõ vẻ áo xiêm, chạnh
nghĩ buổi tắm cừu vung trước gió.

Bàng-khuảng kẻ khuất với người
còn; tướng-trọng thầy dàu thì tở đó.

Nền phủ-định ⁽⁷⁾ tới đây còn sốc-nổi;
vụ lòng một lễ, chén rượu thoi vàng.

Chữ trương-đồng ngấm lại vốn dinh-
minh; đông mặt ba quân, cờ đào nón
đỏ.

Có cảm-thông thời tới đó khuyên
mời; dàu linh-thỉnh hãy nghe nhời
dặn dõ.

Buổi chinh-chiến hoặc là oan hay
chẳng; cũng chớ nề kẻ trước người
sau, hàng trên lớp dưới, khao-thượng
rồi sẽ tấu biểu-dương cho.

Hội thanh-bình dưng có nghĩ rằng
không; dù ai còn cha già mẹ yếu, vợ
góa con côi, an-tập hết cũng ban tồn-
tuất đủ.

Hồn-phách dàu ^{đầu} cũng ngày tháng
Thuần Nghiêu; hải-cốt đó cũng nước
non Thương Vũ.

Cơ huyền-diệu hoặc thàng trầm chưa
rõ; thiêng thời về cố-quận dề hương
thơm, lửa sáng; kiếp tái-sinh lại nhận
cửa Tiên-quần.

Niềm tôn-thần dù sinh-tử chớ nề;
linh thời hộ Hoàng-triều cho bề lặng,
sống trong; duy vạn-kỷ chẳng đời ngôi
bảo-tộ.

Thượng-hưởng!

Đông-châu NGUYỄN HỒU-TIẾN
sao-lục và chú-thích.

(1) Mã-Viên rằng: «Trương-phu nên chết ở chiến-trận, lấy da ngựa bọc thây đem về.»

(2) Đoản là ngắn, chết non. Tu là dài, sống lâu.

(3) Đường Thái-tôn vẽ hình công-thần treo ở gác Lăng-yên. Hàn Minh-đế vẽ tranh công-thần ở Văn-dài.

(4) Có công thì thêu vào bức cờ cầu-thượng.

(5) Vũ lộ là ơn vua vì như mưa móc thấm nhuần.

(6) Năm 1798-1801.

(7) Chữ rằng: «Cau-qua phủ-định.» Nghĩa là việc binh qua mới dẹp yên.

THI VĂN MỚI

Chơi chùa Lũng-tiên (Kiến-an)

Tâm-phương nhân gặp buổi xuân-thiên,
 Đạo gót vào chơi cảnh Lũng-tiên.
 Tiếng kệ vang lừng ngoài cửa phạm,
 Mùi hương thơm ngát trước tòa sen.
 Động đảo giảng tỏ lòng tri-kỷ,
 Ngõ hạnh hoa đưa thú giải-phiền.
 Kẻ ở gần đây nào có biết,
 Giang-sơn đâu cũng vẫn người quen.

Ngũ-ngôn cổ-phong

I
 Trăm năm cuộc vuông tròn,
 Lửa lọc đã dành khuôn.
 Kẻ lành cùng kẻ dữ,
 Người đại với người khôn.
 Thấy giảng in đáy nước,
 Trông hoa nở đầu non.
 Phong-cảnh kia là thế,
 Giang-sơn ấy vẫn còn.

II

Thôi thôi gác truyện đời,
 Hay dở mặc lòng ai.
 Nỗi chìm nay cũng thế,
 Rủi may âu tại Giới.
 Nói năng cho phải nhẽ,
 Ăn ở được như nhời.
 Say say rồi tỉnh tỉnh,
 Mua vui một trận cười.

Cung-kỷ Ngự-giá Bắc-tuần (hát nói)

CÂU MIÊU

Mừng nay có chúa Thuần, Nghiêu,
 Gió nhận mưa huệ khắp điều muôn dân.
 Ngừa tin Ngự-giá Bắc-tuần,
 Cổ hoa đón rước xa gần ngợi khen.

Văn di chữ vĩ khai cung phiến, nhật
 nhiều long lân thức thánh-nhan. Dưới
 hành-cung lầu khúc Nam-San, lòng cổ-
 vũ hân-hoan đã xiết kể. Mừng lại gặp
 thái-bình nghi-vệ, cuộc thanh-bình
 lương-tề minh-quân. Hội y-thường kết-
 nghĩa giao-lân, xét phong-hóa thể tình
 dân là thịnh-cử. Chủ khách tình vui

hàng nhận tự, thần dân mắt ngóng
 chiếu rồng bay. Kể từ nam bắc đông
 tây, đâu nghe thấy cũng vui vầy mừng
 rỡ. Muôn tuổi chúc đứng vì Thiên-tử,
 khắp toàn-kỳ đều dậy chữ tung-hô.
 Nhớ ngày loan-giá Đông-đô, âu vàng
 vững đặt dư-đồ nước ta. Là ngày
 mười sáu tháng ba !

Phượng-lâu Vũ DUY-PHIÊN

Cảnh Hồ-Tây bên thành Hà-nội

Thênh thênh một vũng tang-thương,
 Nghìn năm có lẽ nước gương hầy còn.
 Bia danh nhị-thắng chưa mòn,
 Việt-Nam dấu cũ vẫn còn đâu đây...

Tự đâu tên gọi Hồ-Tây ?

Tục truyền « Lãng-Bạc » chốn này phải
 [không ?

Trông ra mặt nước mênh mông,
 Nhìn phong-cảnh cũ động lòng đồ-
 [quyên.

Cảnh đâu một cảnh thiên-nhiên,
 Biết bao tích cũ còn truyền sử xanh.
 Thăng-long ra mè tây thành,
 Lên non Phụng-dất, xem đình Cổ-Lê.
 Sông Tô ấy lối trâu về,
 Trượng Đổng-đen đỏ chưa hề đổi thay.
 Tiếng chuông còn vắng bên tai,
 Nghe chuông chạnh nhớ đến người
 [nước non.

Đòi phen lớp-lớp sóng dồn,
 Ấy oai Mã Viện, hay hồn Trưng-Vương ?
 Khí thiêng phảng phất nam-phương,
 Hồn oan một dải nay thường chưa tan.
 Một giới riêng một giang-san,
 Vì đâu dứt phiếm cho đàn ngang cung !
 Danh vang bến Nhị non Nùng,
 Thơm tho tiếng nữ-anh-hùng đến nay !
 Xanh xanh ngàn thức cỏ cây,
 Như in như vẽ khéo thay thợ giới !
 Cảnh tiên mà ở cõi đời,
 Chỉ hiềm một nỗi không người thần-
 Xa trông một lớp ngư-thuyền, [tiên.
 Cá kia mắc lưới dễ phiền hơn ta !

Cánh bèo ngọn gió đưa xa,
 Bút nào mà tả cho ra mỗi tình.
 Véo von chim hót đầu cành,
 So đôi cảnh-ngộ tui mình biết bao !
 Máy cao bóng nước càng cao,
 Càng trông ngắm cảnh càng ngao ngán
 Vẫn nhiều mà nước vẫn trong! [lòng.

Phù-giang NGUYỄN VĂN-BẰNG

VỊNH SỬ

Sơn Thủy tranh hôn

Nào là biếc biếc với trong trong,
 Dầu lấy ai ai cũng một chồng.
 Mau bước Sơn-thần co lại núi,
 Chậm chân Thủy-tê kéo về sông.
 Non cao ngắt ngưỡng voi dầy chân,
 Nước chảy lênh dênh lộn ngược dòng.
 Kẻ được người không ai chẳng tức,
 Ai sao không xẻ tí tình-chung ?

Trung-Vương

Sắc sấm dân ai biết phục-thù,
 Má-hồng nẩy-nót một đôi cô.
 Nước nhà mấy bộ thu gìn giữ,
 Quân Hán ba năm mất thập thò.
 Những mặt tài giai nào kiệt-tuần,
 Hai tay con gái mở dư-đồ.
 Anh-thư đã mấy nghìn thu trước,
 Phẳng phất hồ Tây sóng nhấp nhô.

Triệu-Ấu

Anh-thư chẳng những thế mà thôi.
 Con gái đầu đây lại nẩy chồi.
 Ba thước gươm thiêng ba thước vù,
 Một đầu cờ kéo một đầu voi.
 Mặt đầy lúc ấy hơn vài vạn,
 Má phấn còn ai để lưá đôi.
 Lệ-hải Bà-vương tắm đã mất,
 Bề tình để nước bóng giăng soi.

Cù-Hậu

Đĩ lắm chi chi mấy thị Cù,
 Cửa này tai tiếng để nghìn thu.
 Kết đôi lông cánh cùng chim Việt,
 Vẫn thói giăng hoa quyến ngựa Hồ.

Nghĩa cả Minh-vương coi đã nhẹ,
 Tình sâu Thiếu-Quy lại còn to.
 Mấy trăm năm lẽ giang sơn Triệu,
 Đề Hán Ngô sang mở địa-dồ.

Vân-dinh TRẦN MAI-KHÔI

MỪNG NAM-PHONG

Thơ mừng báo Nam-phong đầy năm

Nam-phong xuất-thế mới ngày nào,
 Thấm thoát đầy năm chóng chóng sao.
 Khoa-học đã nhiều phần ích-lợi,
 Thơ văn lại lắm vẻ thanh-tao.
 Con phiền khi trước tiêu vừa hết,
 Xứ nóng từ nay mát biết bao.
 Thổi khắp non sông mây bụi sạch,
 Trường-an mừng thấy mặt trời cao.

Hưng-nhân tri-huyện

Nghĩa-viên NGUYỄN VĂN-ĐÀO

Mừng Nam-phong

Mừng gió nồm đưa sáu tháng nay,
 Gió đưa đưa khắp nước non này.
 Quét thanh bụi tục láng láng sạch,
 Lồng lỏa hương giới thoảng thoảng bay.
 Khi cuốn khi xuàn về đất tổ,
 Lúc đưa lửa hạ tếp ngàn mây.
 Thất-tinh lọ phải cầu Gia-Cát,
 Suốt cõi giới Nam mát mẽ thay.

Hồ-khâu NGUYỄN VĂN-ĐỘ

Hạ báo Nam-phong

Oi bức nắng hè đã bấy nay,
 Gió Nam quạt lại thỏa lòng đây.
 Rõ nồm nào phải đông, tây, bắc,
 Nổi trận hơn chiều lốc, bắc, may.
 Thổi sạch cơn nồng hoa cỏ nọ,
 Giải tan khí nóng nước non này.
 Khen thay Cơ-bá tài xoay nhĩ,
 Đề khách cảm-thi hóng mát thay.

Sơn-tây VŨ TỊCH-CỔNG

Kỷ-niệm báo Nam-phong

I

Gió nồm mát lắm, chị em ôi !
 Hóng đã mười hai tháng trọn rồi.
 Dát mặt Viêm-phương nồng khí nhiệt,
 Gặp tay Thiếu-nữ quạt màu hôi.
 Hiện thân mới độ rầy năm ngoài,
 Tinh đốt nay đã đầy tuổi tôi.
 Sinh-nhật chút mừng đôi ngọn bút,
 Năm năm khai-hóa khắp phương giới.

II

Năm năm khai-hóa khắp phương giới,
 Mỏ máy thân-cơ quạt mọi nơi.
 Con cháu rồng tiên hong khí mát,
 Cổ cây Hồng Lạc nở màu tươi.
 Hiu hiu giải hết cơn phiền nhiệt,
 Diu diu xa đưa khúc phụ-tài.
 Ao ước trăm năm trường-cử mãi,
 Còn non còn nước hãy còn dài.

III

Còn non còn nước hãy còn dài,
 Còn báo Nam-phong mãi ở đời.
 Mỗi tuổi mỗi lần thêm số sức,
 Càng lâu càng thổi mát cho người.
 Hơi đưa há nệ nơi cùng-tích,
 Buồm thuận tha hồ khách ngược xuôi.
 Mừng rỡ biết bao tình ái-luyến,
 Châm hương gọi chúc một đôi nhời.

+ Hát nói

Nam-phong sơ kỷ chu-niên tiết, Báo-xã đồng nhân chí khánh thần, đàn ngũ huyền diu dật khúc Nam-huân, câu giải phụ ngô dân tranh hạ hỉ. Long tôn tiên tử nghênh tân-khi, Lạc thảo Hồng hoa cộng hưởng vinh, tiếng âu-ca rộn dịp linh đình, khắp tứ xứ chue câu thiên vạn tuế. Nguyễn giai Nam-hải đồng niên-kỷ, cánh dữ Nam-san li thộ trường, nào kẻ nông, nào kẻ sĩ, kẻ công thương, tình hãm-mộ kẻ sao cho biết kể ? Lòng cầu nguyện Nam-phong là thế thế, chẳng biết rằng báo đáp nghĩ sao đây ? Chén vui nhớ bữa hôm nay !

NGUYỄN HOÀI-TINH

Mừng tuổi Nam-phong

(Điệu Hoa phong lạc)

I

Gió nồm đưa tin lại tận nơi,
 Rằng báo Nam-phong đầy tuổi tôi.
 Biết bao công hiệu,
 Trong một năm giờ,
 Dắt nhau lên trên chốn vũ-dài,
 Vũ-dài mừng nay mát thanh-thời,
 Chuông ai khua động,
 Đuốc ai sáng soi,
 Giấc ngủ nghìn năm đã tỉnh rồi,
 Gặp ngày sinh-nhật báo, vội vàng ngồi
 dạy viết thư hỏi thăm chơi.

II

(Điệu Vân-thê)

Tiên thư gửi đến Thăng-long,
 Mừng ngày kỷ-niệm Nam-phong mới rồi,
 Báo-trương mười hai tập,
 Công cuộc một năm giờ,
 Từ Nam đến Bắc,
 Chỗ giải-uẩn,
 Nơi phụ-tài,
 Con gió đưa qua mát thanh-thời,
 Con rồng cháu tiên,
 Giấc mê chợt tỉnh,
 Hoa Hồng cõi Lạc,
 Màu vụ thêm tươi.

Hưng-nhân Trì-huyện

Nghĩa-viên NGUYỄN VĂN-ĐÀO

Tặng Nam-phong +

(Hát nói)

Ngự thi từ Nam-phong lão-quán, bức Nam-phong mục-dịch đáng Nam-phong. Hiu hiu đưa từ mặt thành rồng, nửa năm đã thoảng nghe trong Chín-bệ. Đới tương swong-lộ bồi tân mĩ, xuy tán vân-mai phá cụ sần. Khởi lên thời như thế ấy bao lâu, đón ngay được to luán mau thế vậy. Trái thế-kỷ Nam-phong này đã mấy, bốn nghìn năm mới thấy một phen. Những hỏi lòng nước tổ rồng tiên, suy mới biết cũng không

hiềm rằng thế giáng, *Phù đỉnh dĩ ty công tại Hán, hoạch lân trước bút nghĩa do Chu*, Nam-phong này còn thối đến tận đầu đầu, những non nước cao sâu dần khắp cả. Ngoan bạc thối nào mà chẳng hóa, cánh văn-minh càng thả càng lên. Chử rằng thiên hoặc sử nhiên !

TRẦN NHƯ-LAN

VĂN XUÔI

Mừng Nam-phong dẫy niên

Thế-kỷ này là thế-kỷ nào ? Theo lịch tây là đầu thế-kỷ thứ 20, mà theo lịch ta thời là cuối thế-kỷ thứ 45. Năm nay là năm nào ? Theo lịch tây là năm 1918 Thiên-chúa giáng-sinh, mà theo lịch ta thời là năm *mậu-ngo*, thuộc về năm thứ 3 niên-hiệu Khải-Định. Tháng này là tháng nào ? Tức là tháng 7 tây, và tháng 6 an-nam, chính thuộc về thời-kỳ nguyệt-bảo *Nam-phong tạp-chí* xuất-hiện vậy.

Độ này từ quan chí dân, trong Nam ngoài Bắc, tất nhiều người bầm dốt ngón tay, mà bảo lẫn nhau rằng : Tháng này năm ngoài, chính là tháng *Nam-phong tạp-chí* ra đời, thắm thoát mới ngày nào, mà ngành di ngành lại, đã tới một năm tròn ! Thiệt là một sự đáng nên ghi, đáng nên nhớ, và đáng nên mừng ! Sao mà mừng ? Mừng vì từ đây trở đi, báo-giới có cơ tấn-bộ, không biết thế nào mà hạn lượng được vậy. Kia như : Cái cây rùm rờa xanh tốt, to lớn liền vừng, khởi điểm tất bởi tự khi mầm non mới mọc ; mặt giếng vắng vặc giữa giờ, tỏ như gương sáng, cơ-sở tất bởi tự lúc mặt bể ngó lên ; người ta công-danh sự-nghiệp đường sau không biết thế nào cho cùng, mà phối-thai tất bởi tự khi ấu-trĩ. Vậy nên cây mọc một thước, thời ta hằng ghi nhớ lấy một thước mà mừng được một thước, mọc hai thước

thời ta hằng ghi nhớ lấy hai thước mà mừng được hai thước, rồi mà trăm thước trăm mừng, nghìn thước nghìn mừng, muôn thước muôn mừng, thành ra vô-số lần mừng, không biết thế nào mà kể. Giãng lên một quãng, thời ta hãy ghi nhớ lấy một quãng mà mừng được một quãng, lên hai quãng, thời ta hãy ghi nhớ lấy hai quãng mà mừng được hai quãng, rồi mà lưng giò lại mừng, đứng đầu lại mừng, thành ra vô kể lần mừng, không biết thế nào mà lượng. Người ta cũng vậy, một tuổi thời ta sẽ ghi nhớ lấy một tuổi, mừng được một tuổi, hai tuổi thời ta sẽ ghi nhớ lấy hai tuổi mà mừng được hai tuổi, rồi mà đôi ba mươi tuổi, đôi ba mươi lần mừng, sáu bảy mươi tuổi, sáu bảy mươi lần mừng, thành ra trăm tuổi trăm mừng, không biết đầu mà kể xiết. Như thế thời gặp những cảnh đáng mừng, há có lẽ nin lặng, mà không được một vài câu văn kỷ-niệm hay sao ? Cho nên cái cảm-tình và ái-tình của quốc-dân ta đối với *Nam-phong*, vì đó mà phát-hiện ra không thể ngăn-cầm được vậy.

Nước ta tự thừa vua Kinh-Dương lập-quốc đến giờ, hơn bốn ngàn năm, trải qua biết mấy trăm đời, nào là người dạy dỗ lễ-nghi, văn-phong có tiếng, quốc-túy còn truyền, kể cũng lắm điều đáng nên kỷ-niệm. Nhưng thời-đại càng xa, giáo-dục càng kém, bài sớ « Thất-trăm », giấy bay lên giò, quyền sách vạn-ngôn, gio vùi xuống đất, văn-phong một ngày một nát, quốc-túy một ngày một mòn, dần dà đến nay, đã thành ra một nước già cũ gầy yếu, coi có khác gì cái cây đã cỗi, bóng giếng đã tà, mà người đã tám chín mươi tuổi không ?

May mà lòng giò còn tựa, mở mang nên hội đồng-văn, hồn tổ cũng thiêng, run rủi cho tay sự-bảo ; nhờ có Nhà-nước Đại-Pháp, đem phong-hóa mới tự phượng Âu sang, hết lòng mở mang

tri-thức cho dân ta, gây dưng sinh-nghiệp cho dân ta, giáo-dục không tiếc sức, chỉnh-dốn chẳng quản công, vì cũng như vun mầu đắp đất, vì ta bón tưới mầu non, cuốn khói vén mây, vì ta mở mang ánh sáng, lại tìm phương bồi khi bổ huyết, để vì ta cải-lão hoàn-đồng, mà cố tạo-thành cho ta nên một nước tân-thiếu-niên vậy. Nay lại được quan Toàn-Quyền Sa-Lộ cùng đức Kim-Thượng ta hợp lòng giúp sức, thực-hành chủ-nghĩa khai-hóa cho quốc-dân ta, mà cố gây lấy cái thai-bào linh-tuệ, để thâu-nhập lấy cái hồn-phách văn-minh; bởi đó mà *Nam-phong* mới ứng-kỳ xuất-hiện.

Nam-phong tạp-chí xuất-hiện chính gặp buổi thời-đại thiếu-niên này, đường trước xa xôi, tuy chữa biết đâu mà lượng, mà cái cơ-sở tấn-bộ, chắc bởi từ đây. Vậy tôi dám quyết rằng sau này trách-nhiệm thiếu-niên, *Nam-phong* tất cũng ghé được một vai, hiệu-quả thiếu-niên, *Nam-phong* tất cũng giúp được đôi chút, rồi mà năm mươi năm, ba bốn mươi năm, sáu bảy mươi năm, tân-hóa một ngày một thêm, tri-thức mỗi ngày mỗi rộng, phong-tục tự đó mà hồi-thuần, nhân-tâm tự đó mà cảm-hóa, khiến cho văn-phong quốc-túy của tổ-quốc tích-lũy hơn bốn ngàn năm, không đến nỗi vùi dập đến mấy từng đất sét, chồi chẩy xuống tới tận bề Đông, mà cái nước cũ lâu ngày đã già yếu gầy còm này, lại gây thành một cái nước khỏe mạnh trẻ trai, như hoa như gấm, để khỏi phụ cái bụng nhiệt-thành khai-hóa của Nhà-nước Đại-Pháp, an-tất là *Nam-phong* chẳng có một vài phần ích lợi cho quốc-dân ta?

Ta trông mong vào *Nam-phong* cao xa như vậy, ta trách-thành vào *Nam-phong* to tát như vậy, chẳng biết *Nam-phong* đã nhận-chân cho chưa? Nhưng ta nghĩ thăm bụng ta, ta tưởng *Nam-phong* tất cũng tự mừng rằng ta nay chính như cái cây mới tơ, mặt giăng

mới mọc, mong sao cho mau kết nhị nở hoa, tròn vành đứng bóng, để hiển mùi thơm, dăng ánh sáng với thế-gian; ta nay tuổi trẻ sức non, mong sao mau được trưởng-thành, để góp sức đỡ công cùng xã-hội.

Tuy vậy, *Nam-phong* còn đang thuộc về thời-đại ấu-trĩ, đâu có cái bụng hi-vọng như vậy thực, đâu có cái lòng công-nhận như vậy thực, nhưng mà lững-đững tập đi, tất phải chờ tay dắt dìu, đảm-đang gánh nặng, còn nhiều mong-tưởng về sau, thế thời cái sự kỷ-niệm *Nam-phong* chu-tuế ngày nay, tuy là một sự mừng về *Nam-phong*, mà chính thực là một sự mừng chung của xã-hội ta vậy.

Như thế mà cái cảm-tình cùng cái ái-tình của quốc-dân ta đối với *Nam-phong*, có lẽ nào mà ngăn cầm cho được? Vì thế mà cái bụng nhớ ngày ghi tháng, bất-giác tự-nhiên tai-lắng thành văn, như tàu đã mở máy, như điện đã bắt dây, mà không thể nhịn được vậy.

Ta yêu *Nam-phong*, ta mến *Nam-phong*; mà ta lại nhớ đến người tổ-chức *Nam-phong*, ta càng nhớ người tổ-chức *Nam-phong* bao nhiêu, thời ta lại càng mừng rỡ cho *Nam-phong* bấy nhiêu, ta càng mừng rỡ cho *Nam-phong* bao nhiêu, thời ta lại càng mừng rỡ cho quốc-dân bấy nhiêu! Vậy nay gặp tiết chu-niên, ta xin thay lời quốc-dân, mà chúc một câu rằng: « Tân-thiếu-niên *Nam-phong* trường thọ! trường trường thọ! » Ước cho năm nay là một, rồi mà hai năm, ba năm, năm ba mươi năm, trăm nghìn muôn năm, cùng với núi Tản-viên, sông Nhị-hà, cùng tuổi lâu dài, ở trong đất cõi Việt-Nam này, mà cho quốc-dân ta năm năm kỷ-niệm, tuổi tuổi kỷ-niệm, đời đời kỷ-niệm, mãi mãi, thiết là công-đức vô-lượng! hạnh-phúc vô-lượng! Xin *Nam-phong* cứ cố lên!

NGUYỄN HOÀI-TÌNH *hỉ-chỉ lai-cáo*

Ngựa già

Có một ông chủ thích chơi ngựa, thường sai người đi tìm ngựa tốt và hay; thiên-hạ nghe tiếng, đem ngựa đến bán, không biết bao nhiêu mà kể. Ông chủ hề thấy con nào thân-thể béo tốt mà non, hì-h-thù bóng dáng và đẹp, trong bụng đã lấy làm thích, thời dẫu người ta nói bao nhiêu tiền, cũng bỏ ra mua không tiếc, chẳng bàn chi đến ngựa hay ngựa dở.

Một hôm, có một người dắt một con ngựa đến. Ông chủ trông thấy, cũng biết là ngựa tốt; nhưng coi thấy thân thể thời gầy, mà răng mọc đã dài và gỉ, trong bụng ghét răng già. Hỏi bõn rằng: — Con ngựa này đáng bao nhiêu tiền?

— Bầm ngài: một nghìn bạc.

Ông chủ cười rằng: — Già thế, mà một nghìn bạc, giá trẻ thời anh bảo mấy nghìn?

— Bầm ngài: già thế, mới đáng một nghìn, chứ nếu trẻ, thời đã chẳng đến.

Ông chủ cả cười rằng: — Hầy! bây giờ tôi mới thấy anh nói dở là một! Xưa nay ngựa cười, thời người ta chuộng non, chứ ai chuộng già để làm gì?

— Bầm ngài: Dạy nữa, thời nhằm lắm!

— Uở! kỳ! anh bảo sao là nhằm? Ngựa có non, thời sức mới khỏe, sức có khỏe, thời mới chịu được đường dài, rừa mà anh bảo là nhằm, cái nhằm nó thế nào? anh thử kể tôi nghe.

— Bầm ngài: Phàm ở đời, vật gì cũng vậy, không cứ ngựa, trọng là trọng vì tài, chứ không phải trọng vì khỏe, yếu là yếu vì hay, chứ không phải yếu vì trẻ. Già mà có tài, thời dẫu nghìn vạn, cũng có người mua, trẻ mà không hay, thời dẫu một đồng, cũng không ai dụng. Giá phỏng bây giờ ngài có một con ngựa tuổi rất trẻ, sức rất khỏe, mà tới khi ngài cười, dẫu hò hét nó cũng không đi, roi vọt nó cũng không chạy, thế thời trẻ khỏe, ngài có qui

chẳng? Nay ngài chề con ngựa này già, thế thời người đời cứ tất phải thiếu-niên tân-tiến, như bậc Giả-Sinh Vương-Bột, mới dùng được, mà bậc lão-thành luyện-đạt, như ông Thái-công Vọng, ông Bách-lý Hề, thời bỏ cả hay sao? Người ta thường nói rằng: « Người già thuộc việc, ngựa cũ quen đường. » Chừ như ngựa non háu đá, ai kể đến chi? Tôi còn nhớ khi ông Tề Hoàn đánh Cô-Trúc, quân lạc quanh quần trong rừng, không tìm được đường ra; ông Hoàn-Công hỏi Quân-Trọng. Quân-Trọng sai thả ngựa già ra, để dẫn đường, quân đi theo sau, mới ra được khỏi rừng.

« Xem thế thời ngài bảo ngựa già có đáng chề hay không? Nay ngài có tiếng thích ngựa, tôi nghe thiên-hạ mang đến cũng nhiều, mà xem ra thời chỉ toàn thấy những cửa chơn lòng mỡ mặt, năm xấu ba tốt, đua nhau đua đến chật tàu, sẵn tay tiền mới bạc nghìn, thấy bán thời mua, cốt chỉ lấy cho đẹp dáng, mà đến như hạng ngựa theo gió ruổi mây, một hơi nghìn dặm, tài kỳ đức kỳ, lạ tục khác thường, thời lại bài bác là già, chề bai là yếu, thế thời ra chỉ biết trọng khỏe chứ không cần gì tài, qui trẻ mà không cần gì đức, xem có khác gì ông Diệp-công thích rồng, mà chỉ thích rồng vẽ, chứ không thích rồng thật!

« Ôi! ngựa hay tất không béo, ngựa béo tất không hay, ngựa giỏi tất không non, ngựa non tất không giỏi. Sao vậy? Đại phàm ngựa béo bởi ít khi dùng, đến như ngựa đã có tài, thời phi nay giông đường liền tất mai cũng ruổi dặm hòe, dãi tuyết dầm sương, mấy lúc được rồi mà béo? Ngựa non chưa từng chịu ải, đến như ngựa có tiếng, thời phi kể tiếc lòng trung, tất cũng người yêu tài giỏi, gọi mua tắm gió, nhẽ dẫu lâu mãi không già?

« Xưa có người đi tìm ngựa hay, nghe thấy một nơi có con thiên-ly-mã, cố tìm đến mua, tới nơi thời con ngựa đã

chết, tiếc lắm, mua lấy bộ xương về, sau thiên-hạ nghe tiếng, đua nhau đem ngựa hay đến nhiều lắm.

« Nay ngài thích ngựa, mà không thích ngựa già, thế thời so với người mua xương ngựa, khác nhau thế nào? Tôi sợ ngựa hay thiên-hạ không có khi nào chịu dắt vào cửa nhà ngài nữa ạ!

«Tiếc thay! lạ thay! Vào rừng kén gỗ, chỉ chước lấy những gọi, xung, sồi, rẻ, mà đến những đinh, lim, sến, táu, thời lại nhắm mắt chạy qua; lên non tìm ngọc, chỉ nhặt lấy những cuội, đá, sỏi, sành, mà đến những châu, bích, quỳnh, giao, thời lại hầy tay quăng bỏ! Thôi! thôi!! thôi!!! Ngựa ơi! ngựa ơi!! Già rồi! già rồi!! Bá-Nhạc là ai? Vương-Lương là ai? dòng dòng dài dài, thác thỉ một đời, khoe chi giỏi? cậy chi tài? không bằng nằm trong tàu nát, nhá mấy củ khoai, mát mẻ thanh thoi, chẳng chồn bốn vó, chẳng toát màu hôi, mà bị cười với lũ lô thái! (1)»

Ông chủ nghe nói xong, đứng dậy mà tạ rằng: «Đó thiệt là cái lỗi tôi! thiệt là cái lỗi tôi! Nhầm thiệt! nhầm thiệt! Có mắt mà không biết ngựa hay, quả nhầm thiệt! Xin xá lỗi!»

ĐÀM-XUYÊN

Tự-thuật cảnh Hương-giang (Huế) buổi chiều

Thành Nam mây tạnh, bóng ác hầu chênh. Gió phất-phơ sóng bạc vỗ gành, cây ăn-tróc rón vàng chói nước. Mấy lớp lâu-đài chồng chập, đôi ngàn thảo-thọ xanh um. Lắng giọng ve như tiếng sáo nhật khoan, thoảng hơi gió như cung đàn cao thấp. Cảnh đã xinh mà tinh lại thích, khéo thừa tra gặp gỡ lúc thanh nhàn. Vui chân dạo bước thạch-đề, nhìn xem cảnh-trí có bề phong-quang. Như khi ấy: bóng chiều bằng láng, xe ngựa dộn dàng; các sở làm

việc đã nghỉ; chuông trường Giám, trống tòa Khâm, kiềng Quốc-học, còi hỏa-xa, chiêng nhà bệnh, đều nào-nức mà thổi một khúc nhạc mới văn-minh. Sáu dịp cầu Thành-thái chạt ních, nào người danh lợi, nào kẻ bán buôn, qua qua lại lại, trông đó mà sanh cái vô-hạn tư-tưởng, cảm-tình phong-thú ấy biết bao nhiêu. Ôi! người sanh ở đời phải trông thi-thiết, đã đem thân vào trường tranh-cạnh, thì phải nóng-sốt nóng-nả mà đua chen cho tới cấp văn-minh, thế mới khỏi phụ ơn nhà nọ nước; bằng không giảng-cầu sự tấn-hóa, mở mang đường lợi-ích, để cho tan nát cái trí-não, xua đùa theo ngày tháng như thoi, chẳng uổng quá vậy ru! Phương-chi người một ngày một dòng, cảnh một ngày một đổi. Thần-kinh xưa vẫn là thắng-cảnh phiến-hoa đệ-nhất trong nước. Núi có Ngự-binh, Kim-phụng, sông có Hương-thủy, Bồ-nguyên. Tả Bạch-hồ, hữu Thanh-long, quanh mấy dặm vẻ vang tòa cầm-tú. Nay lại nhờ Đại-Pháp sang bảo-hộ, dắt tay chỉ nẻo mà giáo-hóa cho người nước ta, dựng trường học, dạy bách-công, khai canh-nông, làm xe-hỏa, phá núi ngăn sông, bắc cầu lập chợ, đều là những phép phương-tiện mà tổ-chức cho cảnh-trí nhân-vật cõi Nam dựng sanh sắc chừng nào! Cũng phong-cảnh ấy, cũng nhân-vật ấy, xưa vốn chất-phác, tả thủy-mạc, nay nhờ tay thầy thần bút, điểm-nhiêm cho thành cái bức tranh sơn-thủy linh-động. Thiệt nên yêu mến mà quý-hóa thay!

*Ngàn năm vẫn nước non nhà,
Cầm ơn dào-chủ mới ra anh-tài!*

Xem như cảnh Hương-giang lối này, phong-thuần tục-mĩ, vật-phụ dân-khương, cũng đáng giá ngàn vàng một khắc, dễ thiếu chi năm bước một lần. Đầy đàng bửu-mã hương-xa, nước dặm sơn-thanh thủy-tú. Nhan-sắc ấy chi

(1) Lô thái là tên ngựa hèn.

nhờng Tây-tử, hiệu-tần này then với Đông-thị. Nôm na góp nhặt mấy lời, dám ghen A-tạ đưa tài nàng Ban!

ĐAM-PHƯƠNG nữ-sử.

**Diện bài văn của ông Hàn-Dũ
tế cháu là Thập-nhị-lang**

Ngày... tháng... năm... qui-phụ Dũ nghe tin người mất bảy ngày rồi mới hàm-ai tri-thành, sai người Kiến-Trung xa đem thức thời-tu, diện-tế linh-hồn Thập-nhị-lang. Than ôi! Ta khi nhỏ bỏ coi, nhón lên không biết nhờ ai, chỉ nương nhờ về anh chị. Đến sau anh mất ở phương nam, ta cùng người đều còn nhỏ, theo chị đưa anh về táng ở đất Hà-dương. Rồi ta lại cùng người sang ăn nhờ ở đất Giang-nam, linh-đinh cô-khở, chữa từng lia nhau một ngày nào. Ta trên có ba anh, đều không may mất sớm, thừa tự đáng tiên-nhân, về hàng cháu chỉ có người, hàng con chỉ có ta, hai đời một thân, hình dan ảnh chích. Chị dâu ta thường võ người trở vào ta mà bảo rằng: « Hai đời họ Hàn, chỉ còn một chút này mà thôi! » Lúc bấy giờ người hãy còn nhỏ, hẳn không nhớ được, khi ấy ta đâu biết ghi nhớ, nhưng cũng chữa biết nhờ nói ấy là đau.

Khi ta mười chín tuổi, mới đến Kinh-thành, được bốn năm lại giở về thăm người; sau bốn năm nữa, ta về thăm phần-mộ ở Hà-dương, gặp người đưa tang chị dâu ta về táng. Lại hai năm nữa, ta giúp việc quan Đồng-thừa-tướng ở Biện-châu, người có đến thăm ta, chỉ được một năm, người lại xin về đem vợ con đến; năm sau, quan Thừa-trống mất, ta bỏ Biện-châu đi nơi khác, người cũng chẳng đến nữa. Năm ấy ta đến giúp việc binh ở Từ-châu, sai người về đem người đến, nhưng ta lại bãi việc, người lại chẳng đến nữa. Ta nghĩ người theo ta ở

phương đông, phương đông là nơi đất khách, không thể ở lâu dài được, muốn cho lâu dài chẳng gì bằng về phương tây, đương sắp sửa làm nhà để gọi người về, ai ngờ người vội bỏ ta mà chết, than ôi! Ta cùng người đều còn ít tuổi, nghĩ rằng đâu tạm ly-biệt, rồi hẳn được xum họp lâu dài, cho nên ta tạm bỏ người mà đi lữ-thực ở chốn Kinh-sư, để cầu cái lộc thăng-đầu; nếu thực biết ra nông nổi này, thì đâu làm đến công tướng muôn cỗ xe, ta cũng chẳng nở một ngày bỏ lia người mà đi vậy. Năm ngoài ông Mạnh Đông-dã đi về, ta có gửi cho người cái thư rằng:

« Ta chữa đến bốn mươi tuổi, mà mắt đã mờ mờ, tóc đã hoa râm, răng đã lung lay, nghĩ đến các chú các anh ta, đều mạnh mẽ cả mà mất sớm, như ta suy yếu thế này, có thể sống lâu được chăng; ta không thể đi được, người không thể đến được, sợ nhất-dán ta chết đi, thì người mang cái lòng đau thương vô-cùng vậy! » Ai ngờ đâu người ít tuổi thì mất mà người nhiều tuổi thì còn; người mạnh khỏe thì chết non, mà người ốm yếu thì sống mãi! Than ôi! có thực thế chăng? hay là mơ hồ chăng? Nếu thực thế thì anh ta nhân-dức như thế mà con nối dõi lại chết non ư? Nhà người thuần-minh như thế, mà lại không được nhờ ân-trạch ư? Người ít tuổi, người mạnh khỏe mà đã chết, người nhiều tuổi, người suy yếu mà hãy còn ư? Ta không dám lấy làm tin, chẳng qua là mơ-hồ, là truyền-văn không thực đó mà thôi. Nhưng có sao thư ông Đông-dã, tin người Cảnh-lan, lại báo đến ta? Than ôi! dễ thường mà tin thật! Nhân-dức như anh ta mà con nối dõi chết non thật! Thuần-minh như người nên nối nghiệp nhà, mà không được nhờ ân-trạch thật! Thế thì giới thực khó lường, mà thần thực khó hiểu; lý không thể suy được, mà thọ cũng không thể biết được!

Dầu thối, ta từ năm nay giở đi, tóc hoa râm có khi đã bạc, răng lung lay có cái đã rụng, khi-huyết ngày càng suy, chi-khí ngày càng kém, chẳng bao lâu cũng theo người mà chết thôi ! Chết mà có biết, thời cái nổi ly-biệt cũng chẳng bao lâu ; nếu mà không biết, thời cái tình bi - thương cũng không mấy lúc, mà cái nổi chẳng bi-thương thời vô-cùng vậy. Con người mới mười tuổi, con ta mới năm tuổi, người ít tuổi mà mạnh khỏe, đã không thể bảo-toàn được, còn những đứa trẻ thơ ấy, biết mong sao cho thành-lập được đây. Than ôi ! thương thay !

Năm trước người có gửi thư rằng : « Mới mắc phải bệnh nhuyên-cước, mỗi ngày một nặng thêm. » Ta bảo rằng đó là cái tật, người xứ Giang-nam thường mắc phải, chớ không lấy gì làm lo. Than ôi ! Mắc phải bệnh ấy mà đến nổi chết ư ? Hay là có tật gì khác mà đến nổi thế ư ? Tờ của người là ngày 17 tháng 6 ; mà thư của ông Đông-dã nói rằng người mất ngày mồng 2 tháng 6 ; tin người Cảnh-lan báo về thì không rõ ngày tháng. Hay là người sứ-giả của ông Đông-dã không biết hỏi người nhà cho biết đích ngày tháng ; tin người Cảnh-lan báo lại không biết nói rõ ngày tháng ; cái thư của ông Đông-dã đưa cho ta, là cứ theo nhờ kể sứ-giả, mà kể sứ-giả nói sai đó mà thôi ; phải thế chẳng, hay không phải thế chẳng ? Nay ta sai người Kiến-Trung đến tế người, thăm con bồ côi của người, và người nhũ-mẫu của người, nếu kẻ kia còn có lương ăn ở nhà thủ-tang đợi đến khi chung-chế, thời đến khi chung-chế sẽ đem đến ; nếu không hay đợi đến khi chung-chế, thì đem đến ngay ; còn những người nô-ti khác, đều để ở nhà bảo-thủ phần-mộ. Sức ta còn lo nổi

được việc cải-táng, rồi sẽ cải-táng chôn người ở bên mồ đấng tiên-nhân, mới thỏa lòng.

Than ôi ! Người bệnh ta không biết lúc nào, người chết ta không biết ngày nào, lúc sống không nuôi được nhau để cùng ở, lúc chết không được vô thấy người để khóc thương, lúc liệm không được vin áo quan, lúc chôn không được thăm đến huyết, ta thực phụ thần-minh mà khiến người chết non, ta thực bất-hiểu bất-từ, mà chẳng được cùng người cùng nuôi nấng nhau lúc sống, cùng giữ gìn nhau lúc chết, một người ở bên giới, một người ở góc bể, lúc sống thì bóng không nương với hình ta, lúc chết thì hồn không gặp với mộng ta, thực tại ta làm ra cả, lại còn trách ai nữa ! Ở giới xanh kia, biết sao cho cùng, từ nay giở đi, ta cũng không thiết gì với đời người nữa. Ta chỉ cầu lấy vài khoảnh ruộng ở trên sông Y-dĩnh, để nuôi tuổi thừa, rồi dạy con ta với con người, mong cho trưởng-thành, lại nuôi con gái ta với con gái người, cho đến khi gả chồng mà thôi. Than ôi ! Nhờ nói dầu có cùng mà tình thời vô cùng, người có biết chẳng ? hay không biết chẳng ? Than ôi ! Thượng-hưởng !

Nhời bàn. — LÂM TÂY-TRỌNG rằng : — « Trong bài văn tế mà nói được chí-tình thì thực là hay ! Nào là kể từ khi chú cháu tương-y nhau, đến lúc tương-biệt nhau ; nhỡ ra chú già yếu nên chết trước, mà cháu còn ít tuổi mạnh khỏe thì nên sống lâu, thế mà lại chết, không biết chết tại bệnh gì, không biết chết về ngày nào, nửa ngò nửa tin, than dài thở ngắn, rồi lại trách tại tội mình bỏ cháu mà đi xa, một nhời nói là một giọt lệ, một câu văn là một đoạn tình, thế mới thực là tuyệt-thế kỳ-văn ! »

(Dịch Cổ-văn) ĐÔNG-CHÂU dịch

Kính diễn bài thơ Ngự-tứ Nam-Phong

(Tiếp theo kỳ trước)

(Những bài đăng sau này lấy chữ đầu vần họ và tên người dịch làm thứ-tự, không phân-biệt trên dưới trước sau).

XV

1

Gió Huân đưa đến nửa năm tròn,
Đàn hát vang lừng quả đất con.
Nền đức gây nên mưa móc thấm,
Thành sâu tan tát khói mây tuôn.
Tơ giảng vạc Hán danh ghi đó,
Bút chép lân châu nghĩa nhơn còn.
Cơn thổi hiu hiu non nước khắp,
Bạc ngoan thói đổi hóa lòng son.

2

Gió Nam quán mở nửa năm thâu,
Đàn hát riêng vang mảnh địa cầu.
Sương móc đem nhừa nhiều về tốt,
Khói mây tan tát sạch cơn sầu.
Tên ghi đỉnh Hỏa tơ giảng Hán,
Nghĩa tổ kinh Lân bút nối Châu.
Non nước hơi Huân đâu cũng khắp,
Bạc ngoan những kẻ sớm quay đầu.

BÁ-KHUE

XVI

Gió nồm mới thổi nửa năm nay,
Khắp một phương cầu dậy tiếng hay.
Hóa mới đem ngay mưa móc trời,
Sầu xưa thổi sạch khói mây bay.
Sợi tơ giúp Hán tên còn đó,
Ngọn bút tôn Chu nghĩa vẫn bày.
Thổi khắp non xanh cùng nước biển,
Những nơi ngoan bạc hóa trung ngay.

Vân-hoàng CHU VĂN-LUẬN

XVII

Ngọn gió nồm dong đã mấy tuần,
Một phương nghe dậy khúc nam-huân.
Bón màu cảnh tốt thêm mưa móc,
Rũ tấm sầu xưa sạch bụi trần.
Công Hán vẫn truyền tơ giúp vạc,
Nghĩa Chu còn để bút san lân.
Non xanh nước biển đều quen tiếng,
Đầu kẻ ngoan tà cũng thảo nhơn.

DUYNG BỘI-KHA

XVIII

Giống khúc Nam-phong chửa trọn năm,
Giời Nam một góc tiếng nghe râm.
Áo tuôn móc ngọt vun đồng mới,
Hjú thổi mây xưa mọi sự nhăm.
Dựng Hán tơ đồng bền sức nổi,
Đội Chu bút lỗ vững tay cầm.
Gió nồm dần khắp non non nước,
Dây mỏng chỉ đều gắng khúc ngâm.

BẮC-NINH ĐƯƠNG ĐỨC-XUÔNG

XIX

Gió nam thổi dậy nửa năm thừa,
Khúc hát nam-huân mượn gió đưa.
Mưa móc trời thêm màu tốt m' i,
Mây mù tan hết tấm sầu xưa.
Mảnh tơ phò Hán công còn tỏ,
Nét bút tôn Chu nghĩa chẳng mờ.
Non nước gần xa nghe mát mặt,
Khuyên ai ngoan bạc cũng nên chừa.

DUYNG THIẾU-THẠCH

XX

Nam-phong mới giao nửa năm hơn,
Huyền-thuấn khua vang một cõi trần.
Móc ngọt trời qua vun tiến-hóa,
Mây giảm thổi sạch rã sầu-nhơn.
Danh cao ở Hán tơ giảng đỉnh,
Nghĩa tổ cùng Chu bút chép lân.
Non nước xa xôi dần gió khắp,
Dù ngoan với bạc cũng hồi thuần.

HỒ KỶ

XXI

Gió nồm mới quạt nửa năm trường,
Dậy tiếng huân-huyền khắp một phương.
Mầu tốt trời thêm sương móc ngọt,
Sầu xưa rũ sạch khói mây quang.
Sợi tơ giúp Hán danh lừng lẫy,
Ngọn bút tôn Chu nghĩa tổ tường.
Non nước gần xa dần thổi khắp,
Tĩnh ra không những bạc tâm thương.

HOÀNG ĐƯƠNG-THUẬT

XXH

Nam-phong mới động nửa năm giờ,
 Mấy tiếng đàn vang khắp một nơi.
 Mâm tốt dần đem sương móc tưới,
 Khói sần nay quạt khói mây chời.
 Danh ghi vạc Hán tờ nghìn tuổi,
 Nghĩa thiết lân Chu bút một ngôi.
 Gió mát non sông tươi tỉnh hết,
 Nửa là ngoan bạc mấy lăm người.

HOÀNG KHẮC-THÀNH

XXIII

1

Nửa năm báo quán nước hơi huân,
 Vang tiếng huyền-ca một cõi xuân.
 Thói tốt gây nên mưa móc thấm,
 Sầu xưa tan sạch khói mây vân.
 Tên còn phủ Hán tờ giảng đỉnh,
 Nghĩa vẫn tôn Chu bút chép lân.
 Giải khắp non xanh cùng nước biếc,
 Những phường ngoan bạc nét thay dần.

2

Quán mở Nam-phong sáu tháng ngày,
 Một phương huyền-quản tiếng xa bay.
 Vun nên thói mới nhuần mưa móc,
 Tan hết sầu xưa tỏa khói mây.
 Đỉnh lửa tờ giảng tên Hán đó,
 Kinh lân bút chép nghĩa Chu đây.
 Trái bao nước biếc non xanh khắp,
 Ngoan bạc kia ai đổi mặt ngày.

HOÀNG MỘNG-MAI

XXIV

Gây khúc Nam-phong sáu tháng nay,
 Một phương đã dậy tiếng đàn hay.
 Văn-minh thêm mới dầm sương móc,
 Phiền não vừa tan thoáng khói mây.
 Giảng đỉnh danh thơm tờ sẵn đó,
 Than lân nghĩa tổ bút còn đây.
 Dân dã phong hóa đầy non nước,
 Há những dung phu hóa tự đây.

HOÀNG NGỌC-UẤN

XXV

Gió Nam vừa thổi nửa năm thâu,
 Năm tiếng vang đưa góc địa-cầu.
 Thấm khắp hơi nay mưa móc ngọt,
 Sạch không ngày trước khói mây sầu.

Tờ giảng vạc đó bên ngôi Hán,
 Bút chép lân này tổ mối Châu.
 Nước biếc non xanh dần thổi đến,
 Những ai ngoan bạc thói còn đâu.

2

Gió Huân hây hây nửa năm vừa,
 Trung-Bắc Nam-Kỳ khúc hát đưa.
 Kéo trận mưa nhuần vun thổi mới,
 Tan cơn mây tối sạch buồn xưa.
 Đem tờ phủ Hán tên càng rết,
 Thay bút tôn Chu ngã chẳng mờ.
 Non nước xa xa dần mát mẽ,
 Nét ai ngoan bạc cũng nên chừa.

HOÀNG XUÂN-SƠN

XXVI

1

Hây hây gió nồm được nửa đông,
 Khúc đàn nghe dậy một phương Đông.
 Trời thêm móc ngọt gây nên mới,
 Quạt sạch mây sần thổi dạ mong.
 Vạc Hán tờ giảng danh nước đó,
 Kinh Lân bút chép nghĩa thơm cùng.
 Non xanh nước biếc đưa dần khắp,
 Chẳng những điều-ngoa cũng đổi lòng.

2

Nam-Huân mới giảng nửa năm ròng,
 Tiếng đã lừng bên cõi Á-Đông.
 Đưa lại móc sương gây hóa mới,
 Thổi tan mây khói giải cơn nồng.
 Tờ giảng vạc Hán danh thơm nước,
 Bút chép kinh Lân nghĩa sánh cùng.
 Hương Kiều rồi ra bay khắp nước,
 Dầu còn ngoan bạc cũng thay lòng.

Nam-Định I AN-KY

XXVII

Gió Huân sức tới chứa bao lâu,
 Vang tiếng cầm ca góc quả cầu.
 Mưa móc chừng đem tổ cảnh lạ,
 Mây mờ thổi sạch hết sầu đầu.
 Giấy nung được đỉnh không quên Hán,
 Kinh đầu vì lân vườn nhớ Châu.
 Non nước phơi màu đều gió cả,
 Liềm đôn chẳng những nét hai phu.

Phù-lưu LÊ HỮU-XUÂN

XXVIII

Gió nóng xa đưa hạ mới qua,
 Tiếng đàn dây khắp nước Nam ta.
 Nhuần thêm mốt ngọt vun màu thắm,
 Quét sạch mây mù tỉnh nét hoa.
 Phù Hán thước tơ bia vẫn rõ,
 Tôn Châu một chữ mực chưa lòa.
 Nước non quạt khắp từ đây nhỏ,
 Ngoan bạc còn ai giữ thói tà.

LÊ THUẬN-DOANH

XXIX

1

Nửa năm vừa hát khúc Nam-phong,
 Tiếng động vang lừng cõi bẽ đông.
 Đem những mốt sương gầy mốt tốt,
 Thổi tan mây khói giải cơn nồng.
 Danh thơm phò Hán tở Đồng-Thủy,
 Nghĩa tổ Tôn-Chu bút Hóa-công.
 Luồng gió khắp miền non nước Việt,
 Lộ là ngoan bạc mới xiêu lòng.

2

Khúc nam vừa mới lựa cung đàn,
 Một góc Đông-câu tiếng động ran.
 Mầm mới nhờ đem sương mốt tươi,
 Sầu xưa theo đám khói mây tan.
 Sợi tơ kéo vạc danh lừng lẫy,
 Ngọn bút thương lân nghĩa rõ ràng.
 Nước biển non xanh dần thấu khắp,
 Cứ đầu kẻ bạc với người ngoan.

LÊ TRỌNG-DU

XXX

Phất phới nồm giông mới nửa đông,
 Tiếng đàn lừng lẫy góc non sông.
 Đem màu tuyết trắng tờ mầm ngọc,
 Vén đám mây đen giải trận nồng.
 Giảng vạc sợi tơ theo Hán trước,
 Kinh lân dấu bút nối Chu cùng.
 Gió dần dần khắp đông tây bắc,
 Chẳng những ngoan phu cũng chuyên lòng.

LÝ HÁN-QUANG

XXXI

Cung nam vừa gảy nửa năm thời,
 Văng-vẳng đàn đưa một góc trời.
 Mầm mới tốt tươi màu vũ-lộ,
 Sầu xưa tan tác khói vân-mai.

Sợi tơ đỉnh Hán nâng còn vững,
 Ngọn bút lân Chu chép chẳng sai.
 Non nước chờ xem phe phẩy khắp,
 Chẳng nề ngoan bạc một hai người.

Mai-khe Ngô Thúc-Tử

XXXII

Tiếng hát Nam-phong dạy cả giới,
 Bốn phương mắt mẽ dạ thảnh thơi.
 Vẽ vang vui mới giờ tay vỗ,
 Tan tác sầu xưa mỉm miệng cười.
 Vạc Hán tơ treo lừng tám cõi,
 Kinh Lân bút chép đề muôn đời.
 Núi non đã biết nhỏ đầu dây,
 Kẻ đại người khôn học lấy nhờ.

Van-xuân NGUYỄN DANH-THẮNG

XXXIII

Báo Nam-phong mới nửa năm nay,
 Ran khúc cầm ca một cõi này.
 Bón hạt văn-minh đưa mốt rẫy,
 Phá thành sầu-não cuốn mây bay.
 Tiếng tơ phù vạc hay còn đó,
 Nghĩa bút kinh lân lại thấy đây.
 Phong động nước non rồi khắp cả,
 Há duy ngoan bạc hóa người hay.

Phú-diễn NGUYỄN ĐÌNH-ÔNG

XXXIV

Vừa nửa năm nay phất gió đàn,
 Thơ nam dậy tiếng cõi dân gian.
 Mưa tuôn chỗi mới công vun lại,
 Mây tỏa sầu xưa trận thổi tan.
 Giúp Hán tơ tình chân vạc vững,
 Ghi Chu bút nghĩa sách lân bàn.
 Nước non thấm thía gần xa khắp,
 Phong hóa đầu còn thói bạc ngoan.

Lai-xá Hương-sư NGUYỄN DUY-DY

XXXV

1

Ngọn gió Nam-phong gió giải sầu,
 Nửa năm nghe dậy tiếng đàn Ngưu.
 Đưa hơi sương mốt tươi chỗi biển,
 Phá trận mây mù tổ bóng ô.
 Trăm thước dài Nghiêm công giúp Hán,
 Một kinh bút Khổng nghĩa tôn Chu.
 Những chi phong hóa không ngoan bạc,
 Gió thổi lâu dần mắt thiếu đầu.

2

Gió Nam-phong quạt chửa bao lâu,
 Lừng khúc Nam-phong góc địa cầu.
 Móc ngọt rây tươi mầm học mới,
 Giờ âm thời sạch trận mây sầu.
 Sợi tơ phù Hán khuyển đời cuối,
 Ngon bút tôn Chu tổ nghĩa đầu.
 Sức mát đưa dần xa cũng khắp,
 Thói chửa ngoan bạc những chi đầu.

Cử-nhân NGUYỄN HÂN-KHÁ

XXXVI

Nửa năm vừa nổi gió Nam-phong,
 Dậy tiếng huyền-ca cõi Lạc-Đông.
 Đưa lại mưa xuân nhuần cảnh mới,
 Thời tan mây tối đẹp sâu đông.
 Tơ giảng vạc Hán danh thơm mãi,
 Bút cảm lân Chu nghĩa tỏ cùng.
 Nước biếc non xanh đâu chẳng thấu,
 Kề chi ngoan bạc tỉnh mê mong.

NGUYỄN HOÀNG-THIỆU

XXXVII

Giáo khúc nam-huân chửa mấy lâu,
 Tiếng đàn êm ái khắp ngô-châu.
 Đem sương móc mới vùn mầm chánh,
 Thời khói mây xưa giải uẩn sầu.
 Vạc Hán vững vì tơ Lão-tử,
 Giảng Chu bền tại bút Xuân-thu.
 Quạt nhân mát khắp vung non nước,
 Há tính riêng phường hãnh bạc đầu.

NGUYỄN HỮU-GIÁC

XXXVIII

Tạp-chí vừa ra ngoại nửa niên,
 Huyền-ca lừng-lẫy cõi nam-thiên.
 Khéo đem sương-vụ vùn nền mới,
 Châu góp vắn-mai giải dạ phiền.
 Vạc Hán sẵn lời mảnh chỉ kết,
 Tôn Châu chấp nối sách lân biên.
 Non cao bề thăm lần nghe gió,
 Ngoan bạc từ đây hóa thảo hiền.

Thanh-nguyên NGUYỄN-KHOA LIÊN

XXXIX

Gây khúc Nam-huân thoát nửa niên,
 Một phương giėjo giắt tiếng Ngu-huyền.
 Mưa theo luồng sáng (1) phun chổi nõn,
 Khói tản cơn mê vỡ khối phiền.
 Chân vạc tơ giảng danh đã tỏ,
 Kinh lân bút chép nghĩa như in.
 Non xanh nước biếc đưa dần tới,
 Cầm hóa chi nề lữ bạc đen ?

Đàm-xuyên NGUYỄN PHAN-LĂNG

XL

Huân huyền mới lựa khúc ca hoan,
 Tiếng báo Nam-phong đã chửa chan.
 Đất ẩm nhuần đem sương móc rây,
 Thành sầu thời sạch khói mây tan.
 Đồng-giang một sợi danh còn để,
 Lỗ-sử nghìn năm nghĩa tỏ bàn.
 Cầm hóa này xem dần khắp cả,
 Những đầu kẻ bạc với người ngoan.

An-thái NGUYỄN QUI-PHÁC

XLI

Đồn dậy Nam-phong mới mở mang,
 Tiếng đồn đã khắp cõi Viêm-bang.
 Đem màu trang-điểm tươi trăm vẻ,
 Khéo mô văn-minh rộng mọi đường.
 Một sợi Đồng-giang danh tạc đá,
 Trăm năm Lân-sử bút làm gương.
 Nước non Hồng-lạc ngày thêm mới,
 Những bạc ngoan đâu biết cải lương.

An-thái NGUYỄN THẮN

XLII

1

Gây khúc Nam-phong mấy tháng chầy,
 Âu ca lừng lẫy một phương này.
 Hạt văn-minh nở vùn mưa móc,
 Khổi cự-sầu tan tỏa khói mây.
 Vững Hán mới tơ tên rệt đó,
 Tôn Chu nét bút nghĩa còn đây.
 Gió dần thời khắp cùng non nước,
 Nghe lọt người ngoan cũng hóa ngay.

(1) Phương Nam là « minh-đổ ».

2

Nửa năm nay giao khúc Nam-phong,
Đàn gảy vang lừng góc bể đông
Lối mới đem thêm sương móc trời,
Sầu xưa thổi sạch khỏi mây lung.
Sợi tơ giúp Hán nay còn tiếng,
Ngọn bút tồn Chu lại có công.
Nước biếc non xanh dần gió khắp,
Khiến người ngoan bạc hiểu mà trung.

Kiếm-hồ NGUYỄN THẾ-HỮU

XLIII

Khưa động Nam-phong sậy nửa niên,
Tiếng huyền đầy dãy một phương biên.
Quyết đem mưa móc gầy nền mới,
Thổi giốc mây mù giải tẩm phiền.
Phù Hán sợi tơ giun vạc nhòn,
Tồn Chu nét bút thần lân hèn.
Non xanh nước biếc hơi đưa khắp,
Cả đũa ngoan ngán đũa bạc đen.

NGUYỄN THỊ

XLIV

Gió Nam mới nổi nửa năm nay,
Khúc hát vang lừng dãy dãy đầy.
Vun tưới mưa nhuần tươi cỏ nội,
Thổi tan mây ám sạch sầu tây.
Sợi tơ phù đỉnh ghi tên đó,
Ngọn bút thư lân chủ nghĩa này.
Dần khắp non xanh cùng nước biếc,
Những phường ngoan bạc sá chi bay.

NGUYỄN THỊ-QUYÊN

XLV

Bấy lâu đàn giao khúc Nam-huân
Vang góc giới Nam tiếng dậy gần.
Khai-hóa xa đưa cơn móc ngọt,
Giải-phiền tan rẽ đám mây ngàn.
Sợi tơ danh-tiết giăng chần đỉnh,
Ngòi bút cương-thường sửa sách lân.
Mắt mở non sông dần khắp mặt,
Bạc ngoan nào những kẻ phàm-dân.

Ngạc-dâm NGUYỄN THIỆU-TIÊN

XLVI

Ngọn gió Nam-phong mới nửa thu,
Tiếng huyền vang dậy khắp thần-châu.
Móc mưa vun tưới chồi tán-học,
Mây khói tan hoang mới cựu-sầu.

Vạc Hán sợi tơ vương dề truyền,
Kinh Lân ngọn bút vẫn còn câu.
Gió đưa đưa khắp miền non nước,
Chẳng những người ngoan kẻ bạc đầu.

Cư-lộc NGUYỄN THƯỢNG

XLVII

1

Trận gió nổi reo mới nửa năm,
Phương Nam lừng lẫy khúc êm đằm.
Chứa chan móc đượm màu tươi hớn,
Tan tác mây quang buổi tối dầm.
Vạc-lửa giăng tơ ra sức kéo,
Kinh-lân gấp bút vững tay cầm.
Non xa nước thẳm đầu không mắt,
Hả những người ngu lẳng tiếng tăm

2

Nửa năm nay được gió nổi tuôn,
Côi nóng nghe đàn hóng mát luôn
Sương móc thấm nhuần vun vẻ tốt,
Khói mây tan tác rã cơn buồn.
Gia công kéo vạc tơ còn vững,
Nhờ nghĩa sẵn lân bút vẫn tồn.
Nước biếc non xanh chờ thổi khắp,
Dần dần càng giải tẩm lòng son.

NGUYỄN TRUNG-TƯỜNG

XLVIII

Gầy khúc Nam-phong mới nửa thu.
Tiếng đàn vang vẳng một phương cầu.
Đem sương móc đến nhuần màu đẹp,
Tan khói mây đi rã mối sầu.
Giăng vạc xưa nghe tơ giúp Hán.
Chép lân nay cũng nghĩa tồn Chu.
Non sông cơn mắt đưa dần khắp,
Chẳng những người ngoan kẻ bạc đầu.

Nghĩa-viên NGUYỄN VĂN-ĐÀO

XLIX

1

Nửa năm vừa gầy khúc Nam-huân,
Ngọn gió cung đàn khắp quốc-dân.
Sương móc cuốn đem nhuần cảnh mới,
Khói mây quét sạch rặng giới xuân.
Danh thơm giúp Hán tơ phù đỉnh,
Nghĩa nặng tồn Chu bút hoạch lân.
Non nước xa gần nghe gió lại,
Hư đầu hư chẳng hóa hay dần.

2

Gây khúc Nam-phong sáu tháng tròn,
 Tiếng đàn dậy một góc càn-khôn.
 Quển đem sương móc nhuần cây cỏ,
 Thời hết mây mù rạng nước non.
 Ràng đỉnh sợi tơ danh Hán đế,
 Chép lân ngọn bút nghĩa Chu còn.
 Núi xanh nước biếc phong dân khắp,
 Kể bạc người ngoan cũng tỉnh hồn.

3

Nửa năm gây khúc Nam-huân,
 Tiếng đàn giải nhiệt nhân dân hả lòng.
 Móc sương vun tưới vườn hồng,
 Khói mây lùa quét sạch không bụi sầu.
 Nghiêm Quang danh tiết đài càn,
 Quyên hành Phu-tử tôn Chu bút đề.
 Gần xa thời hết thói mê,
 Nửa là ngoan bạc chi chi những người.

Hồ-khẩu NGUYỄN VĂN-ĐỘ

L

Gió nam hây hây nửa năm giới,
 Đàn gây vang lừng khắp mọi nơi.
 Mưa móc đượm nhuần vườn cảnh tốt,
 Mây mù tan tát bề sâu voi,
 Sợi tơ giúp Hán đài còn dấu,
 Nét bút tôn Chu mực vẫn tươi.
 Non nước cỏ hoa đều hơn hổ,
 Tấm lòng ngoan bạc tự nhiên thôi

Thống-sứ-phủ Thông-pháo
 NGUYỄN VĂN-TIÊN

LI

Gió nam chừng mới nửa năm tròn,
 Một cõi giới nam dậy tiếng đồn.
 Vẻ mới in màu sương móc diềm,
 Sầu xưa theo bóng khói mây tuôn.
 Tơ phò Hán-đỉnh danh càng nức,
 Bút chép Châu-lân nghĩa vẫn còn.
 Nước biếc non xanh phong-hóa khắp,
 Bạc-đen rầy cũng nhuộm lòng son.

PHẠM NGỌC-VY

LII

Gió nam diu-dặt nửa năm hầu,
 Nổi tiếng năm giã mài địa-cầu.
 Đem lại móc mưa tơ vẻ lạ,
 Thời tan mây khói giải buồn lâu.
 Sợi tơ gin vạc danh còn Hán,
 Nét bút than lân nghĩa ở Chu.
 Gió cả non xanh cùng nước biếc,
 Một gì đũa bạc đũa ngoan đầu.

PHẠM TIÊN-TÀI

LIII

1

Ngọn gió Nam đưa sáu tháng đầu,
 Một phương đầy dậy tiếng đồn tàu.
 Tươi vun chồi mới sương vừa thấm,
 Phá nát buồn xưa khói đã thâu.
 Giúp vạc lấy tơ danh ở Hán,
 Được Lân nêu bút nghĩa còn Châu.
 Non xanh nước biếc lần lần đến,
 Chẳng những là ngoan với bạc đầu.

2

Gió Nam phất-phất tiếng như đàn,
 Mới nửa năm mà dậy một phan.
 Giống tốt vun trồng sương móc rười,
 Sầu xưa phá sạch khói mây tan.
 Vạc tơ giúp Hán danh còn đề,
 Lân bút vì Châu nghĩa chẳng cần.
 Gần khắp non xanh cùng nước biếc,
 Lụa là kể bạc với người ngoan.

Ngũ-thần PHAN QUỐC-QUANG

LIV

1

Một khúc Nam-huân gây cũng mau,
 Nửa năm réo rất khắp phương cầu.
 Bật pha sương lộ vun mầm tốt,
 Giới quét vân mai sạch mối sầu.
 Giúp Hán tiếng thơm tơ một sợi.
 Tôn Chu nghĩa cả bút ngàn thu.
 Nước non muôn dặm đưa hòa khắp,
 Chẳng những ngoan-phu với bạc-phu.

2

Tiếng đàn Ngũ gây nửa năm vừa,
 Hoà khắp phương cầu một tiếng tơ.
 Tuyết diềm sương pha mầm hóa mới,
 Mây tan khói tạnh mối sầu xưa.
 Sợi tơ giúp Hán danh còn mãi,
 Ngòi bút tôn Chu nghĩa đến giờ.
 Nước biếc non xanh dâu cũng đến,
 Một gì kể bạc đũa ngoan chừa.

Chân-mỹ TẠ ĐỨC-TẾ

LV

Nửa năm mới giao khúc nam-huân,
 Lộng góc giới nam tiếng dậy dần.
 Mưa móc tầm thêm mầm sắc nước,
 Khói mây tan sạch thói sầu dân.
 Tiếng kien đời Hán tơ phù vạc,
 Nghĩa vị nhà Chu bút chép lân.
 Non nước thuận chiều dần hóa khắp,
 Nửa là đũa bạc đũa ngoan ngân.

Đáp-cầu Điện-khi-sở thông-sự TÌNH

LVI

Gió nổi nồm nam mới nửa niên,
 Tiếng ca giải phụ nức trong miền.
 Đưa mưa móc nọ vun màu tốt,
 Thổi khói mây kia phá nỗi phiền.
 Phù Hán danh ghi tờ Phú-lại,
 Tôn Chu nghĩa tỏ bút Văn-tuyên.
 Non xanh nước biếc gần xa khắp,
 Dấu kẻ nghiêng-ngoaan cũng thảo hiền.

Ninh-bình NIẾT-ti BÁT-phẨM TỔNG-LẠC

LVII

Uầy khúc Nam-phong mới gầy rồi,
 Đàn đầu tiếng đã dậy bầu giờ.
 Bẹp nay móc thắm thêm tươi tốt,
 Sầu cũ mây tan nhay tả toi.
 Vạc Hán tờ nương thơm một sợi,
 Lân Chu bút chép sáng muôn đời.
 Nước non gió lượn màu xanh biếc,
 Thói bạc lòng ngoan ấy những ai.

Văn-hội TRẦN BẢ-ÁI

LVIII

Gió nam vừa thổi nửa năm đầu,
 Gió giắt đàn ai góc địa-cầu.
 Sương móc đem đi sinh mớn mớn,
 Mây mù tan sạch cảnh lâu lâu.
 Tờ giảng vạc Hán thanh danh cũ,
 Bút vị lân Chu nghĩa-lý sâu.
 Nước biếc non xanh sau trước khắp,
 Há rằng ngoan bạc mới nghe đầu.

TRẦN HÀM-TẤN

LIX

Nam-phong vừa nổi nửa năm thừa,
 Lừng góc bầu giờ khúc nhạc đưa.
 Đem nước tưới thêm hoa quý mới,
 Tan mây phá cả khối sầu xưa.
 Tờ cheo Hán-đỉnh tên không nát,
 Bút chép Chu-lân nghĩa chẳng vừa.
 Nước biếc non xanh dần cũng khắp,
 Nhẽ đâu điều bạc cứ tờ tờ.

Tri-phủ TRẦN HỌC-TẶNG (NHẬT-TỈNH)

LX

Nổi ngọn gió nồm sáu tháng nay,
 Như đàn mát cả góc giờ này.
 Quả hoa tưới được màu sương móc,
 Sầu một tan theo đám khói mây.
 Công Hán sợi tờ giảng đỉnh đó,
 Nghĩa Chu nét bút được lâu đây.
 Nước non đâu thổi mà không khắp,
 Ngoan bạc : thói nào cũng đổi ngay.

TRẦN NHU-LAN

LXI

Khúc Nam-phong giao nửa năm rồi,
 Huyền diệu lừng vang một góc giờ.
 Chối mấm nhuộm màu mưa móc tưới,
 Nức nồng tan sạch bụi mù roi.
 Tờ cheo vạc Hán danh còn mãi,
 Bút chép kinh Lân nghĩa để đời.
 Dần khắp non xanh cùng nước biếc,
 Há rằng ngoan bạc hóa mà thôi.

Vị-giang TRẦN TẤT-ĐẠT

LXII

Gầy gió Nam lên mới vừa thâu,
 Hát đàn vang lừng góc hoàn-cầu.
 Đem sương móc nhuộm hoa này tốt,
 Thổi khói mây tan mới cũ sầu.
 Vạc lấy tờ nương danh ở Hán,
 Lân ghi bút cấm nghĩa còn Châu.
 Thổi đầu nước biếc non xanh khắp,
 Há những người ngoan kẻ bạc ru.

Nam-định TRẦN TỬ-LĂNG

LXIII

Mới nửa năm nay nổi gió nồm,
 Một phương cầu dậy tiếng om om.
 Móc sương mới tưới dần từng lớp,
 Mây khói cũ tan mất cả chòm.
 Giảng đỉnh công bền tờ có thép,
 Chép lân nghĩa đượm bút làm nôm.
 Gió này thổi khắp cùng non nước,
 Lá bạc cảnh ngoan hẳn hẻo tom.

TRẦN VĂN-MÙI

LXIV

Gió nồm hây hây nửa năm thừa,
 Diu dặt bên giờ dậy tiếng tờ.
 Đưa tới móc mưa hồi giống mới,
 Thổi tan mây khói phá sầu xưa.
 Sợi tờ vạc Hán tên ghi sử,
 Ngọn bút kinh Lân nghĩa vị vua.
 Nước biếc non xanh dần thổi khắp,
 Những đâu ngoan bạc há không thừa?

Xương-hồ TRỊNH HỮU-VĂN

LXV

1

Gió mát năm nay gầy tiếng đàn,
 Li-minh một cõi đã vang ran.
 Móc mưa tốt mới bay đưa thắm,
 Mây bụi đơ xưa thổi quét tan.
 Giúp Hán công cao tờ vạc hệ,
 Tôn Chu nghĩa trọng sách lân san.
 Nước non đâu cũng qua dần khắp,
 Cách hóa không nùng kẻ bạc-ngoaan.

2

(Dịch theo văn bài Ngụ-chế)

Gầy khúc Nam-phong mới nửa chu,
 Tiếng đàn xang động một phương cầu.
 Thổi đem mưa móc vun tân hóa,
 Bay tản mù mây giải cựu sầu.
 Giúp vạc lấy tơ công ở Hán,
 Được lân vì chép nghĩa tôn Chu.
 Non xanh nước biếc phong dần khắp,
 Chẳng những ngoan-phu với bạc-phu.

Nguyễn An-phong huyện huấn-đạo
 TRỊNH HUY-GIẢN

LXVI

Giao khúc Nam-phong mới nửa niên,
 Tiếng đàn lai láng cõi nam-thiên.
 Khéo đem sương ngọt vun mầm tốt,
 Thổi hết mây che tắt lửa phiền.
 Vạc Hán tơ phò công chép đề,
 Lân Chu bút tỏ nghĩa ghi truyền.
 Gió dần đưa khắp miền non nước,
 Hóa hết ngu ngoan thói đại hèn.

TRƯƠNG MÔNG-LÂN

LXVII

Hây hây nam-phong mới nửa thu,
 Tiếng ca vang khắp Việt-Nam khu.
 Mầm mầm tươi tốt nhờ sương móc,
 Mây khói bay quang hết nẻo sầu.
 Công sánh tơ phò xưa vạc Hán,
 Nghĩa như bút chép thừa lân Chu.
 Gió dần nước biếc non xanh khắp,
 Hóa hết xa gần thói đại ngu.

TRƯƠNG VĂN-THỤ

LXVIII

Quạt khắp gió nồm mới nửa thu,
 Đất nam đàn hát thói nhà Ngụ.
 Vun nên tốt mới đầm sương móc,
 Phá hết sầu xưa sạch bụi mù.
 Giúp vạc tơ Nghiêm công ở Hán,
 Vì lân bút Khổng nghĩa còn Chu.
 Nước non xanh biếc gần quanh chuyền,
 Há những ngoan-phu với bạc-phu.

TRƯƠNG-HOÀNH

LXIX

Báo nửa năm giờ báo chữa lâu,
 Tiếng Nam phong dậy một phương cầu.
 Nhuần đưa sương lộ năm châu lại,
 Thổi sạch vân mai mấy độ sầu.
 Thanh giá sông Đồng tơ một sợi,
 Quyền hành sử Lỗ bút nghìn thu (1).
 Nước non gió khắp nghe rồi hóa,
 Không những người ngoan kẻ bạc đầu.

An-thái Vũ ĐỊNH-DƯƠNG

LXX

Ngon gió nồm đưa trái nửa sương,
 Tiếng đàn vang dậy cõi nam-phương.
 Móc mưa vun rắc mầm trời tốt,
 Mây khói bay tan nẻo cũ càng.
 Tơ vạc đầu nêu công giúp chúa,
 Bút lân lòng tỏ nghĩa tôn vương.
 Non xanh nước biếc dần đi khắp,
 Ngoan-bạc rồi ra cũng hóa lương.

Phượng-lâu Vũ DUY-PHIÊN

LXXI

Gió nam vừa nổi nửa năm tròn,
 Đàn hát tung bừng khắp nước non.
 Hóa mới móc sương bay thấm thía,
 Sầu xưa mây lối thổi tiêu mòn.
 Sợi tơ phò Hán danh nào mất,
 Ngon bút tôn Chu nghĩa vẫn còn.
 Nước biếc non xanh cơn gió quạt,
 Hết người ngoan-bạc hóa người khôn.

Sơn-tây Vũ TỊCH-CỔNG

LXXII

Gió mới quay nồm sáu tháng giông,
 Góc cầu nghe dậy khúc huân-phong.
 Móc nhuần thổi tốt vừa đem lại,
 Mây tản sầu xưa bông sạch không.
 Giàng đỉnh còn tơ vương dấu cũ,
 Than lân sẵn bút chống giới chung.
 Nước non hơi mát dần dần khắp,
 Chả những đầu đen tỉnh giấc nồng.

Ý-VIÊN

(1) Câu luận hoặc đối là thế này cũng được :

Câu cá tơ kia giàng đỉnh Hán,
 Cầm lân bút nọ gá quyền Chu.
 (Cước-chủ của người dịch)

TẬP - TRÒ

Mừng tuổi Nam - Phong

Ngày tháng thoi đưa, thấm-thoán mà tập *Nam-phong tạp-chi* ta đã đến hai năm rồi !

Người ta cứ qua mỗi năm lại mừng thêm một tuổi, tập báo ta đã qua một tuổi lên đến hai tuổi rồi, há ta chẳng nên mừng cho cái tuổi báo ta sao ? Nhưng mừng thời mừng thật, nào có nói « mừng » không mà trọn được đâu ! Ta mừng cho báo ta thêm tuổi thời ta cũng phải biết tuổi báo ta sao mà đáng mừng ? Ta mừng cho báo ta thêm năm thời ta cũng phải biết rằng năm báo ta thêm thời ta có cái vẻ-vang gì mà có ích gì đến ai không ? Vậy ta phải coi trước tính sau mà ta hãy mừng, mà ta mừng bao nhiêu ta lại thêm hi-vọng bấy nhiêu, hi-vọng bao nhiêu ta lại phải cùng tập báo gánh lấy trách-nhiệm nặng nề bấy nhiêu. Ấy vì tôi cầm tập báo *Nam-phong tạp-chi* thấy đã trọn năm thứ nhứt mà tôi nghĩ vẫn vơ như thế, mới nên lời mà giải tỏ với bà con.

Kể từ tháng này năm ngoài giờ về trước, hai chữ *Nam-phong* 南風 hãy còn chưa xuất-hiện thời mấy người nhớ lại khúc hát vua NGU THUẤN 虞舜, mà hằng nhắc ở trên miệng câu « phụ-tài » 阜財 « giải-ấn » 解慍 ; quốc-dân ta, bọn thiếu-niên ta, đâu đã hiểu thêm những danh-từ mới, học-thuật mới ở hoàn-cầu, và nghe luôn bên tai cái chủ-nghĩa hay mà lúc nào cũng biết thô-thẻ cùng nhau rằng : ta phải biết tôn quân-quyền, yêu mến Nhà nước Bảo-hộ, một niềm trông ơn quan Toàn-quyền SARRAUT đỡ đầu khai-hóa cho dân ta bước chân lên đường tiến-bộ, nay mai đủ được tư-cách có thể tự-trị tự-lập ở trong đời ưu-thắng liệt-bại này.

Từ tháng này năm ngoài mà đi hai chữ *Nam-phong* 南風 xuất hiện làm tên tập báo, quốc-dân ta ai nấy cũng ca-tụng đến khúc đàn xưa giờ lại giao lên, mà công-nhận cái chủ-nghĩa của tập báo, thấy cùng bản-quản cùng biểu-đồng-tình.

Hoa sen tàn, hoa cúc nở, đông lại sang xuân, mười hai tháng giờ nay, mười hai tập báo xen vào một tập tặng bạn tri-âm, xiết bao tâm-huyết, văn-chương : nào là những bài luận-thuyết về các việc chính-trị nhơn-nhạo thuộc về tiền-đồ tổ-quốc ta, học-thuật cao-dẳng cho quốc-dân ta về hiện-tại với tương-lai, vấn-đề kinh-tế thực-nghiệp của dân-chúng, nào là những bài triết-học, bài khoa-học, bài văn-học khảo-cứu thực là dụng-công, biên chép thực là kỹ-lượng, công-hiến vào học-giới chắc cũng dự một phần giúp giập cho bạn thanh niên : mà đũa bé lên bấy lên tám biết chữ quốc ngữ bây giờ cũng biết bập bẹ ngâm-nga câu từ-khúc mới, giọng thơ ca xưa : đến các quan lại trong chính-giới, các sĩ phu trong học-giới thấy đều cùng với tập *Nam-phong* khi câu tuyệt-cứ lúc khúc cảm-hoài, thực đã là vẻ vang cho báo-giới của ta lắm lắm.

Nào dám biết đâu rằng cổ nội hoa đồng có phen được dự miền đài-các mà lại được một cái hạnh-phúc lớn lao vô-hạn vô-biên là Quân-vương có lòng đoái-tới, gây dựng cho tập báo, kỳ-vọng lấy cái công tư Đồng vạc Hán, ngọn bút kinh Lân.

Ồ ! con người ta đem mình đứng ở giữa hai cái « thái-cực » thời lúc tưởng như mình là to, lúc thấy mình cực nhỏ. Bọn ta đã theo đòi cái chủ-nghĩa này đâu dám lấy mình làm to mà cho chủ

nghĩa làm nhỏ, chủ-nghĩa vẫn to mà cũng không dám bỏ mình là nhỏ, vì cái trách nhiệm quốc dân đã tin yêu, quốc-gia đã phó-thác, triều-dinh đã chúc-mong này, thời không thể cho là nhỏ mà phải biết rằng to. Hai vai gánh nặng, con đường thời xa, chị em ôi, từ tháng bảy năm nay mà đi, há ai dám đem hai chữ nghĩa-vụ mà xe thường xem khinh được sao ?

Bỉ-nhân tài hèn học dở, đức bạc, trí kém, nhờ được các bậc hiền nhân quân-tử quá yêu quá thương mà cho ghé vai vào cùng gánh vác lấy cái trách-nhiệm nhơn-nhạo danh-dự này, từ học-giới bước vào báo-giới, tự tháng chạp năm *dinh-tị* tới nay kể năm cũng được hai năm, trộm nghĩ đồ-quyên kêu hè, khách giang-hồ lã-chã hạt châu, tinh-vệ vận đá mà còn mong bề oan lấp được, thời dẫu cái thân vừa bầy sịch, tuổi lẻ đờ, tuần này, yếu đại đến đâu, sỏi vò đã tới phờng méo miệng, gắng lên thời cũng có thể làm đuôi trâu mà báo đáp được đồng bào cố-quốc chung muôn một ; bởi vậy cho nên thấy *Nam-phong tạp-chí* được lên hai mà mừng, chúc mong cho *Nam-phong tạp chí* cùng với sông Mê-công, sông Nhị-Hà, núi Tam-đảo, núi Tản-viên cùng thọ, để mà duy-trì lấy quốc-túy, bảo-tồn lấy phong-hóa, gây dựng cho con cháu nhà Hồng Lạc một nền học-thuật mới, đem khắc vào óc người Nam rằng chữ quốc-ngữ là chữ nước ta phải cần săn sóc tới ; rắc những cái hạt giống văn-minh của loài Lạp-dinh lên trên cái bãi bồi bằng bợt bề Thái-lĩnh dương là cõi Đông-dương này, cho vườn văn-minh Nam-Việt cũ được thêm sắc thêm hoa nên một nước văn-minh hoàn-toàn

trong thế-giới ; cỗ-dộng cho quốc-dân vững lòng theo cái chủ-nghĩa tôn-quân mà mong nhớ chốn Trường-An, kính-mến Hoàng-gia, tin yêu Hoàng-đế là người cầm cái quốc-hồn ta, đại-biêu cho quốc-dân ta ; gắn bó với đồng bào phải nên hết lòng thành-thực mà thờ phục nước Lãng-Sa làm ân sư lương-hữu ta, cùng nhau kết đoàn thể, chấn tinh-thần, ba kỳ thống-nhất lại như một nhà, hai mươi nhăm triệu người coi như ruột thịt, yêu mến lấy nước An nam là nước của tổ-tiên nhà, ngửa trông ơn Nhà nước Bảo-hộ khai-hoá cho, từ nay mà đi đã được quan Toàn Quyền SARRAUT hết lòng lấy nhân đạo mà đãi dân ta, đồng-tâm đồng-ý với đức Kim-Hoàng Khải-Định ta mở mang đất-dióu cho ta vào nơi cực-lạc, gây dựng cho ta muôn việc tốt lành, chắc có ngày dân ta tiến bộ được thời nhà nước Lãng-Sa cũng cho ta được cái hạnh phúc làm dân Phi-lật-Tân, chứ không phải lo rằng có cái vạ phải làm dân Phó-Lan-Nhà vậy

Ôi ! *Nam phong* là một tập giấy mỏng-mảnh có cái tài lực chi mà tính ra phải gánh vác nhiều như thế, biết bao giờ mới được như nguyên. Nghĩ mà giật mình ! lo cho hai chữ *Nam-phong* 南風 ra đời nặng-nhọc biết chừng nào ! Thôi « hữu-chí cánh thành », cỗ-nhân đã nới mà phong-giao nước ta cũng có câu « Em ơi chị dặn em này, có công mà sắt có ngày nên kim », thời rút lại *Nam-phong* đã nhờ được quốc-dân, quốc gia cùng Triều-dinh thời sống lâu chắc có lúc cũng lên được lão làng mà thôi. Vậy xin chúc cho :

Nam-phong vạn vạn tuế !

NGUYỄN MẠNH-BÔNG

TIÊU-THUYẾT

Truyện ông Lý-Chăm

(Hương-ình tiêu-thuyết)

Ai đi Hà-nội, sao chẳng đến thăm một cái làng nhỏ kia, ở bên hồ Tây, ngảnh lưng ra về sông Nhị, gọi là làng Nghi-tàm, mà hỏi truyện ông Lý-Chăm, hay ông Lý-Râu, vì sinh-thời ông có làm râu, cho nên người làng quen gọi. Tên họ ông là Nguyễn-hữu-Khang. Ông đã có công-đức thế nào, mà nay đã nên một đấng phúc-thần ở làng ấy.

Làng Nghi-tàm là một làng cổ-cựu ở hoàn-thành Thăng-long là chỗ cỏ để-đỏ, thiếu gì là khoa-hoạn, thiếu gì là anh-hào, mà công cả tiếng thom, nghìn thu hương hỏa, lại về một tay lý-dịch, còn những kẻ quyền cao thế mạnh, tưởng đã đỡ rục một phương giờ, nóng rẫy một khu đất, đến bây giờ cũng khói lạnh hương tàn, có khi tên họ cũng không còn ai nhắc đến nữa.

Thế mới biết chi-thành ấy là thần-thánh, thiên-ly vốn ở lòng người ; có hạnh-phúc cho xã-hội mới gọi là công-danh, có danh-tiếng để đời sau mới gọi là sự-nghiệp. Và biết cái cảm-tình của dân xứ ta hay trọng về đường báo-đáp ; thù ai một chút cũng mong trả, ân ai trăm năm cũng chưa quên. Cái cảm-tình ấy lại là một cái nguyên-chất để gây dựng nên dân-tộc, cổ-kết lấy nhau, bênh vực lấy nhau, dù sóng lớn núi mòn cũng không bao giờ biến đổi.

Câu truyện này là chép sự thực. Những người đồng thời với kẻ quan-hệ trong câu truyện này hãy còn có nhiều, đủ làm chứng là sự thực ; đây tôi kể được tường tận, là vì có người đã thuật lại cho tôi nghe.

Cứ theo trong điển-lệ, mỗi năm đến kỳ tháng chạp, tháng giêng và tháng

hai làng Nghi-tàm phải có tiến chim sâm-cầm mỗi kỳ là 2 đôi. — Xét sâm-cầm, mỏ sỏ, chân vịt, là một thứ chim ở nước. Người ta tương-truyền rằng chim ấy hay ăn sâm ở Trung-quốc, hay uống nước ở hồ Tây, thịt nó ăn bổ như sâm cho nên gọi là sâm-cầm, mỗi năm đến mùa đông, ở hồ Tây hay có. — Và việc tiến chim ấy mỗi năm đã làm tốn phí cho dân nhiều lắm.

Năm Tự-đức thứ 25, Lý-Chăm đang làm lý-trưởng. Tháng mười-một có tờ tỉnh sức cho làng đánh chim, bấy giờ làng họp tại đình mà bàn định : trừ 6 đôi chim chính tiến, còn phải chim lễ các quan, các thầy phần việc, có 50 con mới đủ ; giá rẻ cũng phải 100 quan tiền, vì năm nay hiếm chim, những nhà quen đánh giò lưới đều bắt bí mà bán cho thật đắt ; tiền trình tiền lệ các sở mỗi sở phải 50 quan ; tiền phụ-cấp cho lý-trưởng phải 50 quan ; cả thầy là 300 quan ; cứ chiếu số hương-ân mà bỏ rồi giao cho lý-trưởng nhận biện.

Lý-Chăm ra về, nói với người làng rằng : « Sáu con chim tiến mà tốn phí cho dân đến ba trăm quan tiền, một tang biết bao nhiều là ngoại, diên lệ đặt ra để tỏ ý tôn-quân thân-thượng, chớ không phải để sinh sự mà nhiễu dân. Chẳng qua, từ xưa, tại mấy người kỳ-dịch đã ngu lại tham, chỉ mong đục nước cho được béo cò, không nghĩ gì đến sự nặng nề về sau cho con cháu. Nay mình đã là người đàn anh trong một xã, cũng phải tính thế nào mà bảo-hộ lấy con em ; nếu thịt không còn thì lông bám vào đầu. Huống chi danh là thờ vua mà thực là hại dân, lại là một điều tội lỗi. »

Có người nói : « Thói tham-những bấy giờ như thiên-tai lưu-hành, đã truyền nhiễm khắp cả mọi nơi, không đâu là tránh cho khỏi. Vả dân chịu khổ mãi cũng đã quen, như người đau đã thành tật. Lập lệ thì dễ, phá lệ thì khó ; mình thương kẻ dưới, nào người trên có thương chi mình ; nếu cứ giữ đường thẳng mà đi, đã không xong việc cho làng, mà mình lại mang tiếng là điều là nganb. » Lại có người nói : « Làm nghề gì kiếm ăn nghề ấy, sế mẩm thì phải mút tay, của bách-gia-chi-sản là quyền-lợi của dân anh, thật kẻ yếu để cho kẻ khỏe ăn, cũng là cái lệ công trong thiên-diễn. Ông ra làm việc không có lẽ lấy của nhà mà bù ; miễn là mình không xâm phạm của dân thì thôi, lại còn giữ cả người ta sao được. »

Nghe nói biết là những người yếu-đuối hèn-dại, không trách mà dân-sự mỗi ngày một tồi tàn. Người đã không có lương-tâm, không có thể nói truyện công-ích. Ông Lý-Chăm nghĩ đi nghĩ lại, trong làng chỉ còn có ông Tông-Khải và ông Cựu-Thuyên, là người có kiến-thức, có can-đảm, sau lại tìm đến mà bàn. Ông Lý-Chăm nói : « Hai ông xem tình-cảnh làng ta, mười nhà thì chín nhà đói, làm ăn đã khó nhọc, đóng góp lại nặng nề, kẻ thì lưu-lạc mà đi bốn phương, kẻ thì trộm cắp mà phải tù rạc. Như việc nộp chim năm nay, quan trên đã không có lòng điều-tê, lại dưới còn lăm nhõa thì mê-nheo ; nếu không lo mà gỡ cho ra, thì con cháu mình biết đến bao giờ cất đầu lên cho nổi. Tôi là lý-trưởng, nghĩa phải nhận lấy trách-nhậm, hai ông phỏng có mưu kế gì mà giúp tôi chăng ? »

Tông-Khải nói : « Muốn tránh một sự thiệt-hại cho kẻ này, ắt phải có điều bất-lợi cho kẻ khác ; lợi hại cứ tranh nhau, sẽ sinh ra nhiều điều biến-cổ. Cho nên làm việc, trước phải suy xét tình-thế, tình nước trước sau, nếu theo máu nóng mà làm, chẳng những là vô công,

mà lại còn lăm điều nguy-hiểm nữa. Trước hết xin hỏi ông : Nhân sao mà làng không gửi thẳng chim vào tiến, còn phải nộp chim cho tỉnh-quan để phiên phí ? — Vi tỉnh-quan mới có quyền phát trạm mà đệ công-văn công-hóa. — Trong một tỉnh việc phát trạm về ai ? — Về quyền quan Án-sát. — Vậy ông có biết quan Án-sát tỉnh ta là người thế nào không ? — Nghe nói là người nghiêm-nhặt, về việc văn-án lại càng thâm hơn. — Ấy đó là điều ta phải chú ý, vì quan dữ thì dân không dám gần, dân ngu thì lại dễ hống-bách ; nay dân đã ngu quan lại dữ, phép nào những tay gian-những lại không thừa thế mà độc dân. Nay chỉ có một cách này là cách đề-chế, là giữ phép luật mà gan chịu đòn. »

Ông Lý-Chăm nói : « Nếu việc có lợi cho làng và cho con cháu mình về sau, thì tính-mệnh tôi cũng không từ, hưởng chi là đòn vọt. Nay tôi đã nghĩ có một phương-pháp thật có thể-lực, chỉ thiếu chưa có người làm. Phương-pháp này có quyền-thuật, có cơ-quan, nghĩa là mình có chịu rấn vào đấm chông gai, thì mới cứu được người ta ra nước lửa. Hai ông có chịu lời giúp tôi, thì tôi sẽ nói. »

Hai ông kia nói : « Hễ trọng-phú thấy nghĩa thì làm ; hưởng chi việc cũng là việc ích-lợi chung, chúng tôi có phải là phường tranh thịt tranh xôi đâu mà ông sợ. Phương-pháp ông thế nào, ông cứ nói. »

Ông Lý-Chăm nói : « Đức Kim-Thượng thật là đứng thánh-minh, xem những lời chỉ-dụ khuyên bảo thần-công, thì tấm lòng chu-tuất lễ-dân thực như gùi che đất chở. Nếu tình u-ẩn của dân ta có thể lọt đến tai gùi, thì cái gánh nặng trăm năm có lẽ một ngày cất khỏi. » Nói rồi ghé tai hai ông mà nói : « Như thế . . . như thế . . . ». Hai ông nghe nói cứ gật đầu tặc lưỡi, rồi đưa nhau đến trước cửa đình mà

phát-thệ với nhau rằng : « Phải tay tham bạo, bác tước con em ; nếu để dân tàn, Thần sao an số, chúng tôi kỳ-dịch, nghĩa phải giúp dân. đã quyết một lòng, Thần mình chứng giám. »

Ngày 25 tháng mười-một năm ấy lý-dịch đem chim lên lính mà nộp. Trước hết làm đơn bằ-m-nạp vào trình quan Tổng-đốc. Tiền trình tiền lệ nộp đã đủ rồi, quan phê hai chữ : *Kiểm thu*. Phần việc khám chim rồi, cũng cho chữ : *Thừa khám mau vũ tề bị*, nghĩa là khám chim đủ lông đủ cánh. Rồi sang trình bên quan Bố. Trình lệ cũng đủ như bên quan Thượng. Quan phê rồi, phần việc lại cho chữ : *Thừa khám cơ nhục tiền phi*, nghĩa là khám chim đều được béo tốt. Hôm sau sang trình bên tiết, là nơi sẽ nhận chim mà phát tiền. Lý-dịch vào phòng ; sở trình quan kinh-lịch trước. Quan kinh bắt nộp tiền cho đủ, rồi mới cho lên hầu quan.

Lý-Chấm ra khỏi phòng sở, đi thẳng lên công-đường. Tổng-Khải, Cựu-Thuyền mang lồng chim đi theo sau. Lính sở hầu trông thấy vừa thét : « Lui ra », thì Lý-Chấm đã đến trước mặt quan Án ; tay đưa tờ bằ-m miệng nói : « Chúng tôi là dân Nghi-tâm đem chim tiến vào nộp ». Bấy giờ ông Lý mặt càng đỏ, mắt càng tròn, bộ râu sẫm cứng thẳng lên như cái chổi thép. Quan Án, thấy bộ đường-dột, ngảnh lại mà hỏi : « Ai là phần việc ? Dân Nghi-tâm nộp chim có đúng lệ không ? » Nghe có người thưa : « Tiền lệ chưa có, và chim năm nay cũng xấu. » Quan Án nổi cơn lôi-đình lên mà quát rằng : « Chim xấu, tao chặt cổ bay đi. Lính đâu, sao cho dân vào đó ? »

Lý-Chấm liền đưa đơn bằ-m cho Tổng-Khải, đưa mắt cho lui ra. Minh cầm lấy lồng chim, mà giằng co với tên lính.

Bỗng thấy chim trong lồng vừa kêu vừa rẫy, lồng rụng ra rơi. Lý-Chấm la lối mà kêu lên rằng : « Chim của

chúng tôi tốt, hiện có chữ quan làm bằng, vì không tiền ngoại-lệ mà bẻ chân của chim chúng tôi ; của tiến vua là của trọng-hệ, tôi xin chết theo chim ; ai đã làm sự khi-quân thì người ấy sẽ chịu tội. » Nói rồi gieo đầu xuống thêm đá, nằm vật xuống đất. máu người chan chứa lẫn với máu chim. Quan-lại đông mặt cung-đường trông thấy đều lối làm con mắt

Dưới trại lính còn đang hoảng-hốt, nghĩ là giặc, cứ đánh trống ngũ-liên. Quan Thượng, quan Bố nghe tin cũng sang ngay hội-đồng ; trước sai điều-hộ cấp cứu cho đứ-a bị thương, tạm tống giam trong khám, rồi sức bắt dân Nghi-tâm lên mà hỏi.

Sau có người mách : ấy là cái mưu Lý-Chấm đập đầu gieo va, để cho bọn Tổng-Khải chạy thẳng về bộ, đánh trống đảng-văn mà qui. Quan Thượng nghe nói, ngâm nghĩ giờ lâu, rồi bảo quan Bố rằng : « Việc nhỏ này có lẽ thành ra việc lớn ; vì đức Hoàng-Thượng vốn đã tin rằng quay-lại hay ngược đãi lương-dân. Nếu việc này không điều-đinh cho xong, để động đến tai vua, giao cho đình-ngự, thì các quan đồng-thành thế nào cũng phải xử phân. Chi bằng ta cứ lấy sự thực mà tấu ; hãy xin đình tiến chim kỳ này, còn cái án kết nghĩ ra làm sao, nhờ lượng trên tài quyết. »

Nói như thế liền làm như thế. Nhất-diện tạm tha cho Lý-Chấm ra ngoài mà phục dục, và cắt người đỡ bảo cứ cơm ăn thuốc uống, để các quan hội-đồng mà chạy sở cho. Nhất-diện cho người rước theo bọn Tổng-Khải vừa đến Nghệ-an thì gặp, có thủ-thư quan Thượng nhận đem tường-tình mà tập-tấu cho dân, lý-dịch cứ về ở làng mà chờ chỉ.

Từ ngày tỉnh-quan phát sở về bộ, cả làng còn lo-đem lo-ngày, chẳng những nguy cho tinh-mệnh mấy người

đàn anh, còn sợ dân làng lại thêm tai-họa nữa.

Đến tháng hai năm sau, là năm Tự-đức thứ 26 vừa có chỉ bộ ra, vâng lời Châu-diêm rằng: « Trẫm thấy chim sâm-cầm không ngon gì là mấy, mà tinh-thần sinh sự nhiều dân, tình thực đáng trách. Nghĩ viên Niết-thần tỉnh ấy giáng hai cấp, điệu đi tỉnh khác, và từ nay về sau, chuẩn cho làng Nghi-tâm không phải tiến sâm-cầm nữa. Khâm thủ!»

Khi lục-chỉ về đến làng, nào già, nào trẻ, nào gái, nào trai, đều mừng rỡ reo hò; thiết hương-án ra tại đình mà lạy tạ ơn vua; rồi thiên-nhân-tán vạn-nhân-y, kéo nhau lên tỉnh mà tạ quan và rước lấy ông Lý-Chấm về làng mà mừng rỡ. Bấy giờ kẻ chào người chuyện,

kẻ vãi người hôn, kẻ nắm áo người ôm đầu, cũng có kẻ vừa cười vừa lau nước mắt. Ông Lý-Chấm ứng tiếp không xuể, tưởng hôm nào gieo đầu thêm đá hãy mơ hồ như giấc chiêm bao.

Vẻ-vang thay! ông Lý-Chấm! hào-khiet thay! ông Lý-Chấm! ý-khi mạnh hơn oai-quyền, mưu cao đã nên công lớn; hương khói dễ nghìn thu, thơm tho trong một xứ; thế mới đáng sống ở làng, thế mới gọi sang ở nước. Nào những kẻ ăn lận con em, ý quyền cha chú, lại hay công răn cấm gà, lại hay bói bèo ra bộ, thế cũng gọi là hào, thế cũng gọi là mục, sao chẳng đến Nghi-tâm mà hỏi thăm ông Lý-Chấm?

NGUYỄN BÁ-HỌC *kinh-lThuật*.

Bộ Tiêu-thuyết « Cái gậy song » còn nhiều lắm, bản-chỉ định khi nào dịch xong sẽ in thành sách, làm phụ-trương không đáng báo nữa, vì trong báo còn nhiều bài khác, mỗi lần chỉ đăng được một ít tiêu-thuyết, thành ra vụn vặt mất truyện đi, đọc mất cả ý-nghĩa. Vậy từ nay mục « Tiêu-thuyết » này chỉ để đăng những bài đoản-thiên, ngắn-ngắn, độ một kỳ hay là hai kỳ là hết mà thôi.

Aujourd'hui pour les peuples comme pour les hommes, il n'est que le travail, un travail assidu, constant, pénible et rude, qui donne la suprématie, qui préserve de la déchéance... Nous détestons le travail vif. Nous louons la paresse méticuleuse. Ce seront les causes de notre mort...

PAUL ADAM

Ngày nay làm dân cũng vậy, mà làm người cũng vậy, phải lao-động, phải cố-công cùng-sức, khổ-sở nhọc-nhần, mới được phần hơn, mới khỏi truy-lạc... Ta thời ta lại ghét sự lao-động hăng-hái, mà ta thích cái lười biếng cũ-dù. Có ngày ta chết cũng vì đó.

THỜI-ĐÀM

VIỆC THẾ-GIỚI

Một bài diễn-thuyết của Tổng-thống Uy-nhĩ-đôn (WILSON) nước Mĩ.

Nhân lễ kỷ-niệm ngày nước Mĩ nhập-cuộc với Đông-minh, và nhân dịp mở cuộc Quốc-trái lần thứ ba ở nước Mĩ, Tổng-thống Uy-nhĩ-đôn có đọc một bài đại-diễn-thuyết ngày mồng 6 tháng 4 mới rồi, giải-thích rõ ràng cái mục-đích và cái phương-kế chiến-tranh của nước Mĩ Xin lược-dịch đại-ý bài diễn-thuyết ấy như sau này.

Tổng-thống nói : « Hôm nay là kỷ-niệm cái ngày ta tuốt gươm vào quyết-chiến với nước Đức. Ta đánh là để giữ cái quyền sinh-tồn của ta, giữ cái quyền tự-do của ta. Khắp trong nước quốc-dân đương tận-tụy về sự chiến-tranh. Không cần phải cõ-động, ai cũng biết cái nghĩa-vụ phải làm. Ai cũng biết sự chiến-tranh (đơn-hại cho ta là chừng nào : tài-sản, sinh-mệnh của quốc-dân ta, phạm quốc-dân có cái gì là có thể đem ra cống-biến cho ước được, khi nào cần đến cũng vui lòng mà đem ra vậy. Cho nên tôi diễn-thuyết đây không phải là cõ-động về việc quốc-trái. Tôi diễn-thuyết đây chỉ để giải cho các ông biết rõ cái lẽ thâm-thiết của sự chiến-tranh này. Vì cơ gì mà ta chiến-tranh, bởi làm sao mà ta phải chiến-tranh cho đến cùng, cùng những việc gì là việc quan-hệ đến cuộc thắng-phụ sau này, đó là những điều mà hiện nay đã xuất-hiện ra rõ-ràng hơn từ trước đến giờ. Ngày nay người Mĩ có thể chắc rằng sự chiến-tranh này là phận-sự mình phải làm, nếu mà đánh thua thì cái địa-vị, cái danh-dự của nước mình trong thế-giới sẽ có cơ nguy-vong vậy. »

Tổng-thống lại tỏ cho quốc-dân Mĩ biết rằng từ khi chiến-tranh đến giờ, Tổng-thống vẫn lấy lòng công-bình mà xét cái mục-đích của nước Đức. Tổng-thống nói :

« Đối với những việc lớn lao, quan-trọng cho vận-mệnh cả nhân-loại như việc chiến-tranh này, phạm xét đoán phải cố giữ lấy bình-tĩnh, không nên tỏ ra những lời ố-ky, không nên nói những giọng độc-ác.

« Tôi bèn cố hỏi xem cái mục-đích của nước Đức trong sự chiến-tranh này là thế nào, muốn biết ý-kiến những người đại-biên nước ấy về cái mục-đích ấy thế nào ; tôi đối với họ một lòng thành-thực, mong họ đối với mình cũng đòng thành thực như thế

« Tôi trình bày cho họ biết cái chủ-nghĩa, cái mục-đích của nước Mĩ ta thế nào, tôi xin họ cũng trình bày cho ta biết cái chủ-nghĩa, cái mục-đích của nước họ làm sao.

« Họ trả lời như thế này, thực là biết rõ cái già-tâm của họ. Họ nhận rằng cái mục-đích của họ không phải là vị công-lý, chỉ muốn thắng-đoạt các nước khác, phá đổ mọi sự gông-trở, để mưu sự ích-lợi riêng cho một nước họ mà thôi.

« Lời đó không phải là các nhà chính-trị Đức nói, nhưng xướng ra từ các bậc võ-tướng nước Đức, những bậc ấy ngày nay thực làm chủ cả nước Đức vậy.

« Xem cái cách người Đức làm ở đất Nga, đất Phần-lăng (Finlande), đất U-khắc-lan (Ukraine), đất Lô-mã-ni (Roumanie), thì đủ biết cái mưu của họ ở mặt Tây, nhưng may sao ở mặt Tây quân Đông-minh vẫn đứng vững, quân Đức hết sức đánh không sao chuyển được.

« Đến khi nào đánh mãi không nổi mà phải chịu thua, thì bấy giờ dù trong sự giảng-hòa đối với nước Bỉ, nước Pháp, nước Ý, mọi điều được ổn-thỏa cả, ta cũng chưa thể tận-tín cái lòng thành-thực của người Đức được, vì người Đức điều-dinh mặt này chỉ cốt cho được rộng chân ở mặt kia, tức là mặt Nga và mặt Á-đông ; vậy ta hoài-nghi như thế, nước Đức tưởng cũng không nên trách ta vậy.

« Vì cái mục-đích nước Đức chỉ muốn kiểm-tính cả các dân Ti-lạp-phu (Slaves) ở bán-đảo Ban-căng (Balkans) và ở các thuộc-địa nước Thổ-nhĩ-kỳ.

« Lấy võ-lực mà dựng thành một cái đế-quốc rất lớn để đối lại cả Âu châu, cả Mĩ-châu, ấy cái chủ-nghĩa nước Đức là thế.

« Đối với cái già-tàn người Đức như thế, thì người Mĩ ta phải xử-trị thế nào ?

« Về phần riêng tôi thì dù ngay bây giờ tôi cũng sẵn lòng bàn bạc sự giải-hòa một cách công-bình chính-trực, nhưng cốt nhất là sự hòa ấy phải thành-thực mới được, và đã giảng-hòa thì dù nước lớn nước nhỏ đều phải dãi bằng-đẳng nhau mới được. Nhưng khi tôi khởi-xướng ra sự giải-hòa như thế thì các tướng Đức trả lời ngay, mà sự trả lời ấy thực đã khiến cho tôi rõ tỏ cái âm-mưu của nước Đức vậy.

« Nước Đức đã khêu chiến, tôi xin nhận ra đối-chiến, vì tôi biết rằng cả quốc-dân ta đều đồng-tinh với tôi vậy.

« Cả thế-giới biết rằng quốc-dân ta quyết một lòng ra đối-chiến. Nước Đức đã nói: Chỉ có cái võ-lực mới giải quyết được việc thiên-hạ, chỉ dùng đến võ-lực mới biết rằng cường-quyền đoạt công-lý hay là công-lý đoạt cường-quyền.

« Nước Đức đã thách ta thế, ta chỉ có một cách mà đối lại thôi: là dùng hết cái võ-lực, dùng cho đến vô-cùng cho đến cực-điểm, để làm cho công-lý thất-g-đoạt được cường-quyền và từ nay làm phép-ắc chung cho thế-giới. »

Đồng-minh đại-thắng. — Ngày 15 tháng 7 quân Đức lại khởi đánh công-thế ở mặt Tây. Quân Đồng-minh đã dự biết trước, đánh

phản-kích lại rất dữ, quân Đức thua to. Đồng-minh trận này được là phần nhiều bởi quân Pháp và quân Mĩ hiệp-lực nhau cùng tiến cùng đánh, quan Thống-tướng Foch cầm quyền chỉ-huy. Quân Mĩ từ khi nhập cuộc mới đánh những trận nhỏ, tuy lần nào cũng đắc-lợi mà chưa rõ cái giá-trị. Trận này mới thực là trận to nhất của quân Mĩ, mà cũng lại là một trận đại-thắng cho Đồng-minh. Ấy là hiện nay quân-đội nước Mĩ mới gọi là tiem-thành, sau này mỗi ngày một nhiều, mỗi ngày một mạnh thêm ra, tất có một phần to trong cuộc toàn-thắng nay mai. Mới đánh có trong mấy ngày (từ ngày 15 đến ngày 20 tháng 7) mà quân Đức đã mất 40 vạn chiến-tù, 4 vạn đại-bác. Chính mình khởi đánh công-thế mà hại đến thế thì đủ biết không những là cái công-thế ấy đã hỏng, mà lại là một sự thua to. Quân Đồng-minh thừa thế đánh dần lên có thể giải-quyết được cuộc chiến-tranh này trong một kỳ-hạn không xa vậy. Cuộc chiến-tranh đến tháng 8 này vừa được bốn năm tròn: ghé thay ! Nghĩ trong 48 tháng, 1500 ngày ấy, không có một ngày nào, một đêm nào, một giờ nào, một phút nào là không đánh nhau, là không đạn rơi máu chảy trong một góc địa-cầu, mà rừng mình, mà khiếp sợ, cầu Giời khấn Phật cho cái ác-mộng ấy chóng tan đi, cho thiên-hạ lại được thái-bình !

VIỆC TRONG NƯỚC

Báo tây bàn về lời Thánh-dụ cho dân Bắc-kỳ. — Kỳ trước bản-chí có đăng Thánh-dụ cho quan dân xứ Bắc-kỳ sau khi Ngự-giá hồi-loan. Trong báo « Hải-phòng tiếp-báo tân-văn » (*Courrier d'Haiphong*) số 7167 ngày mồng 10 tháng bảy tây này có một bài bàn về lời Thánh-dụ ấy, ngợi khen Hoàng-Thượng ta và nói rằng ngài đã hiểu thấu cái công-lao khai-hóa của Nhà-nước Bảo-hộ, thời cái giầy thân-ái Pháp-Việt chắc bền lâu ; nay xin lược lại dưới này để quốc-dân biết lòng người Pháp kính-phục Kim-thượng ta là nhường nào. Báo Hải-phòng nói rằng :

« Khi đức Đại-Nam Khải-Định Hoàng-đế ở Bắc-kỳ giá-ngự hồi-loan có giảng xuống cho dân Nam-Việt một tờ Châu-dụ, tỏ ra rằng Ngài đã rõ cái công-nghiệp lớn-lao của nước Pháp cũng sự tiến-bộ đã thành-hiệu cho dân-chúng Bắc-kỳ.

« Trong tờ dụ Ngài có nói rằng :

« Ta thấy tỉnh thành thịnh-vượng, thôn-xã « an-trù, thương-nghiệp phát-đạt cực thịnh, « biên-cảnh phòng-bị cực nghiêm, các học-« đường sĩ-lữ đông đúc, các chốn yếu-hiêm « được bình-yên vô-dạng, vân vân. »

« Trong mấy dòng châu-dụ ấy thực đã kể được hết những điều cốt yếu của Chính-phủ Bảo-hộ đã làm nên cho dân xứ Bắc, mà trong các điều ấy thời cái ơn làm cho dân được yên-ôn là điều thứ nhất.

« Xứ Bắc-kỳ là một nơi biên-trấn của nước Việt-Nam, ai cũng biết xưa kia vẫn loạn lạc mãi ở mạn Thương-du và Trung-du thời bị những quân giặc Tàu nó ăn-nấp mà cướp bóc phá-phách dân gian, làm cho người dân phải bỏ xứ mà lánh đi. Những sự phá-hại ấy tuy ngày nay cũng còn chưa sửa sang được hết, nhưng trong xứ đã được bình-yên, và nhân dân nhờ được yên-ôn dần-dà lại kéo về ở những nơi đã bỏ hoang từ ngày trước, vẫn phó mặc cho

mấy lũ Thổ-mán, tha hồ mà phá rừng rẫy núi, làm hại mất bao nhiêu của cải thiên-nhiên để tam sinh-hoạt cho qua ngày. Ở dưới Hạ-dụ thời trước giặc giã khổ hại bao nhiêu, nay đã đều yên-đn cả; cái số dân can án mắc tội đem so sánh với các nước Âu-châu kể cũng không lấy gì làm cao lắm Phải khó nhọc thế nào mới được an-lạc như thế, tưởng ai cũng đã biết vậy. Cái máu nhà quân ta đã chảy ra khắp trên miếng đất này tự ba mươi năm giờ nay, ngoài biên thời chống chọi với giặc Tàu, trong cõi thời tiêu-trừ những quân phản-ngịch, quân phản-ngịch ấy nhiều người xét nhằm vẫn còn cho là những bậc ái-quốc. Giặc Đê-Thám là to nhất thời đã liệt nọc rồi, không còn khi nào tái-khởi được nữa. Khi Hoàng-đế Ngải tuần-du ở Lạng-son thời cũng đã biết rằng Chính-phủ đã dùng hết cách phòng-bị để gìn giữ sự ngoại-xâm, mà trong nước thời cũng đã bố-tri đủ thế-lực mà cấm-áp mỗi nội-loạn.

« Sự yên-đn là điều cốt-yếu trong cơ thịnh-vượng; ấy nhờ sự yên-đn ấy mà phổ-phương phần-phủ, thôn-xã ân-trù, như lời thưng-dụ đã nói đó vậy. Có yên đn thì đường kinh-tế mới phát đạt được như thế, nhân dân được hưởng lợi vô cùng, vì của cải mỗi ngày một tăng tiến mãi lên thì sự an-lạc cũng mỗi ngày một vững bền thêm lên vậy. Cái sự làm cho xứ Bắc-kỳ nên giàu có ấy thời những con số mà quan Thống-sứ SAINT CHAFFRAY đã đọc ở dưới chân tượng quan cố Toàn-quyền PAUL BERT cũng đủ làm một cái sắc-chứng vậy. Nhờ có liên của dự-đự như thế mới khởi hành được các công việc ích-lợi cho xã-hội. Chắc rằng những việc khai-hóa ấy còn nhiều lắm. Nhưng cái quá-khứ và cái hiện-tại cũng đủ làm đảm-chứng cho cái tương-lai, và công-nghiệp đã khởi-hành sau này không sợ phải bỏ vậy.

« Bởi cái tinh-thế tự-nhiên mà Bắc-kỳ có tiến-bộ hơn Trung-kỳ. Cái tinh-thế về chính-trị, về địa-lý của xứ Bắc-kỳ đã khiến cho cái công khai-hóa của nước Pháp ở xứ Bắc được kết-quả nhanh hơn; vả lại nước Pháp cũng cần phải chia công việc mà làm dần dần, không thể làm cả một lúc được. Khai-hóa cho một cõi lớn như đất Đông-dương này cần phải nhiều phương-pháp công-phu, không thể đồng-thời thi-thố cả khắp mọi nơi được, vì nếu vội vàng quá thì thành ra hỗn-độn, làm hết thấy mà không việc gì xong bản, khi xưa nhằm hồng nhiều cũng là vì thế. Tuy nước Pháp không phải là không chú-ý đến xứ Trung-kỳ, mà cái dụng-lực để cả vào Nam Bắc trở 19-kỳ, cho nên hai xứ ấy đã tiến-bộ được nhiều, thực là hiển-nhiên ai cũng biết

vậy Hoàng-thượng Ngải cũng chứng-nhận cho cái công-quả ấy, và ngài cũng biết rằng được như thế là nhờ nước Đại-Pháp, mang công mang của mà giúp nên. Vì đó mà Ngài hiểu rằng cần phải làm cho cái mối Pháp-Việt-hợp-đồng ngày một liên-lạc chặt thêm, Ngài mới đem điều ấy khuyên nhủ quan dân Ngải, muốn làm cho tất cả bụng ta riêng của làm kẻ quyền-thần; đó là một cái chứng rằng Ngài có cái hi-vọng đất dần Nam-Việt vào con đường tiến-hóa vậy. Có người nói rằng vua Khải-dịnh đã ở dưới quyền Bao-hộ nước Đại-Pháp, thời thế-tất phải khuyên nhủ dân trung-thành với nước Đại-Pháp, không thể nói khác được. Sự đó đã cố-nhiên rồi. Song Hoàng-thượng có thể tự-do muốn nói hay không nói cũng được. Hoàng-thượng đã nói tất là nói lời thành-thực, và nếu cái gương ở Đông-dương này không đủ cho Ngài quan-sát thời há Ngài lại không lấy cái gương các nước láng-giềng nước Nam mà quan-sát được sao?

« Nước Nhật-bản được phát-đạt lạ thường như thế cũng nhờ có cái hiệp-lực của các nước Âu-châu. Đầu đời Minh-thị, hồi nước Nhật-bản mới duy-tân, ai cũng biết rằng người Pháp đã giúp một phần vào đấy. Nước Xiêm-la cũng theo gương ấy mà đã dựng ở trong triều các người Âu-châu làm cố-vấn-quan, trong số người Âu ấy, phần nhiều thời người Pháp. Nước Tàu cũng thế, đã bỏ cái chủ-nghĩa bài-ngoại đi mà cũng bước vào con đường ấy.

« Vậy ta có thể chắc rằng cái lò châu-dụ của Đại-Nam Hoàng-đế giáng xuống cho quan dân mà ta được đọc đó, là tự-ý riêng Ngài thành-thực mà làm vậy.

« Ngài đã hiểu rằng người Pháp người Nam đồng tâm hiệp lực với nhau, thì ích-lợi cho nước Nam là nhường nào. không những ích-lợi cho cả nước, mà ích-lợi cho riêng từng người dân nữa, nên ngài nhân dịp này tuyên cáo cho ai nấy đều biết rằng cái giây liên-lạc nó buộc người Pháp với người Nam là bền-chặt vô-cùng vậy. Ngài biết rằng cái lòng trung-thành với nước Đại-Pháp tức là sự lợi-ích cho nước Đại-Nam. Thực là một cái chứng cho cái trị-thuật thánh-minh của ngài vậy. »

Quan nguyên phó Toàn-quyền Van Vollenhoven tử trận. — Mọi có điện Paris báo tin rằng quan nguyên phó Toàn-quyền VAN VOLLENHOVEN đi tòng chinh làm chức đại-úy (*capitaine*) đã tử trận ngày 19 tháng 7 mới rồi. Thực là một cái tang chung cho cả xứ Đông-dương này vậy. Bản-chí đã sắp in xong, xin kỳ sau sẽ kể tường về lịch-sử cùng sự-nghiệp quan VAN VOLLENHOVEN.

DỰ - LUẬN - CHUNG

Bản-chỉ đặt riêng ra mục này để xem trong các báo bài nào có ý-kiến hay giúp được dự-luận, thì lược-dịch mà đăng vào. Hoặc những bài lai-cáo nhận được cũng đăng vào đây. Mục này là mục ngôn-luận công-đồng, bản-chỉ không giữ trách-nhiệm.

Bản về sự học chữ nho. — Dịch trong báo *Tribune indigène* :

« Báo *Opinion* ở Sài-gòn nhân bộ « Học-chính-tổng-qui » mới ban-hành độ tháng năm trước, có đăng hai bài phản-đối về sự Nhà-nước lại cho học chữ nho ở các trường Pháp-Việt. Chúng tôi tiếc không đồng-ý với bạn đồng-nghiệp (tức là báo *Opinion*) về cái vấn-đề ấy, và xin nói rằng sự học chữ nho ngày nay lại được khởi-phục như thế, thật là phần nhiều người đồng-bào chúng tôi đều lấy làm thỏa lòng vậy. Về phần riêng chúng tôi, tuy không phải là nhất-thiết khen cả ông quan nào biên-tập bộ Tổng-qui ấy, nhưng thiết-trưởng ông quan ấy đã đặt cho chữ nho một cái địa-vị *vừa phải* trong chương-trình các trường học, thực là làm một điều rất thích-dáng vậy.

« Bốn mươi năm trước, ở các nơi thôn-xã chúng tôi, chỉ thuần học một chữ nho mà thôi, vì chữ nho là vừa học chữ, học viết, mà lại vừa gồm cả luân-lý nữa. Cái giáo-dục của các bậc cha chú chúng tôi thời bấy giờ như đắm-thấu trong luân-lý, đến khi lên đến bậc học cao-đẳng mới bắt đầu học lịch-sử, học toán-pháp, mà thường khi ấy là đã bỏ nhà trường và đã học trọn các sách thánh-hiền rồi. Rồi đến sau nhân người Pháp sang chinh-phục đất này, nho-học phải thoắt, bọn thiếu-niên so nhau vào học cả trường tây, chỉ có cái mục-dịch câu-lời là học để vào làm việc Nhà-nước. Bởi đó mà sự học chữ nho chẳng bao lâu bỏ dần, rồi bãi hẳn. Bỏ thế không phải là một sự hay, vì cái luân lý của nho-học mất đi thì cái luân-lý của tây-học thay vào, không phải rằng luân-lý tây có kém gì luân-lý ta đâu, luân lý ở đâu chẳng qua cũng là một mà thôi, nhưng cái hình-thức của luân-lý tây không hợp với tính-tình người An-nam. Xem như học trò ta ngày nay cái gì cũng thiếp-liệp cả : nào là lý-học, nào là hóa-học, nào là thiên-văn địa-lý, mặt giăng, mặt giới, thủy tinh,

hỏa-tính chạy ngược chạy xuôi trên giới thể nào cũng biết; nào là triết-học ông Khang-đức (KANF), ông Biên-tâm (BENTHAM), đều cũng thông tỏ. Nhưng đến cái đạo xử thế, đến cái nghĩa cương-thường, đến những phép-tắc về luân-thường đạo-lý của các thánh-hiền đời xưa để lại để giáo-hóa lòng người, thì không còn nữa. Vì tôi chắc rằng cái luân-lý tây dạy bằng chữ tây cho người An-nam tuy không phải là không hay, không phải là không ích-lợi, nhưng cái công-hiệu, cái sức giáo-hóa tất kém là bởi không hợp cái tính-tình riêng người An-nam vậy. Thành ra làm-thời vẫn phải viện cái luân-lý của đạo nho ra mà cư-xử, mà cái luân-lý ấy thì mang-nhiên không biết một chữ nào !

« Những ông lão-nho trong nước chúng tôi thâm-tin rằng trong những cái hình vẽ bằng bút lông kia có một cái nền giáo-hóa cở rất hay ở đấy; cái nền giáo-hóa ấy có lẽ không lợi cho sự mở-mang trí-thức lắm, nhưng thực là giúp cho sự đào-luyện tính-cách nhiều. Ngày nay ai cũng công-nhận rằng bọn thiếu-niên ta có phần hư hơn ngày xưa, trong phong-tục ta có điều suy-bại, trong gia-đình ta có phần đồ-nát. Phàm người An-nam biết suy-nghĩ đều cho cái tình-trạng ấy là bởi sự bỏ nho-học sớm, nên thường khuyên những bọn thiếu-niên mới ra giao-tiếp với đời, khi đã học chữ tây rồi, nên quay về nho-học thì sự học ngộ-hầu mới hoan-toàn. Nói thế, xin các bạn đọc báo chớ vội kêu là thủ cựu, là hủ-lậu : mình sinh-trưởng là người An-nam, phải biết rằng trong cái văn-minh nho cũ của mình có phần đáng quý đáng trọng mà muốn có bảo-tồn lấy, trông cũng là một lẽ thường, một sự chính-đáng vậy. Mình phải mong cho cái văn-minh cũ ấy điều-hòa được với cái văn-minh mới của Thái-Tây, thành ra một cái văn-minh riêng của mình, vừa gồm được cái hay của hai bên và vừa giữ được cái bản-sắc của mình, chẳng hơn là cứ bắt chước người mà không thành, bắt-chước một cách thô-bỉ ru ?

« Học chữ nho lại còn một sự ích-lợi rất to nữa là giúp cho cái quốc-văn minh thành được, quốc-văn minh vốn nghèo chữ, phải mượn chữ nho mới đủ dùng; cứ xem ngày nay tiếng quốc-ngữ phải thâm-nhập những tiếng ngoài đọc ra tiếng ta lằng lổ khó-nghe quá, thì đủ biết. Hiện những người làm văn quốc-ngữ hay chính là những người đã thông chữ nho, đã từng rúi mài kinh-sử vậy. Không những thế, dù chỉ dùng toàn tiếng nôm mà thôi, đến khi phải diễn những tình-tứ cao-nhã trong lòng, những tư-tưởng huyền-diệu trong trí, thì mượn đến chữ nho không xong, vì không có chữ nho thì thành ra giọng nôm-na mách-quẻ, không gọi là văn-chương được.

« Chúng tôi cũng biết rằng vì cái luân-lý đạo Khổng hay mà phải dăm đầu vào học một cái văn-tự ph-ên-toại như chữ nho, thì cũng bực mình thật. Nhưng ta nên mong rồi có ngày sẽ có một hội-đồng những người chuyên-trị Hán-học hợp nhau lại mà đem dịch những sách hay của Tàu ra quốc-ngữ; trước khi ấy hãy cho dạy chữ nho ở các trường cũng là một sự hay vậy. Sách *Tam tự-kinh*, sách *Ấu-học*, sách *Minh tâm*, sách *Tứ-thư*, mà đem giảng-nghĩa, diễn giải, bình-luận, chỗ nào không hợp-thời bãi-bác cũng được, tôi thiết-tưởng ách dạy như thế, không gì hay và ích lợi cho bọn thiếu-niên ta vậy. »

(Dịch báo « *Tribune indigène* », số 81, ngày 1^{er} Juillet 1918.)

Từ-khúc mới

(Cán-khê-xa 浣溪沙新曲)

I

Từ-hương

Bên gòai góc bể tìm tri-kỷ,
Ai biết đâu cho nổi nước này,
Tình riêng riêng nghĩ lại càng ngày.
Năm canh một ngọn đèn xanh biếc,
Chạnh niềm lưu-lạc chốn tha-hương,
Nhớ nhà dạ ngọc những thê-lương.

II

Cảm-hoài

Kinh-khanh vắng mặt tìm đâu được,
Lỗi thì thêm tủi phận hồng-nhan.
Trông nhớ người xưa lệ chứa-chan.
Ghé mắt nhìn xem trong tấm cõi,
Nào ai là thực đứng nam-nhi,
Anh-hùng đầu lưỡi có làm chi.

III

Nhận-tình

Đêm xuân tưởng nhớ người tri-kỷ,
Ngồi đứng vào, ra luồng lạnh-lùng,
Nỗi niềm riêng những trách thiên-công.
Nhớ ai không cánh bay tìm được,
Sông Tương đôi ngã một giòng sầu,
Lững-đứng thuyền ai một lá sầu ?

Nữ-sinh NGUYỄN SONG-KIM

